

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của khoá luận.

Hiện nay, du lịch đ-ợc xem là một trong những ngành kinh tế mũi nhọn trong chiến lược phát triển kinh tế. Du lịch đ-ợc gọi là “ngành công nghiệp không khói”, là một trong những ngành có đóng góp to lớn vào tổng thu nhập quốc dân .

Việt Nam là một quốc gia có tiềm năng du lịch rất dồi dào, đa dạng và phong phú, có thể nói không hề thua kém bất cứ một quốc gia nào trong khu vực. Việt Nam có điều kiện phát triển du lịch rất mạnh mẽ ở tất cả các loại hình du lịch nh- : Du lịch biển, du lịch sinh thái, du lịch nghỉ d- ỡng, du lịch mạo hiểm...đặc biệt là du lịch văn hoá. Trong loại hình du lịch nhân văn, các di tích văn hoá lịch sử và lễ hội chiếm một vị trí đặc biệt quan trọng. Hệ thống các di tích văn hóa lịch sử hầu hết đều gắn liền với các lễ hội,các phong tục tập quán của cộng đồng, phản ánh cuộc sống, lao động của con ng- ời tại các làng quê, gắn liền với việc tái hiện lịch sử chống giặc ngoại xâm của cha ông, gắn với các danh nhân văn hoá lịch sử của dân tộc. Đồng thời phản ánh khát vọng trong đời sống tâm linh của con ng- ời, mang ý nghĩa giáo dục con ng- ời h- ớng tới cái Chân- Thiện- Mỹ.

Để tạo ra đ-ợc sự mới lạ, hấp dẫn với du khách trong ch- ơng trình du lịch hiện nay đang h- ớng tới khai thác những tuyến du lịch với các di tích ,lễ hội độc đáo đã đ-ợc biết đến hoặc mới bắt đầu khai thác phục vụ du lịch.

Các di tích thờ t- ớng quân nhà Trần ở huyện Thuỷ Nguyên - Hải Phòng cũng là một trong những điểm du lịch văn hoá cần đ-ợc khai thác để phục vụ cho du lịch.

Thuỷ Nguyên là một trong những huyện có bề dày truyền thống lịch sử văn hoá của Hải Phòng. Toàn huyện có tới 147 di tích lịch sử các loại, trong đó có 23 di tích lịch sử đã đ-ợc xếp hạng cấp quốc gia, 28 di tích lịch sử đ-ợc xếp hạng cấp thành phố. Trong số đó có nhiều di tích, văn hoá truyền thống đã trở thành nét văn hoá tiêu biểu của Hải Phòng. Trên cơ sở khai thác lợi thế về điều kiện tự nhiên, môi tr- ờng sinh thái, truyền thống văn hoá lịch sử,cụm di tích thờ t- ớng quân nhà Trần ở Thuỷ Nguyên sẽ có một sức hấp dẫn với khách du lịch nhất là những du khách có trình độ học vấn và muốn hiểu biết về lịch sử Việt Nam.

Điểm du lịch văn hoá tại các di tích thờ t-ống quân nhà Trần ở Thủy Nguyên cũng đã và đang đ-ợc đ-a vào khai thác. Tuy nhiên để khai thác triệt để tiềm năng du lịch ở đây đạt đ-ợc những gì nh- mong muốn cần phải có một mục tiêu phát triển du lịch tại cụm di tích này. Việc đ-a vào xây dựng tuyến du lịch văn hoá, lễ hội của cụm di tích ở Thủy Nguyên góp phần quan trọng vào sự phát triển văn hoá- kinh tế- xã hội của huyện. Đồng thời góp phần to lớn trong việc giáo dục truyền thống lịch sử văn hoá cho thế hệ trẻ, bảo vệ các di sản văn hoá, nâng cao nhận thức cho cán bộ và nhân dân địa ph- ơng về giá trị của các di tích, lễ hội để phát huy những nét đẹp văn hóa của địa ph- ơng.

Chính vì vậy, ng- ời viết đã chọn đề tài cho khóa luận tốt nghiệp là : “*Khai thác giá trị lịch sử, văn hoá các di tích thờ t- ống quân nhà Trần ở huyện Thủy Nguyên – Hải Phòng phục vụ cho du lịch*”

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu của khóa luận.

-Tìm hiểu các giá trị lịch sử, văn hoá, lễ hội của các di tích thờ t- ống quân nhà Trần ở Thủy Nguyên cũng nh- đánh giá hiện trạng phát triển du lịch tại các điểm di tích này.

- Phác họa khái quát các di tích về lịch sử, kiến trúc, hiện vật, lễ hội...

- Đề xuất một số giải pháp về việc khai thác cụm di tích thờ t- ống quân nhà Trần phục vụ cho phát triển du lịch, góp phần phát triển kinh tế, bảo tồn và phát huy những giá trị truyền thống văn hoá của huyện Thủy Nguyên

3. Đối t- ợng và phạm vi nghiên cứu.

- Đối t- ợng nghiên cứu là các điểm di tích thờ t- ống quân nhà Trần ở huyện Thủy Nguyên với các giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể.

- Khai thác giá trị của các di tích lịch sử văn hóa là một phạm vi rộng lớn, đòi hỏi nhiều thời gian, công sức, điều kiện kinh tế cũng nh- trình độ và ph- ơng pháp của ng- ời nghiên cứu. Do điều kiện và khả năng của ng- ời viết trong b- ớc đầu tập sự nghiên cứu khoa học cho nên khóa luận chỉ giới hạn trong phạm vi nghiên cứu: tìm hiểu, khai thác giá trị một số di tích thờ t- ống quân nhà Trần về ph- ơng diện văn hóa vật chất và văn hóa tinh thần.

4. Ph- ơng pháp nghiên cứu

Đề tài này thuộc lĩnh vực nghiên cứu Khoa học xã hội và Nhân văn cho nên đ- ợc sử dụng các ph- ơng pháp nghiên cứu sau:

- Ph- ơng pháp nghiên cứu các tài liệu văn bản

- Phương pháp phân tích, hệ thống để phân tích, nghiên cứu, đánh giá các giá trị văn hoá của cụm di tích trong mối liên hệ với môi trường sinh thái, lịch sử hình thành, đời sống văn hoá của cộng đồng dân cư, điều kiện lịch sử văn hoá, kinh tế xã hội của địa phương...

- Phương pháp điền dã: Tiếp xúc trực tiếp khảo sát đối tượng nghiên cứu là các điểm di tích, trao đổi trực tiếp với những nhân vật phụ trách hoặc có hiểu biết về các di tích.

- Phương pháp đối chiếu so sánh để khắc họa những giá trị đặc trưng của các di tích này.

5. Lịch sử nghiên cứu

Cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Nguyên - Mông thế kỷ XIII mãi mãi là những chiến công hiển hách của quân và dân Đại Việt trong lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc. Vai trò to lớn của các tướng quân nhà Trần với hào khí “ Đông A” đã làm nên những kỳ tích phi thường ba lần đánh bại quân xâm lược Nguyên – Mông bảo vệ giang sơn gấm vóc còn sáng mãi nghìn thu.

Trên khắp mảnh đất của Thủy Nguyên Hải Phòng - vùng đất tiền tiêu duyên hải đều in rõ dấu chân của các tướng quân nhà Trần năm xưa đã đi qua ghi nhiều trong sử sách. Có nhiều tài liệu đã viết về cuộc kháng chiến chống quân xâm lược ở thế kỷ XIII như: “ Đại Việt sử ký toàn thư ” – Ngô Sĩ Liên; “ Cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Nguyên Mông thế kỷ XIII” – Hà Văn Tấn, Phạm Thị Tâm. Có một số đề tài cũng đã viết về các di tích thờ tướng quân nhà Trần ở Quảng Ninh, Nam Định... Nhưng cho đến nay theo tác giả đi qua biết thì chưa có tài liệu nào viết riêng về các di tích thờ tướng quân nhà Trần ở Thủy Nguyên đi qua công bố.

Vì vậy vấn đề mà người viết lựa chọn để nghiên cứu, tìm hiểu là một vấn đề hoàn toàn mới không trùng lặp với bất kỳ tài liệu nào đã công bố.

6. Đóng góp của khóa luận

- Đóng góp cho bản thân: Là một bước rèn luyện, tập làm khoa học, nghiên cứu tìm hiểu một vấn đề khoa học.

- Vấn đề đi qua thu thập, nghiên cứu đi qua coi như một cuốn tài liệu tham khảo cho các học sinh dẫn viên, những người làm công tác văn hóa của và cho những nhà kinh doanh du lịch của Hải Phòng nói chung và Thủy Nguyên nói riêng.

- Khi vấn đề nghiên cứu đã được thẩm định, bổ sung, hoàn chỉnh sẽ trở thành một tài liệu giới thiệu cho các di tích và khách khi đến tham quan, du lịch tại các điểm di tích này.

7. Bố cục của khoá luận

Ngoài phần Mở đầu, Kết luận, Tài liệu tham khảo, phụ lục Nội dung của khoá luận chia làm ba chương:

- Chương 1: Cơ sở lý luận về di tích lịch sử - văn hoá.
- Chương 2: Khai thác giá trị văn hóa một số di tích thời kỳ quân nhà Trần ở Thủy Nguyên.
- Chương 3: Đề xuất một số giải pháp nhằm khai thác và phát triển du lịch văn hóa ở huyện Thủy Nguyên.

CHƯƠNG 1

TỔNG QUAN VỀ DU LỊCH VĂN HÓA – DI TÍCH LỊCH SỬ VĂN HÓA

1.1. Tài nguyên du lịch.

1.1.1. Khái niệm về du lịch.

Tổ chức du lịch thế giới (WTO – World Tourism Organization) đã đưa ra định nghĩa: “ *Du lịch là tổng thể các hiện tượng và các mối quan hệ xuất phát từ sự giao lưu du khách, các nhà kinh doanh, chính quyền địa phương và cộng đồng dân cư trong quá trình thu hút và đón tiếp khách*”.(15.tr.12)

Theo PTS Trần Nhân: “ *Du lịch là quá trình hoạt động của con người rời khỏi quê hương đến một nơi khác với mục đích chủ yếu là đi- ọc thẩm nhận những giá trị vật chất và tinh thần đặc sắc, độc đáo, khác lạ với quê hương, không nhằm mục đích sinh lời đi- ọc tính bằng đồng tiền*”.(15.tr.8)

Pháp luật du lịch Việt Nam định nghĩa: “ *Du lịch là hoạt động của con người ngoài nơi cư trú thường xuyên của mình nhằm thoả mãn nhu cầu tham quan, giải trí, nghỉ ngơi trong một khoảng thời gian nhất định*”.

1.1.2. Tài nguyên du lịch.

Theo luật du lịch Việt Nam năm 2006: “*Tài nguyên du lịch là cảnh quan thiên nhiên, di tích lịch sử - văn hoá, công trình lao động sáng tạo của con người và các giá trị nhân văn khác có thể đi- ọc sử dụng nhằm đáp ứng nhu cầu du lịch, là yếu tố cơ bản để hình thành các khu du lịch, điểm du lịch, tuyến du lịch, đô thị du lịch*”.(điều 4 của LDL)

Du lịch là một trong những ngành có sự định hướng tài nguyên du lịch rõ rệt. Tài nguyên du lịch là một trong những yếu tố cơ sở để tạo nên vùng du lịch. Số lượng tài nguyên vốn có, chất lượng của chúng và mức độ kết hợp các loại tài nguyên trên lãnh thổ có ý nghĩa đặc biệt trong việc hình thành và phát triển du lịch của một vùng hay một quốc gia. Một lãnh thổ nào đó có nhiều tài nguyên du lịch các loại với chất lượng cao, có sức hấp dẫn khách du lịch lớn và mức độ kết hợp các loại tài nguyên phong phú thì sức thu hút khách du lịch càng mạnh.

Tài nguyên có sự ảnh hưởng trực tiếp đến tổ chức lãnh thổ của ngành du lịch, đến việc hình thành, chuyên môn hoá các vùng du lịch và hiệu quả kinh tế của hoạt động dịch vụ. Đồng thời tài nguyên du lịch cũng chịu sự chi phối gián tiếp của các nhân tố kinh tế - xã hội: Phương thức sản xuất và tính chất của quan hệ sản xuất, trình độ phát triển kinh tế - xã hội và cơ cấu, khối lượng nhu cầu du lịch.

Về thực chất, tài nguyên du lịch là tổng thể các yếu tố tự nhiên, văn hoá - lịch sử đã bị biến đổi ở nhiều mức độ nhất định dưới ảnh hưởng của nhu cầu xã hội và khả năng sử dụng trực tiếp vào mục đích du lịch.

Tài nguyên du lịch là tổng thể tự nhiên và văn hoá - lịch sử cùng các thành phần của chúng góp phần khôi phục và phát triển thể lực và trí lực của con người, khả năng lao động và sức khỏe của họ, những tài nguyên này được sử dụng cho nghiên cứu trực tiếp và gián tiếp, cho việc sản xuất dịch vụ du lịch.

Tài nguyên du lịch là một phạm trù lịch sử, bởi vì những thay đổi cơ cấu và lượng nhu cầu đã lôi cuốn vào hoạt động du lịch những thành phần mới mang tính chất tự nhiên cũng như tính chất văn hoá - lịch sử. Khái niệm “Tài nguyên du lịch” là một phạm trù động, vì nó thay đổi tùy thuộc vào sự tiến bộ của kỹ thuật, sự cần thiết về kinh tế, tính hợp lý và mức độ nghiên cứu. Khi đánh giá tài nguyên và xác định hướng khai thác chúng ta cần phải tính đến những thay đổi trong tương lai về nhu cầu cũng như khả năng kinh tế - kỹ thuật, sự cần thiết về kinh tế, tính hợp lý và mức độ nghiên cứu. Khi đánh giá tài nguyên và xác định hướng khai thác các tài nguyên du lịch cần tính đến những thay đổi trong tương lai về nhu cầu cũng như khả năng kinh tế, kỹ thuật khai thác các loại tài nguyên du lịch mới.

1.1.3. Đặc điểm

- Khối lượng các nguồn tài nguyên và diện tích phân bố các nguồn tài nguyên là cơ sở cần thiết để xác định khả năng khai thác và tiềm năng của hệ thống lãnh thổ nghỉ ngơi, du lịch.

- Thời gian có thể khai thác các định tính mùa vụ của du lịch, nhịp điệu dòng du lịch.

- Tính bất biến về mặt lãnh thổ của đa số các loại tài nguyên tạo nên lực hút cơ sở hạ tầng và dòng du lịch tới nơi tập trung các loại tài nguyên đó.

- Vốn đầu t- t- ơng đối thấp và giá thành chi phí sản xuất không cho phép xây dựng t- ơng đối nhanh chóng cơ sở hạ tầng và mang lại hiệu quả kinh tế - xã hội cũng nh- khả năng sử dụng độc lập từng loại tài nguyên.

- Khả năng sử dụng nhiều lần tài nguyên du lịch nếu tuân theo các quy định về sử dụng tự nhiên một cách hợp lý, thực hiện các biện pháp cần thiết để bảo vệ chúng.

1.2. Tài nguyên du lịch nhân văn

1.2.1. Khái niệm.

Tài nguyên du lịch nhân văn đ- ợc hiểu là các tài nguyên sáng tạo của con ng- ời bao gồm: Di tích lịch sử, văn hoá, lễ hội, phong tục tập quán và các công trình đ- ơng đại do xã hội và cộng đồng con ng- ời sáng tạo, có sức hấp dẫn du khách, có tác dụng giải trí, h- ởng thụ mang ý nghĩa thiết thực và đ- ợc đ- a vào khai thác phục vụ phát triển du lịch.

1.2.2. Đặc điểm.

- Là tài nguyên du lịch nhân văn tập trung tại các điểm quần c- ở cả nông thôn và đô thị, cả miền núi và đồng bằng, ven biển, hải đảo.

- Việc tham quan, tìm hiểu tài nguyên du lịch nhân văn có tác dụng nhận thức nhiều hơn, tác dụng giải trí không điển hình hoặc có ý nghĩa thứ yếu.

- Việc tìm hiểu các đối t- ơng nhân tạo đ- ợc diễn ra trong thời gian ngắn. Nó th- ờng kéo dài một vài giờ, cũng có thể một vài phút, thích hợp với loại hình du lịch nhận thức theo lộ trình.

- Số ng- ời quan tâm tới tài nguyên du lịch nhân văn th- ờng có trình độ văn hoá cao, thu nhập và yêu cầu th- ờng thức cao.

- Tài nguyên du lịch nhân văn có - u thế to lớn là đại bộ phận không có tính mùa vụ, ít bị phụ thuộc vào điều kiện khí t- ơng và các điều kiện tự nhiên khác.

- Sở thích của những ng- ời tìm hiểu đến tài nguyên du lịch nhân văn rất phức tạp và rất khác nhau

Tài nguyên du lịch nhân văn tác động theo từng giai đoạn:

+ Giai đoạn thông tin: Giai đoạn này du khách nhận đ- ợc những thông tin chung nhất, qua các thông tin miệng hay ph- ơng tiện thông tin đại chúng, nên có thể ch- a thật rõ ràng về đối t- ơng.

+ Giai đoạn tiếp xúc: Là giai đoạn khách du lịch có nhu cầu tiếp xúc bằng mắt th- ờng với đối t- ợng, tuy chỉ là l- ợt qua nh- ng là quan sát bằng mắt thực.

+ Giai đoạn nhận thức: Giai đoạn này khách du lịch làm quen với đối t- ợng một cách cơ bản hơn, đi sâu vào nội dung của nó, thời gian tiếp xúc dài hơn.

+ Giai đoạn đánh giá nhận xét: ở giai đoạn này, bằng kinh nghiệm sống của bản thân về mặt nhận thức, khách du lịch so sánh đối t- ợng này với đối t- ợng gần với nó.

Thông th- ờng việc làm quen với tài nguyên du lịch nhân văn dừng lại ở hai giai đoạn đầu, còn giai đoạn nhận thức và đánh giá nhận xét dành cho du khách có trình độ văn hoá nói chung và có chuyên môn cao.

1.2.3. Phân loại

a. Tài nguyên du lịch nhân văn phi vật thể

Là sản phẩm tinh thần có giá trị lịch sử, văn hoá, khoa học đ- ọc l- u giữ bằng trí nhớ, chữ viết, đ- ọc l- u truyền miệng, truyền nghề, trình diễn và các hình thức l- u giữ, l- u truyền khác, bao gồm: tiếng nói, chữ viết, tác phẩm văn học, nghệ thuật, khoa học ngữ văn truyền miệng, diễn x- ớng dân gian, lối sống, lễ hội, bí quyết về nghề thủ công truyền thống, tri thức về y d- ọc cổ truyền, về văn hoá ẩm thực, về trang phục truyền thống dân tộc và những tri thức dân gian khác.

b. Tài nguyên du lịch nhân văn vật thể.

Là sản phẩm vật chất có giá trị lịch sử, văn hoá, khoa học, bao gồm: Di tích lịch sử - văn hoá, danh lam thắng cảnh, di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia, là g- ờng mặt lịch sử, là nhân chứng của các thời đại.

Tài nguyên du lịch nhân văn vật thể ở n- ớc ta phong phú, đa dạng, đặc sắc, mang các giá trị lịch sử văn hoá, gắn liền với lịch sử hình thành và phát triển của đất n- ớc, gồm: Di tích khảo cổ, di tích kiến trúc nghệ thuật, di tích lịch sử, các công trình đ- ợng đại. Trong đó các di tích kiến trúc nghệ thuật nh- chùa, đình, đền, nhà thờ, miếu, nhà cổ, lăng tẩm, cung điện chiếm số l- ợng lớn, l- u giữ nhiều giá trị lịch sử, kiến trúc nghệ thuật văn hoá có giá trị, là những điểm tham quan, nghiên cứu hấp dẫn du khách.

** Đình làng*

Đình là yếu tố vật chất quan trọng nhất trong văn hoá làng. Đình là ngôi nhà chung của cộng đồng làng xã Việt Nam, là biểu tượng cho văn hoá làng Việt, và khi nói đến làng quê Việt là nói đến cây đa, giếng nước, sân đình.

Đình có từ lâu, lúc đầu như các quán, miếu qua đường, tới thế kỷ XVI đình phát triển nhiều. Thế kỷ XVII là sự phát triển đỉnh cao của nghệ thuật điêu khắc đình.

Nơi dựng đình thường ở giữa làng, trên một khu đất cao, thế đất đẹp, có long mạch.

Về cấu trúc của đình thường có một kiểu kết cấu phổ biến như sau:

Kết cấu chữ “Nhất” là kết cấu một toà đình có 5 gian hoặc 7 gian và 2 chái. Kết cấu này thường thấy ở các ngôi đình thờ nhà Mạc, đến thế kỷ XVII quê ta đã thành Hoàng vào thờ ở đình, xuất hiện tục hậu thân, cấu trúc như sau:

- Cấu trúc chữ “Nhị” gồm có phần đại đình cộng với phần hậu cung.
- Cấu trúc chữ “Đình” hay còn gọi là hình chuỗi vồ, bao gồm phần đại đình và phần hậu cung.
- Cấu trúc chữ “Công” gồm phần đại đình, hậu cung và toà ống muống nối giữa 2 phần này.

Sân đình cách mặt đất 0,6m - 0,8m, thường có thứ bậc (Tiền tế, Phòng đình), để quy định thứ bậc ngôi trong đình.

Kiến trúc của đình thể hiện giá trị nghệ thuật điêu khắc cao hơn hẳn so với các loại hình kiến trúc khác, là nguồn liệu để nghiên cứu lịch sử mỹ thuật Việt Nam, đời sống hàng ngày cũng như tâm hồn của quê hương nông dân Việt Nam.

Về điêu khắc ở đình làng, qua mỗi thời kỳ, mỗi triều đại Lê - Trịnh - Nguyễn đều có một kiểu kiến trúc gắn với điêu khắc khác nhau. Những nét khác biệt đó thể hiện chủ yếu trong các mô típ trang trí, rõ nhất ở hình con rồng và ở vị trí của các hoạt cảnh dân gian.

Về chức năng của đình làng gồm có ba chức năng:

- Chức năng tín ngưỡng: Thờ những quê hương có công với làng đó là những Thành Hoàng làng bao gồm:
 - + Thiên thần: Sau khi hoàn thành nhiệm vụ chống giặc ngoại xâm thì hoá bay về trời như: Thánh Tản Viên (chùa Tây Đằng).
 - + Nhân thần: Được thờ nhiều nhất trong các đình làng, gồm:

Ng- ời có công khai canh lập làng và những ng- ời có công dạy cho dân làng một nghề nào đó gọi là tổ nghề.

Ng- ời có công với làng với n- ớc, các vị anh hùng dân tộc đ- ợc tôn làm Thành Hoàng làng: Lê Chân, Hai Bà Tr- ng, Trần H- ng Đạo, Ngô Quyền. Có thể là các nhà s- thời Lý: Không Lộ, Minh Không, Từ Đạo Hạnh.

+ Dị thần (hạ đẳng thần).

- Chức năng hành chính: Mọi việc của làng đều đ- ợc giải quyết ở đình (nh- thu thuế, cử ng- ời đi đắp đê, bản thảo lập h- ơng - ớc, khao vọng).

- Chức năng văn hoá: Đình làng còn là nơi tổ chức các sinh hoạt văn hoá xã hội mang tính “ đẳng cấp” của làng, thể hiện qua hệ thống ngôi thứ ở đình khi hội họp, đình đám, khi tế lễ, năm lẻ tổ chức nhỏ, năm chẵn tổ chức lớn.

Đình làng cũng phản ánh sự can thiệp của Nhà n- ớc phong kiến vào làng xã thể hiện qua những đề tài điêu khắc nh- : Hình t- ượng con rồng, qua hệ thống thần, hay hệ thống ngôi thứ trong đình, dựa trên phẩm hàm, bằng cấp.

Đình là nơi thể hiện những đặc điểm về tín ng- ỡng, sinh hoạt văn hoá, lễ hội, phong tục tập quán của làng xã (tín ng- ỡng đa thần, thờ tổ tiên, tục đặt hậu).

Đình làng còn là nơi ghi dấu lịch sử dựng n- ớc và giữ n- ớc của dân tộc ta, hầu hết các vị thần là ng- ời có công xây dựng xóm làng, các t- ướng lĩnh có công đánh giặc giữ n- ớc.

Đình còn chứa đựng nguồn tài liệu Hán Nôm rất phong phú để tìm hiểu về làng xã cổ truyền. Các văn bản Hán Nôm phản ánh những mặt của đời sống làng xã.

Có thể nói đình là yếu tố quan trọng nhất, lớn nhất trong kết cấu làng Việt và cũng giống nh- ngôi chùa ở Việt Nam, đình làng đóng vai trò không thể thiếu trong đời sống tinh thần của ng- ời Việt.

**Đền, miếu, nghề, am, quán:*

Các tên gọi này không có sự nhất quán giữa các làng, song nhìn chung đây là nơi thần linh thành hoàng trú ngụ vì nhiều lý do khác nhau: Là nơi sinh, nơi hoá của thần, nơi thần dừng chân, nơi đóng doanh trại khi đánh trận, nơi bày chiến trận của thần.

Đền là những công trình kiến trúc nghệ thuật, thờ các vị nhân thần, thiên thần, những danh nhân, anh hùng dân tộc. Đền có lịch sử phát triển gắn liền với lịch sử dựng n- ớc và giữ n- ớc. Vì vậy đây là một loại di tích lịch sử văn

hoá có lịch sử phát triển lâu đời nhất n- óc ta, th- ờng đ- ợc xây dựng ở những nơi diễn ra các sự kiện lịch sử, nơi sinh hoặc mất của các thần điện.

Đền có các mảng điêu khắc, các nhang án, đồ tế tự, t- ượng, hoành phi th- ờng đ- ợc sơn son thiếp vàng có giá trị thẩm mỹ và nghệ thuật, các công trình kiến trúc th- ờng gắn liền với các truyền thuyết, các lễ hội để tôn vinh các thần điện hoặc danh nhân, các anh hùng dân tộc.

Đền trong làng Việt còn là nơi thờ Mẫu gắn với tục thờ nữ thần, hệ trọng trong quan niệm của dân làng.

Nhiều làng Việt còn có Quán của Đạo giáo. Kiến trúc của các Quán đạo cũng gần giống nh- chùa. Hệ thống t- ượng thờ gồm có t- ượng Tam Thanh đó là Thái Thanh, Th- ượng Thanh và Ngọc Thanh, phía d- ới là Tứ Ngự đó là bốn vị thần cai quản bốn ph- ơng, ngoài ra còn có ông Ngũ Lão quân (Lão Tử).

Đặc điểm chung của các di tích kiến trúc nghệ thuật ở Việt Nam.

- Chịu ảnh h- ưởng nhiều của phong cách mỹ thuật ph- ơng Đông, từ thế kỷ XIX có ảnh h- ưởng nhiều phong cách kiến trúc ph- ơng Tây.

- Đ- ợc quy hoạch xây dựng tuân theo phong cách phong thuỷ của ph- ơng Đông và quan niệm âm d- ương trong kinh dịch.

- Về mặt vị trí địa lý, đặt đ- ợc các đặc điểm có long châu, hổ phục, có tiền án, hậu trảm và minh đ- ờng, th- ờng xuyên lấy thiên nhiên tô điểm cho kiến trúc, nơi nào thiếu các yếu tố tự nhiên thì tạo ra phong cảnh nh- đào hồ, trồng cây để trang trí cho công trình và kiến trúc hài hoà với thiên nhiên, th- ờng đ- ợc xây dựng ở những nơi có cảnh đẹp.

- Tên gọi của các công trình hay các bộ phận cấu trúc của công trình, hệ thống hoành phi câu đối, đại tự đều có ý nghĩa triết học, là những câu văn hay , xúc tích, những từ mang ý nghĩa triết học.

- Các công trình đ- ợc bố trí xây dựng theo lối đăng đối, có trật tự, các công trình chính th- ờng nằm trên trục đứng đạo, các công trình khác đ- ợc bố trí đăng đối, có trật tự tiền, hậu , tả, hữu...

- Phần lớn các di tích đ- ợc xây dựng bằng vật liệu truyền thống quý, kết hợp hài hoà các giá trị văn hoá, kiến trúc nghệ thuật giữa văn hoá Việt Nam với văn hoá Trung Hoa, ấn Độ...và văn hoá ph- ơng Tây.

Đặc điểm và các giá trị kiến trúc nghệ thuật phụ thuộc vào các chức năng của các di tích nên mỗi loại di tích lịch sử có kiểu dáng kiến trúc mỹ thuật riêng.

Trong các di tích lịch sử văn hoá, th- ờng là thờ các nhân vật gắn liền với điển tích, công lao của các nhân vật và là nơi diễn ra các lễ hội.

Có thể nói, mỗi di tích lịch sử văn hoá th- ờng thể hiện những đặc điểm chung về kiến trúc mỹ thuật của từng thời đại, mang tính phân vùng và phù hợp với điều kiện địa lý tại chỗ.

1.3. Du lịch văn hoá

1.3.1.Khái niệm

Văn hoá là một hoạt động của con ng- ời tự do, biến đổi thế giới tự nhiên thành thế giới tự nhiên thứ hai có cấu trúc cao hơn và có dấu ấn ng- ời(có tính ng- ời). Trong quá trình đó con ng- ời hình thành cái thiên nhiên bên trong của chính mình (cảnh quan nội tại của chính mình), đồng thời thể hiện thái độ (ứng xử) với thiên nhiên thứ nhất và thiên nhiên thứ hai và ứng xử đối với chính mình.

Văn hoá là một hình thái xã hội toàn diện gồm ba hình thái: Chuẩn mực, giá trị và biểu t- ợng.

Du lịch văn hoá là loại hình du lịch mà ở đó con ng- ời h- ưởng thụ những sản phẩm văn hoá của nhân loại, của một quốc gia, một vùng dân c- .

Mục đích chính của du lịch văn hoá là thúc đẩy và nâng cao hiểu biết văn hoá cho cá nhân. Loại hình du lịch này thoả mãn lòng ham hiểu biết và ham thích nâng cao văn hoá thông qua các chuyến du lịch đến những nơi lạ để tìm hiểu và nghiên cứu lịch sử , kết cấu kinh tế, thể chế xã hội, phong tục tập quán, tín ng- ỡng của c- dân vùng du lịch.

Ngày nay du lịch văn hoá là một xu h- ớng mạnh mang tính toàn cầu, trong đó văn hoá trở thành nội hàm, động lực để phát triển du lịch bền vững, giá trị văn hoá khiến sản phẩm du lịch mang đậm tính độc đáo nhân văn, đ- ợc coi là nguồn tài nguyên du lịch đặc biệt hấp dẫn. Nếu tài nguyên du lịch tự nhiên hấp dẫn du khách bởi sự hoang sơ, hùng vĩ, độc đáo và hiếm hoi của nó, thì tài nguyên du lịch nhân văn thu hút du khách bởi tính phong phú, đa dạng, độc đáo và tính truyền thống cũng nh- tính địa ph- ơng của nó. Các đối t- ợng văn hoá, tài nguyên du lịch nhân văn là cơ sở để tạo nên các loại hình du lịch văn hoá phong phú, nó đánh dấu sự khác nhau giữa nơi này với nơi khác, quốc gia này với quốc gia khác, dân tộc này với dân tộc khác, là yếu tố thúc đẩy động cơ du khách, kích thích quá trình lữ hành.

Có thể nói, du lịch văn hoá là hoạt động du lịch diễn ra trong môi trường nhân văn hoặc hoạt động du lịch đó tập trung khai thác tài nguyên du lịch nhân văn tại các điểm du lịch, vùng du lịch.

1.3.2. Nội dung của sản phẩm du lịch văn hoá

Du lịch văn hoá bao gồm văn hóa vật thể và văn hóa phi vật thể, du lịch văn hóa chỉ thực sự có nội dung văn hoá khi gắn liền hoạt động của nó với kiến trúc lịch sử, xã hội liên quan đến tuyến điểm du lịch.

a. Các di tích lịch sử văn hoá, di chỉ khảo cổ học, các lễ hội truyền thống, trò chơi dân gian, các công trình kiến trúc, nghệ thuật ẩm thực của địa phương cho khách du lịch thấy được khung cảnh cuộc sống đa dạng của mỗi cộng đồng cư dân. Nó là tài sản quý giá của mỗi địa phương, mỗi dân tộc, mỗi đất nước và của cả nhân loại. Nó là bằng chứng trung thành, xác thực, cụ thể nhất về đặc điểm văn hoá của mỗi nước, trong đó chứa đựng tất cả những gì thuộc về truyền thống tốt đẹp, những tinh hoa, trí tuệ, tài năng, giá trị văn hoá nghệ thuật của mỗi quốc gia.

Di tích lịch sử văn hoá có khả năng rất lớn, góp phần vào việc phát triển trí tuệ, tài năng của con người, góp phần vào việc phát triển khoa học nhân văn, khoa học lịch sử. Đó chính là bộ mặt quá khứ của mỗi dân tộc, mỗi đất nước.

Được gọi là di tích lịch sử văn hoá vì chúng được tạo ra bởi con người (tập thể hoặc cá nhân) trong quá trình hoạt động sáng tạo lịch sử, hoạt động sáng tạo văn hoá. Văn hoá ở đây gồm cả văn hoá vật chất, văn hoá xã hội và văn hoá tinh thần.

Ở Việt Nam, theo pháp lệnh bảo vệ và sử dụng di tích lịch sử - văn hoá và danh lam thắng cảnh công bố ngày 4/4/1984 thì di tích lịch sử - văn hoá được quy định như sau:

“ Di tích lịch sử – văn hoá là những công trình xây dựng, địa điểm, đồ vật, tài liệu và các tác phẩm có giá trị lịch sử, khoa học, nghệ thuật, cũng như có giá trị văn hoá khác, hoặc liên quan đến các sự kiện lịch sử, quá trình phát triển văn hoá - xã hội”.

“ Danh lam thắng cảnh là những khu vực thiên nhiên có cảnh đẹp, hoặc có công trình xây dựng nổi tiếng”.

Từ đây có thể rút ra những quy định chung một cách khoa học và hệ thống về di tích lịch sử văn hóa:

+ Di tích lịch sử - văn hoá là những nơi ẩn dấu một bộ phận giá trị văn hoá khảo cổ.

+ Những địa điểm khung cảnh, ghi dấu về dân tộc học.

+ Những nơi diễn ra những sự kiện chính trị quan trọng có ý nghĩa thúc đẩy lịch sử đất nước, lịch sử địa phương phát triển.

+ Những địa điểm ghi dấu chiến công chống giặc xâm lược, áp bức.

+ Những nơi ghi dấu giá trị lưu niệm về nhân vật lịch sử, anh hùng dân tộc, danh nhân văn hoá, khoa học.

+ Những công trình kiến trúc, nghệ thuật có giá trị toàn quốc và khu vực.

+ Những danh lam thắng cảnh do thiên nhiên bài trí sẵn và có bàn tay con người tạo dựng thêm vào, được xếp là một loại trong các loại hình di tích lịch sử - văn hoá.

Như vậy có thể định nghĩa cụ thể: “ Di tích lịch sử văn hoá là những không gian vật chất cụ thể, khách qua, trong đó chứa đựng các giá trị điển hình lịch sử, do tập thể hoặc cá nhân con người sáng tạo ra trong lịch sử để lại”.

Mỗi di tích lịch sử - văn hoá chứa đựng nhiều nội dung lịch sử khác nhau. Có thể chia thành các loại di tích như sau:

* Loại hình di tích văn hoá khảo cổ (di chỉ khảo cổ): Là những địa điểm ẩn giấu một bộ phận giá trị văn hoá, thuộc về thời kỳ lịch sử xã hội loài người chưa có văn tự và thời gian nào đó trong lịch sử cổ đại. Ví dụ như: Di chỉ khảo cổ Tràng Kênh - Thủy Nguyên - Hải Phòng.

Đa số các di tích văn hoá khảo cổ nằm trong lòng đất, cũng có trường hợp tồn tại trên mặt đất: Các bức chạm khắc trên vách đá. Những di tích văn hoá khảo cổ này được phân thành hai loại là di chỉ cư trú và di chỉ mộ táng.

* Loại hình di tích lịch sử văn hoá: Thường gắn liền với các kiến trúc có giá trị ghi dấu về dân tộc học (sự ăn ở, sinh hoạt của các tộc người); ghi dấu chiến công xâm lược áp bức; những nơi ghi dấu giá trị lưu niệm về nhân vật lịch sử, anh hùng dân tộc, danh nhân văn hoá khoa học; ghi dấu sự vinh quang trong lao động; ghi dấu tội ác của đế quốc và phong kiến.

* Loại hình di tích văn hoá nghệ thuật: Là những di tích gắn với các công trình kiến trúc có giá trị nghệ thuật tiêu biểu, đặc sắc. Những di tích này không chỉ chứa đựng những giá trị kiến trúc mà còn chứa đựng cả những giá

trị văn hoá xã hội, văn hoá tinh thần: Văn Miếu Quốc Tử Giám, nhà thờ Phát Diệm, toà thánh Tây Ninh hay nh- đình Hàng Kênh - Hải Phòng...

* Di tích cách mạng: Là những di tích ghi lại một sự kiện quan trọng của lịch sử cách mạng địa ph- ơng, có ảnh h- ưởng lớn tới sự phát triển của phong trào cách mạng của địa ph- ơng, khu vực hay cả quốc gia.

* Các loại danh lam thắng cảnh: Do thiên nhiên bài trí sẵn và có bàn tay con ng- ời tạo dựng thêm và đ- ợc xếp là một trong các loại hình di tích lịch sử - văn hoá (chùa H- ơng, Yên Tử, động Tam Thanh,...) Các danh lam thắng cảnh th- ờng chứa đựng trong đó giá trị của nhiều loại di tích lịch sử -- văn hoá. Vì vậy nó có giá trị quan trọng đối với phát triển du lịch.

b. Các lễ hội truyền thống

“ Lễ hội là loại hình sinh hoạt văn hoá tổng hợp hết sức đa dạng và phong phú, là một kiểu sinh hoạt tập thể của nhân dân sau thời gian lao động mệt nhọc, hoặc là một dịp để con ng- ời h- ớng tới các sự kiện lịch sử trọng đại; ng- ỡng mộ tổ tiên, ôn lại truyền thống hoặc là để giải quyết những nỗi lo âu, những khao khát, - ớc mơ mà cuộc sống thực tại ch- a giải quyết đ- ợc” [8.tr.67].

Lễ hội có lịch sử rất lâu đời từ khi có nhu cầu sinh hoạt của con ng- ời thì lễ hội đ- ợc ra đời. Do đó cùng với sự phát triển của xã hội thì những lễ hội đ- ợc mở rộng hơn phù hợp với điều kiện sinh hoạt của con ng- ời.

Lễ hội bao giờ cũng gắn với một cộng đồng dân c- nhất định và đó là một sinh hoạt văn hoá không thể thiếu đ- ợc. Bất kỳ một dân tộc nào trên thế giới cũng đều h- ớng cho mình những lễ hội mang bản sắc riêng.

Đối với c- dân lúa n- ớc thì lễ hội là dịp để ng- ời ta bày tỏ tình cảm của con ng- ời với thiên nhiên, với các vị thần linh mà ng- ời ta cho rằng nhờ các yếu tố đó mà có mùa màng bội thu (Lễ hội chọi trâu Đồ Sơn ...)

1.3.3.Vai trò của các sản phẩm du lịch văn hóa.

Các di tích lịch sử - văn hoá, lễ hội bên cạnh các giá trị tâm linh về mặt đời sống của cộng đồng, nó còn có vai trò to lớn đối với sự phát triển của hoạt động du lịch của một số địa ph- ơng, một đất n- ớc.

- Di tích lịch sử - văn hoá là những công trình kiến trúc có giá trị lịch sử: đình, chùa, nghề, miếu, đó là những di sản văn hoá vật thể ẩn chứa trong nó những trang sử hào hùng, những giá trị tôn giáo, tâm linh của từng thời kỳ lịch sử, của từng vùng miền. Đây là chốn linh thiêng của các vị thành hoàng,

những vị anh hùng dân tộc có công trong các cuộc kháng chiến chống ngoại xâm bảo vệ tổ quốc và xây dựng đất nước.

- Di tích lịch sử - văn hoá là những bằng chứng xác thực, trung thành, cụ thể nhất về đặc điểm văn hoá của mỗi đất nước, nó chứa đựng tất cả những gì thuộc về truyền thống tốt đẹp, những tinh hoa trí tuệ, tài năng, giá trị văn hoá nghệ thuật của mỗi quốc gia. Tất cả các di tích lịch sử này đều mang đến cho con người những thông điệp từ quá khứ, nó làm thỏa mãn nhu cầu tham quan, hiểu biết tìm về cội nguồn của du khách. Là tài nguyên du lịch nhân văn quý giá giúp cho du lịch của địa phương và của quốc gia ngày càng phát triển ổn định và bền vững.

- Lễ hội là một hoạt động, là một sinh hoạt văn hoá, tôn giáo, nghệ thuật, truyền thống của một cộng đồng, một dân tộc. Lễ hội vừa có tính thần linh, vừa có tính trần tục, vừa ôn lại quá khứ để giáo dục hiện tại và bồi dưỡng tình cảm của con người đối với thiên nhiên đối với cộng đồng.

- Lễ hội là một công đoạn trong chu kỳ sản xuất nông nghiệp, kết thúc một chu kỳ sản xuất cũ, mở đầu một chu kỳ mới. Lễ hội đáp ứng yêu cầu đời sống tâm linh, thoả mãn các giá trị văn hoá cho nông dân, nó phản ánh đặc điểm tín ngưỡng, phong tục tập quán, sự phân tầng xã hội trong làng xã. Lễ hội chứa đựng những giá trị to lớn về cố kết cộng đồng; Qua đó sự chia sẻ cảm thông giữa các thành viên trong làng, trong xã, trong địa phương ngày càng được củng cố, phát triển.

- Lễ hội là một không gian thiêng, là nơi con người thể hiện đạo đức “Uống nước nhớ nguồn” của mình. Thông qua lễ hội mà người ta hiểu được truyền thống văn hoá của dân tộc, hiểu được nguồn gốc hình thành của dân tộc, hiểu được sự xuất hiện của cộng đồng làng xã và hiểu được nguồn gốc của các dòng tộc, gia tộc. Lễ hội là dịp để cha ông giáo dục truyền thống cho con cháu. Lịch sử văn hoá của dân tộc từ khi hình thành đến khi trở thành truyền thống, đó là sự chuyển giao từ thế hệ này đến thế hệ khác, mà lễ hội chính là một trường học mà thế hệ trước dạy lại cho thế hệ sau. Lễ hội là sợi dây mềm mại gắn kết cộng đồng góp phần tạo nên truyền thống đoàn kết, tính bền vững của xã hội.

- Lễ hội là điều kiện phát huy sắc thái văn hoá của mảnh đất, con người, là dịp tôn vinh văn hoá dân tộc. Nó được coi là bảo tàng sống sinh hoạt văn hoá tinh thần của con người Việt Nam.

- Lễ hội truyền thống là dịp tôn vinh những danh nhân, anh hùng dân tộc, ng-ời có công với dân với làng với n-ớc, ng-ời tạo nghề, lập làng, lập nghiệp khai khẩn đất đai.

- Lễ hội gắn với di tích lịch sử, đều có vai trò quan trọng đối với việc giáo dục truyền thống, bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hoá trong sự phát triển kinh tế - văn hoá - xã hội mang tính bền vững. Đồng thời nó có sức hấp dẫn du khách, cũng có giá trị đối với sự phát triển du lịch của địa ph-ơng, của quốc gia.

Có thể nói: “ Lễ hội là cuộc đời thứ hai bên cạnh cuộc đời thật; là hình thức tổng hoà văn hoá nghệ thuật; là một hiện t-ợng văn hoá mang tính trội”.

Nh- vậy, di tích là tiếng nói của các thế hệ đi tr-ước đã có công dựng n-ớc và giữ n-ớc cho hôm nay và mai sau, còn lễ hội là phần hồn, là bản chất, là chất keo nối kết cộng đồng dân tộc Việt Nam thành thể thống nhất và bền vững. Chính vì vậy đây là điều kiện khai thác tốt hơn cả di tích và lễ hội vào mục đích du lịch. Các di tích và lễ hội luôn gắn bó song hành với nhau và đó là cơ sở để chúng ta xây dựng các tuyến du lịch văn hoá - lễ hội.

Tiểu kết

Ngày nay, du lịch văn hoá đóng vai trò chủ yếu, quan trọng nhất trong tài nguyên du lịch nhân văn, nó đ-ợc coi là một h-ớng phát triển hiệu quả của ngành du lịch Việt Nam. Hệ thống các di tích lịch sử văn hoá, các công trình kiến trúc, các lễ hội đóng vai trò quan trọng trong đời sống tâm linh của ng-ời Việt, đồng thời đây cũng là nguồn lực để phát triển và mở rộng hoạt động du lịch, đã hấp dẫn đ-ợc l-ợng lớn khách du lịch trong và ngoài n-ớc.

Hoạt động du lịch đã khai thác rất nhiều các yếu tố văn hoá có liên quan đến các di tích lịch sử, các lễ hội truyền thống, những môn nghệ thuật dân gian và những giá trị văn hoá phi vật thể khác luôn là những chủ đề nghiên cứu, xây dựng sao cho những tài nguyên văn hoá đó trở thành những sản phẩm du lịch văn hoá đặc sắc. Mục đích của việc khai thác các yếu tố cấu thành nên sản phẩm du lịch văn hoá nhằm giúp cho du khách có thể hiểu đ-ợc lịch sử của mỗi vùng miền, mỗi địa danh và cảm nhận đ-ợc những nét văn hoá đặc tr-ng của điểm du lịch đó. Đồng thời, hoạt động du lịch văn hoá còn mang tính giáo dục sâu sắc, bởi nó giúp cho thế hệ trẻ hình thành nhân cách và thế giới quan trên nền tảng truyền thống, có ý thức bảo tồn và phát huy các giá trị truyền thống. Hiện nay sự phát triển của du lịch văn hoá đang trở thành một

điểm đi đúng đắn, mang lại hiệu quả kinh tế cao của ngành du lịch Việt Nam, trong đó có du lịch của Thủy Nguyên - Hải Phòng.

CHƯƠNG 2

KHAI THÁC GIÁ TRỊ LỊCH SỬ VĂN HÓA CÁC DI TÍCH THỜ TƯỢNG QUÂN NHÀ TRẦN Ở THUYẾT NGUYÊN – HẢI PHÒNG

2.1. Giới thiệu khái quát về huyện Thuyết Nguyên

2.1.1. Điều kiện tự nhiên và tài nguyên du lịch tự nhiên

**Vị trí địa lý*

Thuyết Nguyên là huyện thuộc miền duyên hải Hải Phòng, nằm trong toạ độ 20°55' vĩ độ Bắc, 106°45' kinh độ Đông, có diện tích 242km². Hiện nay huyện Thuyết Nguyên có 37 đơn vị hành chính gồm 2 thị trấn: Minh Đức và Núi Đèo và 35 xã

Vùng đất nơi đây đã được hình thành từ rất lâu, xưa được gọi là Nam Triệu Giang nằm trong vùng An Biên do nữ tướng Lê Chân cai quản, sau gọi là huyện Thuyết Đông thuộc phủ Tân An Châu Đông Triều. Đến triều vua Duy Tân thời Nguyễn (1908) đổi tên là huyện Thuyết Nguyên thuộc tỉnh Kiến An, sau đó sát nhập vào tỉnh Hải Phòng.

Thuyết Nguyên như một hòn đảo nằm trong vòng ôm của những dòng sông phía tây là sông Hàn, phía Bắc là sông Đá Bạc, phía Đông là sông Bạch Đằng, phía Nam là sông Cấm ngăn cách huyện Thuyết Nguyên với quận Hải An và nội thành Hải Phòng, nằm ngang huyện là hồ sông Giá thơ mộng.

Từ lịch sử xa xưa, Thuyết Nguyên là nơi trung gian quá cảnh đi nhiều vùng miền khác nhau bằng cả đường bộ lẫn đường thủy. Trên bản đồ hành chính của Hải Phòng, huyện Thuyết Nguyên giống như một quả tim lớn, phía Bắc giáp tỉnh Quảng Ninh, phía Tây giáp huyện Kinh Môn tỉnh Hải Dương, phía Nam giáp với quận Hải An và nội thành Hải Phòng, phía Đông nhìn ra biển và cửa Nam Triệu. Chiều dài của huyện từ bến Đụn (đập Phi Liệt) đến bến rừng Tam Hạng là 31km, chiều rộng từ bến Bính đến cầu Đá Bạc dài khoảng 17 km.

Độc huyện là quốc lộ số 10 chạy nối liền Hải Phòng với khu vực mỏ Quảng Ninh. Bên cạnh quốc lộ 10 là đường 5B và đường 205 từ Trại Xá qua bến phà Đụn sang vùng mỏ Mạo Khê. Ngoài ra còn có đường máng nước từ Vàng Danh đi ngược qua Thuyết Nguyên.

**Địa hình*

Thủy Nguyên là huyện ven biển ở vào vị trí chuyển tiếp của hai vùng địa lý tự nhiên lớn là châu thổ sông Hồng và vùng đồi núi Đông Bắc. Địa hình Thủy Nguyên gồm địa hình đồng bằng, đồi núi và vùng trũng cửa sông ven biển.

Địa hình có núi đá vôi xen kẽ.

Dạng địa hình này nằm ở phía bắc huyện gồm địa hình núi đá vôi, đồi núi đất chạy từ An Sơn qua xã Lại Xuân, Liên Khê, L- u Kiếm, Minh Tân, Gia Minh, Gia Đức và Minh Đức.

*** Địa hình đồng bằng**

Đồng bằng trung tâm huyện gồm các xã Kiền Bái, Mỹ Đông, Thủy Sơn....có lượng phù sa lớn thích hợp cho việc trồng lúa, hoa màu và cây ăn quả, độ cao trung bình của bề mặt th- ờng là từ 0,2 - 0,8m.

Đồng bằng ven sông

Đây là vùng đồng bằng vốn đ- ợc bồi tụ, th- ờng bị ngập n- ớc của các xã Hoàng Động, Hoa Động, Lâm Động, Tân D- ơng, Phục Lễ, Phả Lễ, An l- , Thủy Triều thuận lợi cho nền nông nghiệp phát triển.

Vùng cửa sông ven biển

Nét khác biệt đặc tr- ng cho dải đất ven biển huyện Thủy Nguyên là các bãi lầy đ- ợc tạo thành từ một lớp phù sa và bùn nhão, ở bề mặt th- ờng có màu phớt hồng. Đây là môi tr- ờng thuận lợi cho việc phát triển hệ thống thực vật phong phú và rừng ngập mặn.

Các dạng địa hình đặc biệt:

- Địa hình hang động: Trong quá trình hoạt động của vỏ trái đất đã ban tặng cho Thủy Nguyên một địa hình Karst trên cạn với nhiều hang động hấp dẫn và kì thú. Các hang động phần lớn tập trung ở phía Bắc huyện trong đó vẫn còn có rất nhiều hang động giữ đ- ợc vẻ hoang sơ nh- ban đầu.

ở đây có nhiều hang động nổi tiếng nh- Hang Vua, hang Vảo, hang Ma, hang Sộp, hang Lương, hang Đốc Tít... Hiện nay ch- a có một công trình nào nghiên cứu một cách có hệ thống về quá trình hình thành tạo các hang động kì thú này.

Hầu hết các hang động ở đây đều có độ dài d- ới 200m, các hang động có độ dài lớn nhất cũng không v- ợt quá 500m. Vị trí của hang động th- ờng tập trung ở mức cao 4 -6m, 15-20m, hoặc 30m so với mặt n- ớc biển.

Chiều rộng từ 5-10m, chiều cao từ 10-18m tuy kích th- ớc hang động không lớn nh- ng các hang động ở Thủy Nguyên lại có địa hình đẹp, nhiều

thành tạo địa chất hấp dẫn, nhiều thạch nhũ. Bên cạnh đó các hang động ở đây thờ ông gắn liền với tên tuổi của các vị anh hùng dân tộc qua các cuộc chiến tranh chống giặc ngoại xâm của dân tộc.

**Khí hậu*

Khí hậu Thuỷ Nguyên mang tính chất nhiệt đới nóng ẩm gió mùa, do sự chi phối của làn l- u gió mùa Đông Nam á. Đặc biệt là không khí cực đới nên khí hậu ở đây chia làm 2 mùa rõ rệt, nhiệt độ trung bình là 23°C, độ ẩm 82-85%.

**Tài nguyên n- ớc*

Trên bản đồ Hải phòng, huyện Thuỷ Nguyên nh- một ốc đảo bao bọc xung quanh và cả trong lòng huyện là hệ thống sông ngòi dày đặc. Sông có sông n- ớc ngọt, sông n- ớc lợ, sông n- ớc mặn sát ngay biển, đẹp nhất và có tiềm năng du lịch nhất là sông Giá. Sông Giá là một vùng cảnh quan thiên nhiên đẹp không phải ngẫu nhiên ng- ời ta gọi sông Giá là sông giàu huyền thoại.

Sông Giá là một chi l- u của hệ thống sông Bạch Đằng, bắt nguồn từ sông Đá Bạc tại thôn Giao D- ơng xã Lại Xuân, chảy qua các xã phía Đông Bắc huyện Thuỷ Nguyên rồi đổ ra sông Bạch Đằng ở khu Đầm Đe thị trấn Minh Đức.

Sông Giá len lỏi giữa các vùng núi non kì vĩ, tả ngạn là các xã Liên Khê, L- u Kiếm, Minh Đức hữu ngạn là các xã Lại Xuân, Kỳ Sơn, Chính Mỹ, Kênh Giang, Hoà bình, Trung Hà, Phục Lễ.

Sông Giá nằm giữa miền châu thổ ven biển đông, nơi tạo ra các nền văn minh lớn của c- dân Lạc Việt. Ngàn năm tr- ớc sông Giá hiền hoà góp phần hình thành “Hành lang văn hoá” của vùng đất Thuỷ Nguyên cổ kính đỉnh cao là văn hoá Tràng Kênh, văn minh Đông Sơn. Đồi bờ sông Giá còn là một kho tàng văn hoá phong phú, là quê h- ơng của nhiều danh tài mặc khách, nơi gìn giữ phong tục tập quán lâu đời của quê h- ơng đất n- ớc.

Hồ sông Giá là vùng du lịch cảnh quan sinh thái bao gồm 3 khu vực chính có mối quan hệ chặt chẽ với nhau trong khai thác đó là:

- Vùng lòng hồ sông Giá có chiều dài 16,5km từ đập Minh Đức tới đập Phi Liệt, chiều rộng trung bình từ 250 đến 400m, diện tích là 6,6km².

- Vùng bờ phía Bắc hồ bao gồm các xã Minh Tân, L- u Kiếm, Liên Khê và thị trấn Minh Đức. Nơi đây có nhiều núi đá, hang động và danh thắng đẹp như Hang Vua, đền thờ Trần Quốc Bảo.

- Vùng phía Nam hồ gồm các xã Ngũ Lão, Thuỷ Triều, Trung Hà... với những đồi thấp ven hồ, những vườn cây ăn quả trù phú.

** Tài nguyên đất*

Tài nguyên đất ở huyện Thuỷ Nguyên rất phong phú và đa dạng, được phân bố ở khắp mọi nơi bao gồm các loại đất sau:

- Đất phù sa màu nâu xám nhạt ở Liên Khê, Lại Xuân. Đất này có khả năng trồng lúa và hoa màu.

- Đất đồi núi và thung lũng th- ờng phân bố ở An Sơn, Phù Ninh, Quảng Thanh... có khả năng trồng lúa, hoa màu và các loại cây khác như chè, dứa...

- Đất cát ven sông có lớp phủ sù vẹt ở các xã dọc theo các dòng sông.

- Đất chua mặn ở phía Nam huyện đất này phân bố ở ven sông, ven biển.

** Tài nguyên động thực vật*

Động vật

Cho tới nay trên vùng đất của Thuỷ Nguyên gần như vắng bóng động vật hoang dã. Đây là hậu quả của quá trình khai phá rừng hoang để mở rộng địa bàn l- u trú và sản xuất của con người.

Tuy nhiên, hiện nay ở Thuỷ Nguyên vẫn còn có một số động vật tồn tại và phát triển, chúng thường xuất hiện ở các dãy núi đá vôi như: khỉ, dê, sơn dương...

Cho tới nay huyện Thuỷ Nguyên đang triển khai kế hoạch phủ xanh đồi trọc bằng cách trồng các loại cây có ích và thả các loại động vật hoang dã để giữ cân bằng sinh thái.

Thực vật

Thuỷ Nguyên có khí hậu nhiệt đới gió mùa bị chi phối mạnh bởi khí hậu của biển nên thực vật xanh tốt và sinh trưởng mạnh mẽ quanh năm cùng với tính chất đa dạng của địa hình và cấu tạo địa chất đã tạo lên tính đa dạng của các kiểu thực vật bì và phong phú về nguồn gen.

Dựa vào đặc điểm sinh thái và sự phân bố tự nhiên có thể chia thực vật tự nhiên thành các kiểu thực vật chính sau:

- Rừng trên đỉnh núi đá vôi có đặc điểm cây cối thường cao không quá 5m, rừng chủ yếu gồm 1 đến 2 tầng.

- Rừng trong các thung áng, trên núi đá vôi và trên các sườn núi đá vôi.

Đánh giá

Tài nguyên du lịch tự nhiên của Thuỷ Nguyên phong phú đa dạng và hấp dẫn, được hình thành bởi đặc điểm tổng hoà của các yếu tố địa chất - địa hình, khí hậu, thuỷ văn, thảm thực vật và thế giới động thực vật. Với sự phong phú về tài nguyên này huyện Thuỷ Nguyên có khả năng phát triển nhiều loại hình du lịch như: du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, vui chơi giải trí, du lịch thắng cảnh, du lịch leo núi...

Do đặc điểm về thời tiết, khí hậu có các yếu tố bất lợi như: gió, bão, mưa nên hoạt động du lịch của Thuỷ Nguyên sẽ bị ảnh hưởng nếu chỉ khai thác các lợi thế về tài nguyên du lịch tự nhiên.

2.1.2 Tài nguyên du lịch nhân văn huyện Thuỷ Nguyên

*** Dân cư**

Vùng đất Thuỷ Nguyên được hình thành từ rất sớm, dân cư sống tại vùng đất này đã xuất hiện từ rất xa xưa. Theo điều tra dân số của huyện Thuỷ Nguyên đến năm 2007 có khoảng gần 3 vạn người. Thuỷ Nguyên là trong những huyện có mật độ dân số cao của Hải Phòng 170 người/km².

Từ xưa tới nay khi nói đến con người Thuỷ Nguyên là người ta thường nói tới trai tài gái sắc, thông minh duyên dáng nổi tiếng khắp vùng. Sự phong phú đa dạng về địa hình tạo cho con người Thuỷ Nguyên có khả năng phát triển về mọi mặt có thể khắc phục được những khó khăn trong cuộc sống cũng như nhanh chóng thích nghi được với môi trường sống hiện đại.

Điều kiện đất đai khí hậu đã giúp con người Thuỷ Nguyên không chỉ giỏi về làm nông nghiệp, nghề làm rừng, làm vườn, chài lưới mà còn thông thạo các nghề thủ công, thương mại, máy móc công nghiệp.

*** Di tích lịch sử văn hoá**

Tính đến nay Thuỷ Nguyên có 147 các di tích lịch sử văn hoá trong đó có 28 di tích lịch sử được xếp hạng cấp thành phố, và 23 di tích lịch sử xếp hạng cấp quốc gia, và Thuỷ Nguyên cũng là nơi có nhiều thắng cảnh đẹp hấp dẫn phục vụ tham quan du lịch.

Huyện Thuỷ Nguyên có tài nguyên nhân văn khá phong phú và có giá trị cao đối với du lịch. Thuỷ Nguyên cũng là mảnh đất chứa nhiều sự kiện lịch sử trọng đại của dân tộc và đồng thời cũng là nơi xuất hiện những người cổ đại qua các di chỉ mộ cổ. Nhiều di tích lại nằm gần khu danh lam thắng cảnh như

Hang Vua, đền thờ Trần Quốc Bảo và di tích về bãi cọc chiến Bạch Đằng, hang Đốc Tít trong thời kì chống thực dân Pháp càng làm tăng thêm giá trị du lịch.

Hơn nữa Thuỷ Nguyên còn là miền đất có nhiều lễ hội dân gian đặc sắc, là nơi tập trung nhiều làng nghề thủ công truyền thống có sức thu hút khách du lịch. Tuy nhiên việc khai thác tiềm năng trên phục vụ cho du lịch còn rất hạn chế, các di tích lịch sử đ-ợc khai thác phục vụ du lịch còn quá ít. Lý do chủ yếu là cơ sở hạ tầng kém, giao thông ch- a thuận tiện, mặt khác các di tích đang bị xuống cấp nghiêm trọng, có nơi còn bị đổ nát. Một số đình chùa đ-ợc tôn tạo nh- ng lại ch- a đảm bảo đ-ợc tính chân thực của lịch sử, phong cách kiến trúc cổ.

** Một số nét về tình hình kinh tế- xã hội Thuỷ Nguyên hiện nay.*

Nằm ở phía Bắc thành phố Hải Phòng, Thuỷ Nguyên đ-ợc đánh giá là huyện có vị trí chiến l-ợc quan trọng về kinh tế, an ninh, quốc phòng.

Với diện tích 242,7km² lớn nhất so với các quận huyện khác của thành phố, dân số gần 30 vạn ng-ời với 37 đơn vị hành chính, Thuỷ Nguyên là đầu mối giao thông quan trọng về đ-ờng bộ, đ-ờng sông và đ-ờng biển.

Trong phát triển kinh tế, Thuỷ Nguyên có tiềm năng lớn về phát triển ngành công nghiệp đóng mới và sửa chữa tàu biển, khai thác chế biến, sản xuất vật liệu xây dựng, nhiệt điện, phát triển đô thị hiện đại và dịch vụ th-ơng mại, dịch vụ nuôi trồng và khai thác thuỷ sản.

Là một trong những địa bàn đ-ợc đầu t- lớn về phát triển hệ thống giao thông và các dự án công nghiệp quan trọng. Huyện Thuỷ Nguyên là nơi hội tụ các điều kiện của vùng kinh tế động lực. Việc xây dựng và phát triển huyện Thuỷ Nguyên có ý nghĩa rất quan trọng không chỉ đối với sự nghiệp xây dựng và phát triển thành phố Hải Phòng thời kì công nghiệp hoá, hiện đại hoá mà còn góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế của các địa ph-ơng khác.

Thuỷ Nguyên hôm nay đang từng b-ớc thay da đổi thịt nhờ những chính sách đổi mới phù hợp với đội ngũ lãnh đạo năng động dám nghĩ dám làm.

Trong những năm qua, đảng bộ, quân và dân huyện Thuỷ Nguyên đã nỗ lực phấn đấu đạt đ-ợc những kết quả quan trọng và khá toàn diện trên các lĩnh vực. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch đúng h-ớng giảm dần tỉ trọng nhóm ngành nông nghiệp, tăng tỉ trọng nhóm ngành công nghiệp, xây dựng, th-ơng mại và dịch vụ. Kinh tế tăng tr-ởng liên tục và luôn ở mức khá cao. Kinh tế xã hội

,nhất là hệ thống giao thông, cơ sở hạ tầng nông thôn, các công trình phục vụ sản xuất đ-ợc quan tâm đầu t-. Việc quản lí đất đai, xây dựng có chuyển biến tích cực, tốc độ đô thị hoá khá nhanh. Huyện đã kết hợp chặt chẽ với các ngành chức năng triển khai các dự án xây dựng nhà máy xi măng Hải Phòng, nhà máy nhiệt điện Tam Hưng, cầu Bính...

Các lĩnh vực giáo dục, đào tạo , y tế, văn hoá thông tin, thể dục thể thao từng bước đ-ợc xã hội hoá phát triển khá nhanh cả về quy mô, chất lượng đạt nhiều thành tựu xuất sắc.

Những vấn đề xã hội bức xúc như xoá đói giảm nghèo, giải quyết việc làm, chăm lo đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, đảm bảo các chính sách xã hội đ-ợc chú trọng. đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân từng bước đ-ợc cải thiện và nâng cao, tình hình quần chúng ổn định, tin tưởng vào đường lối đổi mới của Đảng và sự lãnh đạo của huyện.

Với sự cố gắng của các cấp các ngành, tình hình kinh tế - xã hội Thuỷ Nguyên vẫn ổn định và tiếp tục phát triển, đạt đ-ợc các chỉ tiêu nhiệm vụ đề ra, 6 tháng đầu năm 2007, tổng giá trị sản xuất của các ngành đạt đ-ợc 562,725 triệu đồng bằng 54,7% kế hoạch, tăng 15,5% so với cùng kỳ năm tr-ước, trong đó nông nghiệp, thuỷ sản tăng 11,9%, công nghiệp - xây dựng tăng 21,4%, dịch vụ tăng 13,7%, cơ cấu kinh tế chuyển dịch hiệu quả, tỉ trọng ngành công nghiệp chiếm 38,39%, công nghiệp - xây dựng chiếm 35,12%, dịch vụ chiếm 25,5%.

Công tác văn hoá, thông tin thể thao đ-ợc duy trì và phát triển tốt, chất lượng giáo dục đào tạo có nhiều chuyển biến các công trình dự án lớn trên địa bàn tiếp tục đ-ợc triển khai thực hiện. Nhiều công trình đ-ợc khởi công hay khánh thành vào dịp kỉ niệm những ngày lễ lớn.

Để thực hiện đ-ợc các mục tiêu, nhiệm vụ trên, đảng bộ và nhân dân huyện Thuỷ Nguyên sẽ tập trung thực hiện một số nhiệm vụ chủ yếu: Tiếp tục bổ sung điều chỉnh quy hoạch phát triển không gian đô thị và quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội phù hợp với yêu cầu phát triển mới. Bảo đảm sự tiên tiến đồng bộ, toàn diện, hiện đại, phát huy có hiệu quả các nguồn lực và lợi thế cho đầu t-, bảo đảm cho kinh tế - xã hội phát triển nhanh bền vững theo hướng khai thác tốt nhất tiềm năng, tài nguyên khoáng sản, quỹ đất, lợi thế về giao thông, ngành nghề truyền thống. Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng “Công nghiệp dịch vụ, thuỷ sản, nông nghiệp” tạo thành điểm nhấn, nâng cao năng lực thu hút và cạnh tranh với các vùng miền.

Tóm lại tài nguyên du lịch tự nhiên và nhân văn của huyện Thuỷ Nguyên rất đa dạng và phong phú, tình hình kinh tế - xã hội, đời sống nhân dân ngày càng đ-ợc cải thiện rõ nét từng b-ớc đ-a Thuỷ Nguyên trở thành một huyện phát triển nhất của thành phố Hải Phòng. Tuy nhiên vấn đề phát triển du lịch của huyện ch-a thực sự đ-ợc quan tâm và đầu t- theo đúng h-ớng để từng b-ớc đ-a du lịch Thuỷ Nguyên phát triển xứng đáng với tài nguyên sẵn có của nó.

2.2. Một số di tích thờ t- ớng quân nhà Trần ở Thuỷ Nguyên

Trong lịch sử Việt Nam thời trung đại, có lẽ ch-a có một v- ơng triều nào nh- v- ơng triều nhà Trần chỉ trong vòng 30 năm (1258 - 1288) đã lãnh đạo dân tộc nhỏ bé trên d- ới 5 triệu dân với ch-a đầy 20 vạn quân liên tiếp đánh bại ba cuộc xâm l- ợc của đế chế Nguyên - Mông hùng mạnh nhất thế giới bấy giờ.

Thế kỉ XIII, vó ngựa Nguyên Mông đã từng chinh chiến khắp á - Âu. Chúng đi tới đâu là gieo rắc thảm hoạ, chết chóc tới đó, nh- ng ba lần chúng đến n- ớc ta thì cả ba lần chúng đều bị quân dân Đại Việt đánh cho đại bại. Trong những lần kháng chiến hết sức khó khăn và ác liệt đó, để lập đ- ợc những chiến công hiển hách muôn đời sử sách l- u danh ấy, cùng với việc phát huy tinh thần đoàn kết, truyền thống yêu n- ớc quật c- ờng của dân tộc, nhà Trần đã có đ- ờng lối chiến tranh nhân dân đúng đắn, có nghệ thuật quân sự tài giỏi. Trong ba lần kháng chiến các vua Trần đã đóng góp vai trò hết sức quan trọng vào thắng lợi đó của dân tộc.

Các vua Trần là ng- ời chịu trách nhiệm chính tr- ớc toàn thể dân tộc về việc chuẩn bị điều kiện và phát động cuộc kháng chiến chống Nguyên Mông, và các vua Trần là ng- ời có tiếng nói quyết định trong việc phát động cuộc kháng chiến chống Nguyên - Mông.

Trên mảnh đất Thuỷ Nguyên , nơi có nhiều dấu tích của các cuộc kháng chiến chống xâm l- ợc, hiện nay có những công trình kiến trúc, các di tích lịch sử văn hóa thờ các t- ớng quân nhà Trần.

2.2.1. Di tích t- ớng nhớ t- ớng quân Trần H- ng Đạo

Trần H- ng Đạo là vị anh hùng dân tộc vĩ đại, nhà chính trị lỗi lạc, nhà quân sự kiệt xuất, có công lao to lớn trong công cuộc chuẩn bị và thực hành ba cuộc kháng chiến của quân dân ta, đánh bại mọi cố gắng xâm l- ợc điên cuồng

của đế chế Nguyên Mông, giữ vững độc lập chủ quyền của dân tộc, truyền lại cho chúng ta nhiều quan điểm t- t- ởng chính trị quân sự tiến bộ v- ợt thời đại.

Đền Trần H- ng Đạo tọa lạc ở cửa sông Bạch Đằng thuộc về mảnh đất Tràng Kênh-thị trấn Minh Đức-Thủy Nguyên-Hải Phòng. Nằm trên một nhánh sông Thái nối với nhánh sông Bạch Đằng, đằng sau là một ngọn núi đá hùng vĩ.

Theo lời kể của ng- ời thủ từ ngôi đền thì: X- a nơi đây không có ng- ời ở mà chỉ có một miếu nhỏ do những ng- ời đi thuyền chài ở dòng sông này lập lên với mong muốn cho việc làm ăn đ- ợc bình an và gặp nhiều may mắn nh- ng thực ra họ cũng không biết là thờ cúng ai mà chỉ biết đây là một nơi vô cùng linh thiêng.

Từ khi nhà máy xi măng Hải Phòng xây dựng ở đây thì đã nhiều lần nâng cấp, tu sửa miếu đó lên khang trang sạch đẹp hơn. Sau thời gian đó thì ông Lê Văn Thành giám đốc nhà máy xi măng Hải Phòng có tìm hiểu xem miếu này thờ nhân vật nào và thông qua bà Phan Thị Bích Hằng-nhà ngoại cảm thì ông đ- ợc biết vua Trần H- ng Đạo đã từng đánh giặc ở đây. Vua Trần H- ng Đạo cùng với các t- ởng quân nhà Trần đã từng đứng trên đỉnh núi này để đánh giặc Nguyên Mông nên nơi đây vẫn còn l- u giữ rất nhiều linh hồn thiêng của dân tộc. Từ ý nghĩa đó mà ông giám đốc nhà máy xi măng Hải Phòng đã xin đ- ợc làm đền thờ để thờ Trần H- ng Đạo và đ- ợc Ngài hiện lên báo mộng.

Sau khi đ- ợc Ngài hiện lên báo mộng thì ông Lê Văn Thành đã đi đến nhiều nơi từng vào đền Kiếp Bạc, Đền Bảo Lộc, về nhà Trần ở Nam Định -quê h- ong của Trần H- ng Đạo để tham khảo và chọn lọc các mẫu kiến trúc, đi đến đâu ông đều chụp hình chụp ảnh của mỗi nơi.

Sau khi về ông đã mời bà PhanThị Bích Hằng tới nói chuyện với Trần H- ng Đạo để tham khảo ý kiến của Ngài xem ngài có thích đ- ợc xây đền ở đây không và ngài đã chọn nơi này để xây dựng đền. Từ cấu trúc, hoa văn, bố cục, thiết kế... đều theo ý muốn của Trần Hưng Đạo.

Ngày 9/9/2008 ông giám đốc nhà máy xi măng Hải Phòng đã phát động xây dựng ngôi đền do toàn thể cán bộ công nhân viên trong nhà máy đóng góp mà đứng đầu là ông Lê Văn Thành.

Quá trình xây dựng ngôi đền diễn ra vô cùng thuận lợi không xảy ra bất cứ một vấn đề gì làm cản trở khó khăn trong quá trình thi công, phải chăng đó là do sự linh thiêng che chở của Ngài? Tr- ớc đây khi là miếu thì chỉ có diện

tích 200m² nh-ng trong quá trình xây dựng lại thì đã bắn mìn phá núi, tân đất lấn sông nên bây giờ diện tích của ngôi đền đã lên tới 4000m².

Do sự cố gắng của các nghệ nhân, quá trình xây dựng thuận lợi nên trong khoảng thời gian ngắn ngủi là trong vòng 99 ngày thì ngôi đền đ-ợc khánh thành mà vẫn bảo đảm được chất lượng tốt. Bây giờ được đặt tên là “Linh từ Tràng Kênh”. Ngôi đền tuy nhỏ nhưng tâm rất lớn, trong đó chứa đựng biết bao tâm huyết, lòng thành kính của cán bộ công nhân nhà máy xi măng Hải Phòng nói riêng và nhân dân cả n-ớc nói chung.

Ngôi đền cấu trúc theo hình chữ Đinh bên ngoài là ba gian tiền đ-ờng, đến tiếp là hai gian hậu cung, trong cùng là t-ơng thờ Trần H-ng Đạo. Pho t-ơng này nặng 1,2,tấn đ-ợc đúc bằng đồng nguyên chất, bên ngoài đ-ợc thiếp bạc thiếp vàng.

Xung quanh đền đ-ợc bao bọc bởi t-ờng đá đ-ợc chuyển ra từ Ninh Bình và do các nghệ nhân đến từ Ninh Bình thi công.

Cổng đền làm theo kiến trúc tam quan, ba tầng toàn bằng đá khối.

Toàn bộ gỗ trong đền, các cột đều làm từ gỗ lim do những ng-ời thợ cao tay đến từ Vĩnh Bảo thi công.

Toàn bộ án thờ, lọng thờ đều do nghệ nhân đến từ Hà Tây đảm nhận. Tất cả đồ châu, hạc là do thợ Nam Định đúc.

Một điều đặc biệt nữa ở ngôi đền này là quá trình xây dựng ngôi đền không có sự hạch toán, dự toán nào hết mà cứ xây thiếu gì thì lại bổ xung thêm nên không rõ kinh phí để xây dựng ngôi đền này hết bao nhiêu tiền mà cứ cán bộ công nhân viên nhà máy đóng góp còn thiếu đâu là do ông Lê Văn Thành đóng góp, bỏ tiền ra xây dựng.

*** *Hàng năm có ba kì lễ hội lớn tại đền Trần H-ng Đạo:***

+ Đầu năm : 14 tháng giêng cấp ấn tín

Từ 14-16 tổ chức cúng tế, các khách thập ph-ơng xa gần, công nhân trong công ty tổ chức làm lễ cúng tế.

+ Ngày 20/8 là ngày giỗ của Đức Thánh Trần-Trần H-ng Đạo.

+ Ngày 14 tháng chạp là ngày khánh thành ngôi đền. Từ 14-16 tổ chức cúng tế.

Đền Trần H-ng Đạo đ-ợc đúc ấn tại đây, cứ vào ngày mồng một và 15 ai có nhu cầu xin ấn tín thì đến đây,ấn tin đ-ợc đúc từ đền Bảo Lộc ở Nam Định rồi sau đó xin Ngài đồng ý mới chuyển ra đây.

2.2.2. Di tích T- ởng nhớ T- ởng quân Trần Quốc Bảo

** Vài nét về lịch sử*

T- ởng Trần Quốc Bảo thuộc dòng dõi quý tộc triều Trần, cháu gọi vua Trần Nhân Tông bằng ông. Trong trận đại chiến Bạch Đằng năm 1288 của quân dân nhà Trần chống giặc Nguyên Mông xâm l- ọc, ông là một trong những vị t- ởng tài giỏi, góp phần quan trọng vào chiến thắng vang dội này. Ông đã chiến đấu và anh dũng hi sinh tại vùng đất núi Tràng Kênh - thị trấn Minh Đức - Thuỷ Nguyên - Hải Phòng.

Cũng nh- bao v- ơng tử trong triều đại nhà Trần, Trần Quốc Bảo đ- ợc thừa kế những truyền thống quật c- ờng bất khuất của cha anh, rèn trí luyện tài mong có ngày được xông pha trận mạc “Phá cường địch báo hoàng ân” nhờ tài trí thông minh hơn ng- ời, tinh thông võ nghệ, am t- ờng binh th- , binh pháp. Trong trận quyết chiến Bạch Đằng, TRẦN QUỐC BẢO đ- ợc triều đình giao quyền chỉ huy đội thủy binh mai phục khu cửa ải Bạch Đằng Tràng Kênh tấn công đoạn binh thuyền của Ô Mã Nhi khi chúng xuôi từ sông Đá Bạc vào sông Bạch Đằng. Sau khi khảo sát nghiên cứu lợi thế dãy núi Tràng Kênh và đặc điểm thủy triều của sông Bạch Đằng, Trần quốc Bảo cho đóng quân ở áng Hồ, áng Lác, áng Gỗ... ngày đêm luyện tập quân lính vừa đánh thủy kết hợp với đánh bộ, huy động nhân dân trong vùng lập những đội dân binh, rèn đúc giáo mác, g- ơm đao, đóng thuyền chiến Mông Đồng, làm nhiều bè nứa, thuyền nan chứa củi khô, chất dễ cháy giấu kín tại các lạch sông vùng núi đá Tràng Kênh, Gia Đ- ớc kéo dài đến Do Lễ, Nghi Lễ (xã Tam H- ng) chuẩn bị cho cuộc hoả công.

Ngày 9/4/1288 quân mai phục của ta trên các mỏm núi của dải Tràng Kênh với cung tên, g- ơm giáo, câu liêm sẵn sàng chờ lệnh. Vào khoảng giờ Mão, đại binh thuyền của Ô Mã Nhi do tham chính Phạm Tiếp chỉ huy đi đầu đã bị quân ta đánh chặn ở các ngả buộc theo dòng sông Đá Bạc xuôi xuống sông Bạch Đằng. Chờ khi thuyền chiến địch đã lọt vào trận địa mai phục của ta, thời cơ giết giặc đã đến Trần Quốc Bảo ra lệnh vừa dứt các t- ởng sĩ cùng dân binh với những thuyền chiến Mông Đồng từ những áng núi Tràng Kênh dũng mãnh lao nh- tên bắn vào đội hình quân giặc. Đội quân tiên phong của ta với những đòn đánh quyết liệt, m- u trí và dũng cảm khiến địch choáng váng, đội hình rối loạn liêu chết chống trả hòng tìm đ- ờng tháo chạy. Trận chiến diễn ra vô cùng khốc liệt kéo dài nhiều giờ đồng hồ trên sông giữa một

bên là những đại binh thuyền to lớn đang liều chết với một bên là những chiến thuyền Mông Đổng nhỏ bé. Trần Quốc Bảo chỉ huy đội thủy binh dồn sức đánh áp chiến thuyền địch. Thuyền chiến của ta tả xung hữu đột làm chủ hoàn toàn trên quãng Ghềnh Cốc, các đội dân binh mai phục từ các mỏm núi đá Tràng Kênh và trong rừng Trang, Sú ven sông vừa hò la, đánh trống đánh chiêng làm nghi binh cổ vũ cho thủy quân xông lên vừa bắn tên đốt củi khô, củi khô đã chất sẵn trên thuyền lao về phía địch nh- m- a, dồn thuyền địch về bên tả ngạn sông nơi có trận địa cọc ngầm đang sẵn đón địch. Tr- ớc thế quân ta tấn công nhanh mạnh nh- n- ớc thủy triều, Ô Mã Nhi phải thúc thuyền tiến vào sông Chanh, sông Kênh, sông Rút để tìm đ- ờng tháo chạy. Trong lúc trận ác chiến diễn ra ác liệt Trần Quốc Bảo tiên phong tả xung hữu đột nhằm chiến thuyền chỉ huy của địch mà đánh, trong lúc vừa đánh vừa chỉ huy quân ông bị trúng tên độc. Nh- ng với niềm tin chiến thắng ông vẫn giữ bình tĩnh chỉ huy các đội binh thuyền, động viên các tướng sĩ một lòng “Sát thát” không hề nao núng xông lên đánh giặc dồn thuyền địch vào dãy cọc ngầm đang bất thần nhô lên từ các lòng sông, thuyền chiến của địch vừa bị vỡ chìm vừa bị đốt cháy làm cả khúc sông ngùn ngụt khói lửa, t- ớng tiên phong của địch là Phạm Tiếp bị bắt sống, trận chiến Bạch Đằng toàn thắng.

Lúc này t- ớng quân Trần Quốc Bảo đ- ọc các phó t- ớng và quân sĩ đ- a về núi hang núi áng Hồ cứu chữa, song do vết th- ơng quá nặng ông đã anh dũng hi sinh. Đêm đó phó t- ớng Vũ Nạp cho quân đắp một con đ- ờng nhỏ từ núi áng Hồ đến núi Ph- ợng Hoàng đ- a ông an táng tại đây.

Sau khi Trần Quốc Bảo mất , dân làng đã lập đền thờ ông ở chân núi đá thuộc dãy Tràng Kênh từ đó gọi là núi Hoàng Tôn hay núi Hoàng Phái, cách không xa lăng mộ. Hàng năm ng- ời dân địa ph- ơng cùng khách thập ph- ơng th- ờng xuyên đến thăm viếng, h- ơng nhang cúng tế, bỏ công sức tiền của tu sửa lên ngôi đền này càng to đẹp, xứng đáng là t- ợng đài chiến thắng Bạch Đằng trên đất Hải Phòng. Ca ngợi tài trí dũng cảm của vị t- ớng trẻ, nhân dân địa ph- ơng khắc ghi câu đối ở đền thờ vọng đời đời truyền tụng :

“Tự cổ triều Trần vô địch tướng

Vu kim kênh thủy tối linh từ”

(Từ x- a là t- ớng vô địch của triều Trần

Đến nay lại có đền thiêng bên dòng Tràng Kênh)

Ngôi đền nằm ở vị trí h- ớng ra dòng sông Bạch Đằng lịch sử bên tả có núi Mã Yên tựa rồng uốn khúc, bên hữu là núi Hoàng Tôn sừng sững uy

nghiêm tạo thế rồng châu hổ phục càng tôn thêm vẻ tôn nghiêm của ngôi đền cùng khu di tích lịch sử Tràng Kênh - Bạch Đằng.

Nét nổi bật của ngôi đền thờ Trần Quốc Bảo là những kiến trúc cổ độc đáo. Tam quan thiết kế thấp hơn so với thông thường, ng-ời b-ớc vào hay ra đều phải kính cẩn cúi mình tr-ớc tôn nghiêm thần t-ống. Qua cổng tam quan là nhà bái đ-ờng bốn mặt trống, quanh năm lộng gió kiến trúc theo kiểu chồng diêm hai mái, tám đầu mái rồng uốn cong vút với dáng vẻ thanh thoát kì vĩ.

Phía trên mái đ-ợc trang trí hoa văn kiểu lá lật ph-ợng móm với l-ỡng long châu nguyệt, mang đậm nét đặc tr-ng văn hoá đền đình Việt Nam cổ kính, tầng mái đ-ợc đỡ bởi 16 cột gỗ tròn gồm 2 vành, vành chính 4 cột, vành phụ 12 cột bao quanh. Bái đ-ờng bài trí h-ợng án và các đồ tế tự đơn sơ nh-ng hết sức trang nghiêm. Phía tr-ớc có đôi hạc gỗ đứng trên l-ng rùa, hai bên là bộ bát bửu t-ợng tr-ng cho sự uy nghiêm của võ t-ống.

Đền chính có hai gian nối tiếp kiểu ống muống, gian ngoài (Tiền đ-ờng) chính giữa đặt bàn thờ sơn son thiếp vàng cùng long ngai trang trọng, hai bên thờ quan văn võ. Bên phải tiền đ-ờng đặt t-ợng một viên quan Giám Mã, tay dắt ngựa bạch yên c-ợng sẵn sàng nh- đang chờ chủ t-ống lên đ-ờng đánh giặc. Gian hậu cung là nơi đặt t-ợng thờ t-ống Trần Quốc Bảo. Ngài uy nghi trong bộ võ phục màu đỏ khoắc hồng bào, nơi khám thờ sơn son thiếp vàng, mắt hùm h-ống về phía tr-ớc, nơi dòng sông Bạch Đằng lịch sử vẫn rì rào sóng gió nh- đang đốc quân chiến đấu với quân thù, đuổi giặc xâm lăng, giữ thanh bình cho quê h-ợng đất n-ớc.

Trải qua các thời kì lịch sử, đền thờ Trần Quốc Bảo đ-ợc các triều đình sắc phong là “ Minh hiển thiên tử hoàng tôn th-ợng đẳng phúc thần”; “Thượng đẳng tối linh từ” đồng thời cấp ruộng đất cất suốt đình trông nom bảo vệ ngôi đền. Ngày 28/4/1990 bộ văn hoá thông tin cấp công nhận khu di tích lịch sử danh thắng văn hoá Tràng Kênh, thị trấn Minh Đức - Thủy Nguyên trong đó có đền thờ và lăng mộ t-ống Trần Quốc Bảo. Ngày 10/5/2002 chủ tịch n-ớc Trần Đức L-ợng đã về thăm thị trấn và trồng cây l-u niệm tại đền thờ Trần Quốc Bảo.

*** Lăng mộ Trần Quốc Bảo**

Sau khi t-ống Trần Quốc Bảo hi sinh, phó t-ống Vũ Nạp và quân sĩ đã an táng ông tại chân núi Ph-ợng Hoàng cách trung tâm thị trấn Minh Đức chừng 1km theo đ-ờng chim bay về h-ống Tây Bắc. Ngôi mộ x-a đơn sơ giản

dị chỉ một bàn thờ cùng bát hương bằng đá, để thờ nhân dân địa phương và khách khắp nơi thường xuyên thăm viếng và đặt hương hoa tưởng niệm.

Xét về vị trí địa lý, mộ nằm nơi đắc địa theo thuật phong thủy của người xưa. Những ngọn núi đá núi đất đan xen nhau tạo thành thung lũng khá rộng và cao hơn hẳn những vùng đất xung quanh. Lăng mộ ông Trần Quốc Bảo nằm ngay dưới chân núi Phương Hoàng, để che trở bởi hai cánh khổng lồ của ngọn Cánh Chim hùng vĩ, hướng về phía trước là sông Bạch Đằng cuộn dòng chảy xiết tạo thế “Gối sơn đạp thủy”. Phía sau dựa lưng vào núi Phương Hoàng gọi là Chủ Phong, bên tả có núi gọi là Thanh Long, bên hữu có núi gọi là Bạch Hổ, hai núi này đứng hộ vệ châu vào núi chính tạo thành vòng tay ngai che chắn những luồng ác phong bảo vệ cho sinh khí không bị gió xua tan. Theo sách Táng Thư thì đây là nơi “Tàng phong” và “Đắc thủy”. Vì thế khi phó tướng Vũ Nạp mai táng tướng Trần Quốc Bảo đã chọn ngôi đất này để “Táng tiên ấm hậu” khắc ghi công đức vị tướng trẻ từng lập bao chiến công lừng lẫy trong cuộc chiến đấu bảo vệ đất nước, góp phần giữ gìn nét văn hóa truyền thống đậm đà bản sắc dân tộc Việt Nam “Uống nước nhớ nguồn”, tháng 3/2003 nhân dịp kỷ niệm 715 năm chiến thắng Bạch Đằng, 50 năm ngày Thủy Nguyên quật khởi 25/10 (1948-2003), đảng ủy, HĐND, UBND thị trấn Minh Đức đã huy động các nhà hảo tâm và nhân dân địa phương đóng góp công của quy hoạch xây dựng khu lăng mộ ông Trần Quốc Bảo có quy mô to đẹp, thiết kế kỹ thuật cao với diện tích lăng mộ 50m², sân trước rộng 500m². Toàn bộ lăng mộ từ chân móng lên tới đỉnh mái để xây dựng bằng đá xanh đểu cuộng công phu và để trang trí hoa văn tứ linh tứ quý kết hợp mái ngói mũi hài thêm phần tạo cảnh quan cổ kính thâm nghiêm. Hai tuyến đường từ trung tâm thị trấn đến lăng mộ, một từ chợ Trảng Kênh cũ đến, một từ đền thờ Trần Quốc Bảo sang để địa phương quan tâm đầu tư nâng cấp sạch đẹp tạo thuận lợi cho nhân dân địa phương và khách thập phương đến thăm viếng.

Từ đó đến nay, hàng năm địa phương tiếp tục đầu tư tôn tạo hoàn thiện khu lăng mộ gồm cổng tam quan, giếng Nguyệt, bài trí bốn hoa cây cảnh...làm nổi bật quần thể lăng mộ trong khung cảnh thiên nhiên hùng vĩ. Lăng mộ cùng với đền thờ ông quân tạo lên quần thể di tích văn hóa lịch sử Trảng Kênh-Bạch Đằng xứng đáng với tầm vóc một di tích văn hóa lịch sử của thành phố và quốc gia.

Hơn bảy thế kỷ đã trôi qua nhưng chiến thắng Bạch Đằng năm 1288 vẫn để nhắc đến như một chiến công hiển hách trong lịch sử dựng nước và giữ

n-ớc của dân tộc ta. Vùng đất Tràng Kênh nằm bên hữu ngạn con sông Bạch Đằng vẫn ngày đêm cuộn sóng, là nơi x- a kia đội quân nhà Trần đã từng đem quân mai phục chờ giặc ở áng Hồ, áng Lác (sông Thái) để rồi từ đó làm lên trận địa vùi xác quân thù trên sông n-ớc Bạch Đằng. Tràng kênh đã đi vào lịch sử dân tộc nh- một địa bàn quan trọng của chiến thắng vĩ đại ấy. Còn nay đó là một danh thắng với những hang động thung lũng đá vôi kì thú...đặc biệt sự hiện diện của ngôi đền thờ danh t- ông Trần Quốc Bảo của v- ơng triều Trần sừng sững trông ra cửa sông Bạch Đằng-Nam Triệu nh- một t- ơng đài kỉ niệm nhắc nhở chúng ta về những chiến công oanh liệt chống giặc ngoại xâm.

2.2.3. Di tích lịch sử văn hoá đền Vũ Nguyên, thôn Du Lễ xã Tam H- ng.

** Vài nét về lịch sử địa ph- ơng.*

Là một làng xã lớn trong số những làng ven sông Bạch Đằng mãi mãi đi vào lịch sử chống giặc ngoại xâm của dân tộc Việt Nam: Truyền thống Bạch Đằng - Chi Lăng Đống Đa.

Tam H- ng sẽ mãi đ- ợc ghi nhận là một trong những điểm chuẩn bị và triển khai trận địa phục kích Bạch Đằng năm 1288 của Trần H- ng Đạo và quân dân vùng biển đông bắc. Địa ph- ơng còn sản sinh ra Vũ Nguyên ng- ời lập công xuất sắc trong chiến trận Bạch Đằng lịch sử (Theo hồ sơ công nhận di tích)

Theo truyền sử địa ph- ơng, chỗ ngôi đền tọa lạc hiện nay vốn tr- ớc là ngôi nhà cũ của Vũ Nguyên. Trải qua quá trình tồn tại, tr- ớc thiên nhiên khắc nghiệt và chiến tranh tàn phá kiến trúc bái đ- ờng, phần lớn kiến trúc đã bị thu hẹp, còn lại gian cung chuôi vô ba gian bốn vì kèo gỗ t- ờng xây bít đốc. Tại đây bản xã vẫn tổ chức hàng năm ngày sinh của Vũ Nguyên 15/9. Đồng thời với kỉ niệm chiến thắng Bạch Đằng mồng 9/4 và ngày hoá mồng 9/11 âm lịch. Trong lòng quê h- ơng yêu dấu, tên tuổi Vũ Nguyên cùng với ngôi đền thờ t- ờng niệm ông còn sống mãi trong niềm tự hào của nhân dân làng xã Tam H- ng.

Tiếp theo cuộc tổng điều tra kiểm kê các di tích lịch sử Hải Phòng năm 1976-1977. Sở văn hoá thông tin - Ban quản lý di tích danh thắng Hải Phòng đã có quyết định công nhận đền Tam H- ng là dấu hiệu di tích lịch sử (theo pháp lệnh số 14 ngày 4/4/1984 của hội đồng nhà n- ớc) thì dấu hiệu di tích cũng đ- ợc bảo vệ nh- di tích.

Xét trên toàn cục đền Vũ Nguyên xã Tam H- ng xứng đáng đ- ọc tu tạo và bảo vệ cho xứng đáng với vai trò của nhân vật lịch sử đang đ- ọc nhân dân thành kính tôn thờ.

**Đ- ờng đến cụm di tích*

Từ trung tâm thành phố Hải Phòng qua Cầu Bính đi tới thị trấn Núi Đèo huyện Thuỷ Nguyên, theo đ- ờng quốc lộ số 10 cách bến Phà Rừng 1km, rẽ tay phải hỏi thăm UBND xã Tam H- ng sẽ đ- ọc chỉ dẫn tới cụm di tích.

** Sự kiện nhân vật lịch sử*

Căn cứ vào bản thân phả do dân làng l- u giữ chữ đề : Hoàng triều Vĩnh Tộ 3 (1622). Hoàng Triều Thành Thái thất niên thừa sao chính bản năm át Mùi (1896) đ- ọc biết. Sau chiến thắng, Vũ t- ớng công đ- ọc triều đình phong tặng chức t- ớc, cử về trấn thủ vùng cửa biển, không may bị tai nạn chết, ông hoá. Cảm th- ơng ng- ời trung nghĩa, dân làng trình biểu tấu sớ lên triều đình, chiếu chỉ cho bản xã truyền dân lập đền từ đền h- ơng cúng tế ngày sinh ngày hoá của Vũ Nguyên tại quê nhà.

Căn cứ vào ký ức dân dã địa ph- ơng sao chép lại bằng chữ Hán thân thế sự nghiệp của t- ớng quân Vũ Nguyên do Hàn Lâm Viện Đông các đại học sĩ Nguyễn Bính soạn năm Hồng Phúc nguyên niên (1572) và Quản giám bách thần tri điện hùng lĩnh bách thần Nguyễn Hiền phụng sao năm Vĩnh Tộ thứ 3 (1622). Bản thân tích Vũ t- ớng quân đ- ọc dân làng thừa sao năm Thành Thái 7 (1896) công tích Vũ Nguyên đ- ọc trích l- ọc nh- sau:

Trang Do Lễ thừa ấy (TK XIII) có một gia đình nông dân chồng là Vũ Bang vợ là Trần Thị Viễn sống thanh bản nh- ng tính tình cởi mở ham làm điều thiện. Ng- ời con trai tên gọi Vũ Nguyên, ngay từ tấm bé vốn sáng dạ, yêu kính cha mẹ lại ham học chữ nghĩa, luyện rèn cung kiếm. Ngoài tuổi 20, Vũ Nguyên trở thành một trang tuấn tú, văn võ kiện toàn, lòng mong báo đền nợ n- ớc.

Khi quân Nguyên Mông ô ạt sang đánh n- ớc ta một lần nữa (1287). H- ng Đạo V- ơng hành quân qua trang Du Lễ, Vũ Nguyên không tránh đi nh- mọi ng- ời khác mà cứ thản nhiên cày ruộng nhà. Thấy lạ H- ng Đạo V- ơng cho ng- ời đến hỏi vì sao không tránh khi quân đội triều đình đi qua, Vũ Nguyên khẳng khái trả lời: *“Việc hành quân là việc trọng đại của nhà n- ớc có khi diễn ra rông rãi hàng tháng. Tôi nghỉ làm buổi nào thì không có l- ơng ăn nuôi mẹ già chứ không có ý nào khác”*. Hưng Đạo Vương cả khen là người con có hiếu,

liên ban th-ởng cho Vũ Nguyên 10 nén bạc về nuôi mẹ già. Đ-ợc biết Vũ Nguyên là ng-ời tài giỏi đ-ờng võ nghệ. H-ng Đạo V-ơng khuyên nên tòng quân đánh giặc cứu n-ớc, đ-ợc mẹ già khích lệ Vũ Nguyên đi theo H-ng Đạo V-ơng. Trần Bạch Đằng xuân năm 1288 trong đạo quân chủ lực của triều Trần, Vũ Nguyên anh dũng xung trận lập đ-ợc nhiều chiến công hiển hách. Sau chiến thắng Bạch Đằng quân giặc phải rút khỏi bờ cõi n-ớc Nam. Vũ Nguyên đ-ợc vua Trần ban th-ởng xứng đáng rồi lĩnh mệnh về trấn thủ ở vùng ven biển Đông Bắc. Trên đ-ờng về quê thăm mẹ già ông hoá cùng sông n-ớc. Dân làng xót th-ơng Ng-ời trung nghĩa, số tầu lên triều đình. Nhà Trần liền cử sứ giả mang sắc chỉ truyền cho nhân dân bản xã tu lập đền từ, bốn mùa hương khói. Nhất phong: “Đương cảnh thành hoàng, thổ chúa Đại Vương” chuẩn hứa: Thuỷ đ-ờng huyện Do Lễ xã hộ kiêm chính sở h-ơng hoả phụng sự:

- Ngày sinh 15/4
- Ngày hoá 9/11 âm lịch.

Lý giải về nguyên nhân thắng lợi của tổ tiên ta, chỉ trong vòng 30 năm liên tiếp đánh thắng một đế chế mạnh nhất thế giới lúc ấy. H-ng Đạo V-ơng Trần Quốc Tuấn đã nhấn mạnh yếu tố: “Trên dưới một lòng, cả nước đấu sức”. Ngoài một số ít sử liệu ghi chép về hoạt động của vương triều Trần cùng một số t-ớng lĩnh cao cấp, sự đóng góp của toàn thể dân đại Việt là to lớn lại ít đ-ợc ghi chép cụ thể. Do vậy sử liệu thành văn l-u truyền trong nhân dân d-ới dạng thần phả, bia kí, đền thờ nh- ở Tam H-ng hiện tại hôm nay, có tác dụng nh- chính sử, phần khiếm khuyết ghi chép về diện mạo của một cuộc chiến tranh nhân dân toàn dân toàn diện d-ới sự lãnh đạo của v-ơng triều nhà Trần thế kỉ XIII.

**Khảo tả di tích*

Ngôi đền thờ t-ớng quân Vũ Nguyên tọa lạc d-ới gò đất cao ráo, ngay trung tâm làng xóm đông đúc. Mặt chính ngôi đền đ-ợc quay về h-ớng Nam với ý tưởng dân dã truyền thống “Thánh nhân ngồi nghe thiên hạ tâu bày”. Là một nhân vật lịch sử sinh ra từ đồng đất quê hương “sinh vị tướng tử vi thần”. Trải qua năm tháng tồn tại đ-ợc sự h-ởng ứng của toàn dân bản xã, sự trợ giúp tiền bạc của triều đình. Đền thờ t-ớng quân Vũ Nguyên tr-ớc đây là một công trình kiến trúc bề thế gồm toà bái đ-ờng, hậu cung, kiến trúc cổng và cột đứng trụ. Toàn bộ công trình đ-ợc xây dựng theo kiến trúc cổ, bằng những vật liệu

đeo bên như gỗ tứ thiết, đá, vôi, vữa trộn mật, gạch Bát Tràng to bản... Dấu vết còn lại của khoảng không gian và nền móng mà phạm vi ngôi đền thờ t-ống quân Vũ Nguyên tồn tại rục rĩ một cách hoàn chỉnh vẫn còn y nguyên qua những chiếc đầu kê cột cái, cột quân, toà bái đ-ờng bằng đá xanh, có đ-ờng kính từ 0,6 đến 0,75 m còn rải rác ngay trên mặt nền. Tại khu vực nhà văn bia còn sót lại ba tấm bia còn nguyên vẹn. Trong 3 văn bia này, tr-ớc có kích th-ớc lớn nhất (100*60*20cm) mà chúng tôi ngờ rằng đó là dấu vết trang trí thời Lê - Mạc (ngót 400 năm nay). Hai văn bia còn lại đ-ợc tạo dựng vào thời Nguyễn niên đại muộn hơn nh-ng đều chung nội dung ghi lại việc làm công đức của cộng đồng làng xóm Do lễ và khách thập ph-ơng trong quá trình tu tạo tôn sửa ngôi đền Vũ Nguyên.

Kiến trúc nguyên vẹn của ngôi đền hiện tại gồm phần hậu cung 3 gian, 4 vì gỗ.

Toà bái đ-ờng ngôi đền mới đ-ợc dân làng tu tạo năm 1997. Kết cấu vì nóc hai vì gian giữa kiểu “chồng r-ờng đập thước”.

Hai vì bên bờ nóc theo kiểu cốn b-ng. Kết cấu trong hai vì gian trung tâm theo lối “cột trốn — quá giang”. Để tăng diện tích sử dụng, khung gỗ chịu lực có ba thanh đốc th-ớc đặt so le đỡ chống nóc và đôi hoành thứ nhất.

Một thanh kẻ dài nối hai cột trốn ngôi trên quá giang cùng một thanh hoành gian nối liền 4 vì gỗ gian bái đ-ờng.

Hai gian bên đỡ các thanh hoành lao ngay vào hồi đốc t-ờng bit-đốc. Bờ nóc má lợp đôi rồng châu mặt trời. Đôi cột trụ xây đắp kiểu chung đèn lồng, lợp đặt đôi nghè cùng châu vào đầu giải.

Kiến trúc toà bái đ-ờng đ-ợc đóng mở bằng ba bộ cửa gỗ. Cửa th-ợng song hạ bàn, đứng vững trên ng-ỡng gỗ, hai gian hồi xây t-ờng gạch. Mặt chính kiến trúc quay h-ớng Tây Nam.

Ngoài việc t-ớng niệm t-ống quân Vũ Nguyên ng-ời bản xã. Di tích còn phối thờ Nam Hải đại v-ơng Phạm Tử Nghi một nhân vật kiệt xuất sống vào thời Mạc thế kỉ XVI có công giúp dân sản xuất và chống âm m-u bành tr-ớng xâm lấn lãnh thổ của triều Minh ph-ơng Bắc. Phạm Tử Nghi chính quê xã Vĩnh Niệm - An Hải - Hải Phòng.

Di tích đền Vũ Nguyên đ-ợc đóng mở bằng ba khung cửa gỗ cổ, bao quanh là cả v-ờn cau xanh tốt tạo tiền cảnh khoáng đạt đến êm ả của một làng quê cổ đã sinh ra một anh hùng nhân dân trong chiến trận Bạch Đằng năm 1288. Đền thờ Vũ Nguyên và cả xã Tam H-ng quê h-ơng ông nằm trong dải

di tích danh thắng Trảng Kênh- Bạch Đằng trên phạm vi rộng Hải phòng Quảng Ninh ngày nay.

** Các hiện vật lịch sử*

Nh- để bù lại sự khiếm khuyết vật chất của ngôi đền thờ t- ống quân Vũ Nguyên, số di vật còn lại của di tích cũng đủ để nói lên sự tôn thờ nhân vật lịch sử đã từng có công trong trận quyết chiến Bạch Đằng năm 1288. Đó là số t- liệu hành văn, 5 đạo sắc phong của các triều vua nhà Nguyễn cho thành hoàng Vũ Nguyên ng- ời Do Lễ.

1. Đó là 5 bản sắc phong vào các niên hiệu

- Tự Đức 6 (1854)

- Tự Đức 11 (1859) và Tự Đức thứ 31 (1879)

- Đồng Khánh 2 (1888)

- Thành Thái nguyên niên (1889)

Nội dung đều ghi nhận: Hải D- ơng tỉnh, Thuỷ Đ- ờng huyện về sau đổi thành Thuỷ Nguyên, Do Lễ xã tòng tiên phục sự đ- ơng cảnh thành hoàng hộ quốc trong dân.

2. Quyền thần phả sao năm Thành Thái, do dân làng truyền tay nhau giữ gìn chiếu theo lệ cũ đã giúp cho các nhà nghiên cứu lịch sử hôm nay và mai sau thấy rõ một gương mặt có công trong bản hùng ca “Bạch Đằng tụ cổ huyết do hồng” (ý thơ cổ của sứ thần Giang Văn Minh, người ấy là Vũ Nguyên sinh ra và lớn lên từ đồng Đất Do Lễ ven sông Bạch Đằng).

3. Trên vị trí quan trọng của kiến trúc hậu cung ngôi đền đặt chính vị cổ y ngai chứa bài vị Vũ t- ống quân.

Theo dân làng cho biết do Vũ Nguyên hoá cùng sông n- ớc nên dân làng chỉ có lệ thờ ngai - bài vị chiếu theo sắc phong của triều đình. Tr- ớc đây đền còn giữ bộ mũ và áo thờ nh- ng đến nay đã bị thất lạc.

4. ở phân bệ thấp hơn chính vị là thần hiệu “Nam Hải đại vương” Phạm Tử Nghi phối thờ trong di tích.

5. Bát h- ơng đại, đ- ờng kính 32cm, men hoa lam.

6. Một số đồ thờ tự khác bằng gốm sứ nh- ng không đồng bộ.

7. Bia đá: Hậu thân bia kí 3 chiếc, một có kích th- ớc cụ thể 60*100*20cm. Trang trí nghệ thuật hoa dây hình sin, l- ững long châu nguyệt.

Nghệ thuật Lê-Mạc đ- ọc thể hiện hài hoà qua trang trí trán bia, rồng và tia mây thẳng. Diềm bia là những dải hoa văn hình học nổi hình: Bông cúc

mãn khai mang ý tưởng về cuộc sống viên mãn - thuận gió hoà. Kế đó là hình các con thú 4 chân ngộ nghĩnh, sinh động trong nhiều thể đầy vẻ khoáng đạt. Toàn bộ sức nặng của tấm bia được gắn trên mái vòm của linh vật trong bộ tứ linh truyền thống.

Hai chiếc bia còn lại có kích thước nhỏ hơn (40*70*20) và chiếc thứ ba nhỏ đặt vào mặt kiến trúc cũ. Niên đại Nguyễn đầu thế kỷ XX. Nội dung ghi nhận công việc đóng góp tu tạo ngôi đền qua các niên đại ghi rõ tên họ, quê quán của hậu chủ và thập phoong bản xã Do Lễ và Phục Lễ.

Dù hạn chế về nội thất và khiếm khuyết của kiến trúc bái đường - nh- ng di tích có giá trị đích thực là một chứng tích lịch sử của một con người và chiến công trong cuộc kháng chiến chống Nguyên Mông thế kỷ XIII chắc chắn có nhiều phần đóng góp của toàn trang Do Lễ thừa ấy mà Vũ tướng quân là tiêu biểu.

2.2.4. Miếu Phả Lễ

Phả Lễ còn có tên gọi Phở Lễ, là đơn vị hành chính cấp xã thuộc huyện Thuỷ Nguyên. Trước năm 1945 thuộc địa bàn tổng Phục Lễ, phủ Thuỷ Nguyên, tỉnh Kiến An. Tên xã từ sau năm 1945 được gọi theo tên làng xã ven sông biển. Phả Lễ có nghề truyền thống đánh bắt cá song song với nông nghiệp lúa nước, cư dân có cuộc sống ổn định từ hàng trăm năm nay. Các công trình văn hoá, tín ngưỡng cộng đồng từ xưa - nay có đình, miếu, nghề ở Phả Lễ tôn thờ bốn vị thành hoàng rất nổi tiếng trong lịch sử:

- Thần Quý Minh, nhân vật lịch sử thời Hùng Vương.
- H- ng Đạo đại v- ong Trần Quốc Tuấn được thờ bằng bài vị ở nghề ch- a có sắc phong.
- Phở Hộ, Phở Độ đều sinh vào thời Trần niên hiệu Nguyên Phong, có công giúp Trần H- ng Đạo đánh quân Ô Mã Nhi.

** Đường đi đến di tích*

Từ trung tâm thành phố Hải Phòng qua cầu Bính theo quốc lộ 10 đến huyện Thuỷ Nguyên qua Núi Đèo đi tiếp con đường h- ống tới bến Phả Rừng. Đến bến điện văn hoá xã Ngũ Lão, Phục Lễ. Di tích miếu Phả Lễ nằm ngay sát con đường liên xã này đối diện trạm bến điện văn hoá xã phả Lễ là đến nơi.

**Lịch sử nhân vật được thờ tự*

Qua khảo sát thực tế, hiện tại đền miếu cổ làng Phả Lễ huyện Thủy Nguyên thờ các vị phúc thần như sau:

1. Quý Minh thượng đẳng thần - một nhân vật lịch sử thời Hùng Vương thứ 18.

2. Hai anh em Trần Hộ, Trần Độ (nguyên gốc cũ trong thần phả, sắc phong đọc là Phổ Hộ, Phổ Độ. Cả hai anh em đều sinh trưởng trong một gia đình có nguồn gốc từ Châu Á tức Thanh Hoá thời nay). Bố mẹ hai ông đã làm nghề sông nước lâu đời và sinh thành hai anh em tại mảnh đất ven sông Bạch Đằng chói ngời chiến công đánh thắng giặc Nguyên Mông. Căn cứ vào bảng thần phả ghi bằng chữ Hán hiện được ban quản lý di tích đền Phả Lễ lưu giữ cộng với sự tham khảo một số sách báo đã xuất bản ở Trung ương và thành phố Hải Phòng viết về nhân vật được thờ tại di tích như sau:

Theo sử cũ, vốn là hai anh em sinh vào thời Trần, sát cánh cùng lực lượng của triều đình tổ chức đánh giặc Nguyên Mông trong trận chiến thắng Bạch Đằng năm 1288, dưới sự chỉ huy của Hạng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn và các đạo quân tinh nhuệ của hai vua Trần. Đạo quân Thánh Dực của Nguyễn Khoái, đội hữu vệ quân do thống quân Phạm Ngũ Lão chỉ huy cùng tham gia chiến trận làm nên chiến thắng Bạch Đằng năm 1288 còn có nhiều đội dân binh địa phương ở hai bên bờ sông Bạch Đằng. Sử sách không ghi chép cụ thể về những tên tuổi cùng những chiến công của nhiều anh hùng địa phương như sự nghiệp đánh giặc cứu nước của họ vẫn còn được lưu truyền, ghi nhớ qua hệ thống di tích là đền, địa danh dọc hai bên sông thuộc Hải Phòng và Quảng Ninh.

Với tư tưởng chủ đạo “Dựa vào nhân dân đánh giặc phát động tổ chức nhân dân các làng xã trực tiếp tham gia chiến đấu”

Trần Hộ, Trần Độ, Mai Đình Nghiêm nổi lên là những chỉ huy dẫn dắt dân binh địa phương xông pha chiến trận trên sông nước lập được công lớn. Trận đại phục kích quân Nguyên Mông diễn ra tại sông Bạch Đằng năm 1288 hai anh em tuyển mộ đội quân dân binh giúp Hạng Đạo Vương thực hiện kế hoạch công thiêu cháy tàu, thuyền giặc lọt vào trận địa giăng sẵn của quân ta.

“... Bạch Đằng nhất trận hỏa công

Phá tan quân giặc máu hồng đầy sông”

Khi cả hai anh em qua đời nhân dân địa phương đã lập đền miếu tôn thờ, suy tôn làm thành hoàng để ghi nhớ công đức muôn đời sau.

Các đời vua nhà Nguyễn: Tự Đức, Đồng Khánh, Thành Thái, Khải Định đều có sắc phong cho các vị Quý Minh Th- ợng Đẳng thân Phổ Hộ ,Phổ Độ, tôn thân Mai Đình Nghiễm cũng là một vị chỉ huy đội dân binh đ- ợc làng Phục Lễ tôn thờ làm phúc thần tại miếu gần con đê cổ địa ph- ợng.

**Khảo tả di tích .*

Di tích miếu Phả Lễ có bố cục mặt bằng kiểu chữ đinh gồm 5 gian tiền đ- ờng, 3 gian cung chuôi vồ.

Niên hiệu tạo dựng của di tích vào thời Nguyễn Thành Thái năm Mậu Tuất (1898). Có lẽ từ sau mức thời gian tạo dựng này (106 năm) ngôi miếu đã nhiều lần đ- ợc dân làng trùng tu tôn tạo.

Mặt chính của di tích quay h- ớng Tây Nam nơi con đ- ờng liên xã đi qua, hai phía hồi t- ờng Bắc-Nam của di tích đ- ợc che phủ bóng mát bởi màu xanh của hai cây gạo ta hoa đỏ ối tạo cảnh quan thiên nhiên ngoạn mục tr- ớc nơi thờ cúng tôn nghiêm của dân làng.

Kiến trúc tòa bái đ- ờng của ngôi miếu mang dáng dấp của ngôi đình cổ, quy mô vừa phải tuy nhiên mái đao cộng thêm cột tàu lá mái đã đ- ợc gia công cắt bỏ bớt chi tiết cũ qua nhiều lần tu tạo.

- a.Toà bái đ- ờng : Nhìn từ phía tr- ớc nổi rõ cột hàng hiên đỡ tàu lá mái
 - Bộ khung gỗ gồm 4 vì,hai gian bên được xây gạch theo lối” tường hồi bít đốc”
 - Kết cấu vì nóc mái kiểu giá chiêng

Trong một bộ vì gỗ đ- ợc bao gồm 4 cột gỗ có hai cột cái, hai cột quân trong từng vì, đỉnh trụ của cây cột cái trong mỗi vì đ- ợc nối với nhau bằng một câu đầu bào nhẵn, khớp phân bụng đ- ợc bào nhẵn với đầu d- đ- ợc tạo dáng hình rồng có đủ mặt cấu tạo bên ngoài nh- mắt nổi, miệng cá ngậm viên ngọc, vẩy bờm tóc...mang nét đặc tr- ợng con rồng thời Nguyễn thế kỉ XIX

+ Tại phần ngọn phía đối xứng qua cột với đầu d- đ- ợc tạo dáng hình rồng là phần cốn trang trí trên kẻ nách, vừa có nhiệm vụ đỡ 4 thanh hoành gian nằm ngay trên các mảng cốn góc trên kẻ, đồng thời nối liền cột cái với cột quân.

Tại ba gian chính giữa của toà bái đ- ờng đ- ợc đóng mở bằng ba bộ cửa gỗ kiểu” Thượng song-hạ bàn” đặt trên ngưỡng gỗ chạy suốt 3 gian giữa, bộ ng- ỡng cao 30m_so với mặt nền miếu

+ Thêm hiên cao 0,15m so với diện tích sân hồi, phần mái hiên đ- ợc tạo bởi một kết cấu” Tiền kẻ - hậu bẩy” nhưng cột hiên đỡ mái tàu đỡ chân ngói đã đ- ợc thay thế bằng chất liệu xi măng.

b. Toà hậu cung

Cách toà bái đ- ờng 1,5m nguyên gốc là một kết cấu chuỗi vô khép kín, ngăn cách giữa toà bái đ- ờng và ngôi cửa miếu với phần cung cấm bằng những tấm bình phong gỗ, có lối đi hai bên tả hữu. Nay đã đ- ợc nhân dân địa ph- ơng tu tạo mở ra một khoảng cách giữa hai toà kiến trúc bái đ- ờng và cung cấm. Phía ngoài thêm cung cấm đặt một nhang án bài trí đôi ống h- ơng, một mâm bông cỡ đại, một bát nhang, phía trong toà hậu cung bài trí ba bộ long ngai - bài vị đề duệ hiệu của ba vị phúc thần đ- ợc tôn thờ.

** Các hiện vật còn lại*

1. Một chiếc bia đá niên hiệu Thành Thái 13(1901) đặt phía sân sát hồi hiên bên phải toà bái đ- ờng. Bia có nhan đề “ Phả Lễ nhị xã bi ký” ghi lại sự giao - ơc giữa đại diện chức sắc hai thôn Phả Lễ - Lập Lễ cam kết phân chia đồng tiền, địa giới của hai bên.

2. Bộ chấp kích, bát biểu vũ khí thờ có: chùy, đoản kiếm, song lệnh gồm 16 thanh đ- ợc giá gọn gàng trên giá gỗ

3. Kiệu bát cống: Gồm 8 thanh rồng liên hệ với nhau qua khớp nối trụ xoay mang biểu t- ợng hình rồng Nguyễn thế kỉ XX

4. Ba bộ ngai án, bài vị: Biểu tr- ơng cho uy linh của các vị phúc thần đ- ợc tôn thờ tại di tích. Trang trí đồ rồng và đồ án hình hoạ trên riềm bệ, thân bài vị đều mang đậm phong cách nghệ thuật Nguyễn cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX

5. Thân phả chữ Hán; 1 cuốn

6. Sắc phong: Gồm 8 sắc của các đời vua nhà Nguyễn: Tự Đức, Thành Thái, Khải Định cho ba vị phúc thần

7. Đại tự: có 3 bức đ- ợc tạo nổi trên khung gỗ viền các dải trang trí sơn thép rực rỡ, phần âm nghĩa đ- ợc dịch nh- sau:

a. Đại tự số 1: Tối linh từ

b. Đại tự số 2: Thần hoá dân nghi

c. Đại tự số 3: Thánh cung vạn tuế

Ngoài ra di tích còn l- u giữ đ- ợc một số l- ợng đáng kể các đồ thờ tự nh- lọ cắm hoa, bát nhang, hai chiếc h- ơng án tiền phục chế theo lối cổ góp phần tạo ra sự phong phú đa dạng của các di vật trong di tích lịch sử văn hoá.

2.2.5. Di tích lịch sử đình Chung Mỹ

** Đường đi đến di tích*

Đình Chung Mỹ nằm ven quốc lộ 10 nên có rất nhiều đường thuận lợi cho du khách đến thăm di tích. Từ Hải Phòng du khách qua cầu Bính rồi theo quốc lộ 10 đi phà Rừng khoảng 12km nhìn sang bên phải thấy mặt sau của một công trình kiến trúc cổ đó chính là đình Chung Mỹ.

** Lịch sử vị thần được thờ*

Theo truyền thuyết lâu truyền trong nhân dân địa phương và một số th tích cổ nh- sắc phong, bia kí sử cũ...thì đình Chung Mỹ xã Trung Hà huyện Thuỷ Nguyên là đài thờ niệm nơi tôn thờ danh tướng H- ng Trí V- ong thời nhà Trần (1226-1400) nh- ng tiếc thay bản thân phả tôn thần bị thực dân Pháp đốt mất trong thời gian đóng đồn, lập chốt tại đình. Nhân dân cũng xin nói thêm chùa Chung Mỹ và chợ chùa Chung Mỹ vang bóng một thời cũng đã bị quân đội viễn chinh Pháp đập phá tan tành không còn một dấu vết gì trên mặt đất, ngoài một số tượng Pháp, chuông đồng phải đem sơ tán, gửi nhờ được sự giúp đỡ tận tình dày công nghiên cứu của nhà sử học Ngô Đăng Lợi - Chủ tịch hội đồng lịch sử thành phố, chủ tịch hội khoa học lịch sử Hải Phòng mà chúng ta có được bản tóm tắt tiểu sử sự nghiệp của Đức Thánh H- ng Trí V- ong nh- sau:

H- ng Trí V- ong tên là Trần Quốc Hiện con trai thứ năm của H- ng Đạo V- ong Trần Quốc Tuấn, quê gốc ở Tức Mặc nay thuộc thành phố Nam Định. Ngài sinh ở Thăng Long vốn bẩm tính thông minh hiếu học ham chuộng nghề võ. Từ tuổi thiếu niên đã được theo cha anh rèn luyện hành quân tập trận. Khi xung trận ông dũng cảm không ngại gian nguy, đối với tướng sĩ d- ới quyền mệnh tuy nghiêm ngặt nh- ng th- ong yêu quý mến cùng nhau chia ngọt sẻ bùi.

Vùng đất miền Đông Bắc nhiều nơi là thực ấp của H- ng Đạo V- ong gồm thực ấp của cha để lại mà V- ong được thừa hưởng cả, vì thành V- ong Doãn đã bỏ trốn, lại thêm thực ấp v- ong được ban ở Vạn Kiếp, Lục Ngạn... số đất này V- ong chia cho các con trai, mỗi ấp đều tổ chức dân binh, sắm sửa vũ khí tích lũy lương thảo đề phòng khi hữu sự.

Tháng chạp năm Giáp Thân (1284) niên hiệu Thiệu Bảo thứ 6 tướng Nguyên là Thoát Hoan và A Lý Hải Nha đem 50 vạn tinh binh chia hai đường thủy bộ xâm phạm bờ cõi, vua cử Trần Quốc Tuấn làm Quốc công tiết chế, thống lĩnh quân đội cả nước chống giặc. Ngày 26 tháng này, giặc đánh tràn

vào các cửa ải Vĩnh Châu, Nội Bàng, Thiết L-ợc, Chi Lăng. Quân ta không chế ngự đ-ợc phải lui về đóng ở Vạn Kiếp. Tin dữ báo về triều đình, vua vội ngự thuyền nhẹ xuống Hải Đông gặp Trần H-ng Đạo hỏi han tình hình.

Trần H-ng Đạo vâng lệnh điều quân dân các lộ Hải Đông, Vân Trà, Bà Điểm chọn những ng-ời dũng cảm xung vào đội tiên phong v-ợt bể vào Nam. Quân các lộ đều tụ họp theo t-ổng lệnh. H-ng Trí V-ong Hiện cùng các anh trai đem 20 vạn quân dân các xứ Bàng Hà, Na Sầm, Trà H-ong, Yên Sinh, Long Nhân đến hội sự ở Vạn Kiếp.

Khí thế quân ta lại nổi, lần chống Nguyên thứ 2 này thế n-ớc khó khăn nh- trướng chống, nh-ng quân dân ta cuối cùng đã chiến thắng vẻ vang, đuổi giặc ra khỏi bờ cõi. H-ng Trí V-ong khi giữ ải Bắc, Lúc hộ giá thuyền vua lánh ấp Thiên Tr-ờng khi hộ giá chạy vào Tam Trĩ, lúc theo vua tiến đánh Đại mang bộ, trải lắm gian truân lập nhiều công trạng.

Tháng 6 năm ất Dậu, niên hiệu Thiệu Bảo thứ 7 (1285) th-ong t-ổng Trần Quang Khải r-ớc hai vua thu hồi kinh s-. Tháng 8 tuyên phong công thần theo thứ bậc, H-ng Trí V-ong đ-ợc ban khen.

Tháng 2 năm Đinh Hợi, niên hiệu Trùng H-ng thứ 8 (1287) vua Nguyên lại huy động quân chia đ-ờng thủy bộ vào đánh trả thù. H-ng Trí V-ong lại đem quân bản bộ theo cha đánh giặc. Trong chiến dịch Bạch Đằng lịch sử mồng 8/3 năm Mậu Tý, niên hiệu Trùng H-ng thứ 4 (1288) quân ta đại thắng. H-ng Trí V-ong dự trận lập công lớn.

Khi đuổi hết giặc tháng 4 năm Kỷ Sửu niên hiệu Trùng H-ng thứ 5 (1289) đình công dẹp Nguyên cha con ngài có công lớn đều đ-ợc ban th-ởng hậu. Vua tiến phong H-ng Đạo t-ớc Đại V-ong, H-ng Võ V-ong làm khai quốc công, H-ng Nh-ong V-ong làm tiết độ sứ...

Riêng H-ng Trí V-ong tuy có nhiều công nh-ng không đ-ợc thăng trận vì đã có chiếu nhà vua không cản trở lại binh Nguyên rút về n-ớc nh-ng V-ong vì căm thù giặc đã giết hại dân lành lại xâm phạm đến Chiêu Lăng nên phục quân đánh giết chúng.

Sau khi đất n-ớc thanh bình, H-ng Trí V-ong đến vùng Thuỷ Đ-ờng nơi nhiều lần đóng quân, thấy trang Chung Mỹ còn đất bãi rộng, V-ong sai quân và mộ thêm dân đến khai khẩn lập thành trang trại. Từ đó dần dần dân khang vật thịnh sau trở thành một trang ấp lớn. Khi V-ong qua đời hôm đó là ngày mồng 9 tháng giêng dân nhớ công lập đền thờ gọi là đền Hiến Linh.

Các triều đại đều có sắc phong và tăng mỹ hiệu. Đền Hiền Linh đã đ- ọc các bộ quốc chí triều Nguyễn ghi chép.

Ngài Nguyễn đã đ- ọc tặng: Hiền l- ơng, L- ơng trực, Đôn ng- ng dục bảo trung h- ng, đ- ơng cảnh thành hoàng, thiện hộ h- ơng ứng, trung chính, hộ quốc.

Năm Khải Định thứ 9 (1916) được tặng thêm mỹ hiệu “Quang ý”.

Với khí thế của ng- ời chiến thắng sau chiến tranh d- ới sự chỉ đạo của H- ng Trí V- ơng, nhân dân Chung Mỹ đã ra sức hàn gắn lại vết th- ơng, v- ơng lên xây dựng cuộc sống thanh bình để truyền lại cho hậu thế một quê h- ơng t- ới đẹp nh- ngày hôm nay.

H- ng Trí V- ơng Trần Quốc Hiện là tấm g- ơng sáng về lòng yêu n- ớc, yêu nhân dân “Khoan thư sức dân”, “Đãi ngộ sĩ phu” để “Làm kế sâu rễ bền gốc, ấy là th- ơng sách” (Theo di huấn của H- ng Đạo V- ơng Trần Quốc Tuấn).

Trân trọng bảo vệ những di tích l- u niệm về ông là trách nhiệm lịch sử của thế hệ hôm nay và muôn đời con cháu mai sau, t- t- ơng và việc làm của ông đã v- ợt ra ngoài khuôn khổ của thời đại ông.

** Khảo tả di tích.*

Đình Chung Mỹ xã Trung Hà đ- ọc xây dựng trên một khu đất cao ráo, thoáng đãng, xung quanh có nhiều hồ n- ớc bao bọc nh- đ- ọc tách khỏi không khí ồn ã, sôi động của cuộc sống đời th- ơng, nh- ng không quá xa cách với xóm thôn.

Đình quay h- ớng Nam đón gió từ biển thổi vào, xa xa là dòng sông Cẩm, sông Ruột Lợn là những con đ- ờng giao thông thuỷ đ- a biển cả mệnh mông về gần với mảnh đất và con ng- ời Chung Mỹ. Theo các bậc cao niên, đình Chung Mỹ hiện tại là kết quả của đợt thay đổi địa điểm lần thứ 3, trong khoảng thời gian cuối thế kỉ tr- ớc, đầu thế kỉ này. Đình Chung Mỹ x- a nằm ở trung tâm làng. Ngôi đình hiện nay nằm trên khu đất vốn là bến thuyền tấp nập x- a kia mà dấu vết của nó chính là hồ n- ớc rộng tr- ớc đình.

Đình Chung Mỹ là một công trình kiến trúc to lớn và đẹp đẽ trông nh- một cung điện thu nhỏ đã từng nổi danh trên vùng đất Thuỷ Nguyên “Quan yếu” chỉ còn lại hình bóng lơ mờ trong trí nhớ của các cụ già.

Đình cũ gồm có năm gian tiền đ- ờng và 3 gian hậu cung cao to sừng sững đ- ọc làm hoàn toàn bằng gỗ lim, xung quanh có t- ờng bao sâu rộng, phía tr- ớc có 2 toà giải vũ chắc chắn và ngũ môn bề thế soi mình d- ới mặt n- ớc

trong. Tiếc thay trong kháng chiến chống thực dân Pháp xâm l- ợc (1946-1954) quân Pháp đóng đồn bốt ở đây, chúng đã huỷ hoại toàn bộ công trình x- a, đốt phá đồ thờ tế tự. Di sót của công trình kiến trúc cổ đã một thời vang bóng chỉ còn lại 3 gian hậu cung. Những năm gần đây, với tấm lòng trân trọng di sản văn hoá cha ông và biết ơn ng- ời anh hùng có công với nhân dân, với đất n- ớc, nhân dân Chung Mỹ xây dựng thêm 3 gian tiền đ- ờng nho nhỏ để làm nơi t- ờng niệm thờ cúng thành hoàng.

Đình Chung Mỹ có cấu trúc hình chữ Đinh đơn giản gồm 3 gian tiền đ- ờng và 3 gian hậu cung. Phía tr- ớc là một sân rộng nối liền với ao đình.

Mái đình lợp ngói mũi hài nhỏ, rêu phong cổ kính, t- ờng và hồi đốc xây bằng gạch chắc khoẻ, hồi đốc xây theo kiểu bờ trụ giạt cấp.

Nhìn chung bộ mái của di tích không thể hiện trang trí gì ngoài “Hồi long” mang dáng dấp thuỷ quái Makara cầu m- a thuận gió hoà đang ngậm bờ dải.

Kiến trúc toà hậu cung một bộ phận hiện hữu của công trình kiến trúc nghệ thuật cổ đã từng làm say đắm du khách thập ph- ơng và là niềm tự hào của bao thế hệ ng- ời Chung Mỹ.

Đình Chung Mỹ rất giống với các kiến trúc gỗ dân gian th- ờng gặp trong vùng nh- ng chỉ với quy mô to lớn hơn mà thôi. Đây là kiểu nhà kết cấu khung gỗ chịu lực bởi sự liên kết các vì kèo do các hàng xà theo hai chiều ngang dọc.

Khung nhà đ- ợc tạo bởi 4 hàng chân cột, gồm 2 cột cái và 2 cột quân. Các cột đều tròn to và thẳng đ- ợc kê trên chân tảng đá vôi, tạo dáng tròn trên vuông d- ới hay thất cổ bông có tác dụng chống lún, chống mối mọt cho công trình.

Toà nhà đứng vững trên 4 bộ vì gỗ lim và bức hồi đốc hậu đình.

Vì kèo đầu tiên b- ớc từ toà tiền đ- ờng vào làm theo kiểu kèo suốt. D- ới 2 thanh kèo thẳng hình chữ nhật, ng- ời ta lắp hệ thống đ- ờng riềm trang trí hình lá hoả. Mặt ngoài đ- ờng chạm nổi rất cầu kì các đồ án tứ linh, tứ quý, cỏ cây hoa lá thiêng một cánh liên hoàn. Phải nói rằng, nghệ thuật chạm khắc ở đây đạt đến độ tinh xảo cao, hiếm thấy ở các di tích khác.

Vì thứ 2 làm theo lối “giá chiêng chồng rường đầu xen” quen thuộc. Các thanh r- ờng và đầu đều đ- ợc chạm nổi xen lẫn bong kênh đồ án hoa cúc cách điệu rất đẹp, đẹp đến đột ngột.

Vì thứ 3 là vì ván mê làm bằng các ván gỗ dày. Vì ván mê cùng với hệ thống cửa gỗ kiểu cửa từng khung khách tạo thành hệ thống vách gỗ che kín cung cấm, không để ánh sáng lọt vào góp phần làm cho cung cấm có nét

huyền ảo kì vĩ của chốn linh thiêng. Toàn bộ hệ thống cửa và vì ván mê đều đ-ợc chạm khắc và sơn son thiếp vàng rực rỡ không khác gì các đồ thờ quý bằng gỗ hiện l-u giữ tại đình. Các bức chạm nổi đ-ợc thể hiện khá lớn nh- đ-ợc gắn từ ngoài vào. Đội xà nóc (th- ợng l- ợng) là hồ phù ngậm chữ thọ, hai bên hồ phù có đôi ph- ợng thân to nh- thân gà chọi đang xoà cánh múa. Tiếp đến là những đồ án linh thiêng quen thuộc nh- l- ỡng long châu nguyệt, đôi long mã đi trên mây cụm...ở khu vực cốn mặt ngồi chạm nổi một rồng đơn uốn l- ợn nh- đang ôm chặt các thanh r- ờng. Trên câu đầu và quá giang chạm bong hình các đồ án, hoa lá, dải mây long mã hà đồ, rùa đeo hòm sách...

Hệ thống cửa cung cấm, diềm ngồi tạo vách y môn cửa võng chạm rồng, ph- ợng, long mã và dải mây. Khi các cánh cửa khép lại tạo thành một đồ án trang trí hoàn chỉnh. Trung tâm là đ- ờng tròn nổi, đ- ờng kính 1,2m bên trong chạm l- ỡng long châu nguyệt, đôi long mã. Xung quanh đ- ờng tròn chạm từng cúc khẳng kh- u, nở đầy hoa mãn khai và 5 chim ph- ợng hoàng nh- đang giang rộng cánh bay.

Về trang trí kiến trúc, đình Chung Mỹ vẫn chỉ sử dụng những mảng đề tài truyền thống của nghệ thuật đình làng Việt Nam cổ truyền. Hình ảnh và màu sắc nơi đây đ-ợc các nghệ nhân xử lý một cách thích hợp, hài hoà và hết sức sinh động. Đình Chung Mỹ tuy nhỏ bé khiêm nh- ờng bởi dáng vóc hiện tại. Mặc dù các đề tài sử dụng trên trang trí kiến trúc không nhiều chỉ đủ làm đẹp cho công trình. Phần lớn các đồ án thể hiện đều mang tính trang nghiêm, quyền quý, song cũng một số đề tài và hình ảnh phản ánh - ớc vọng dân gian đ-ợc gửi gắm đan xen trong đó.

Có lẽ đề tài rồng đ-ợc sử dụng nhiều nhất. Rồng ở đây là sự tổng hoà một số bộ phận của nhiều con vật khác: sừng h- ou, mắt quỷ, mũi s- tử...nhìn chung rồng đã mất tính thuần hoá, có bộ mặt dữ tợn, thân uốn khúc lúc ngắn lúc dài lúc to lúc nhỏ không nhất định mà tùy thuộc vào vị trí của rồng trên từng bộ phận kiến trúc. Rồng đ-ợc thể hiện nhiều khi rất phức tạp có chỗ lại vô cùng đơn giản biến hoá khôn l- ờng.

Xem trang trí kiến trúc đình Chung Mỹ, du khách sẽ bắt gặp dáng vẻ đẹp dễ và đa dạng của loài chim ph- ợng hoàng. Đó là các hình ảnh ph- ợng hoàng th- , ph- ợng múa...chim ph- ợng đ-ợc thể hiện có mỏ điều hâu, mắt giọt lệ mơ màng, đuôi chim dài, tóc chim trĩ, cổ rắn có vảy, sau đầu và cổ th- ờng có lông đuôi nheo. Thân ph- ợng có con thể hiện nh- thân gà, có con ẩn mình trong mây cụm, hai cánh th- ờng xoè rộng cân xứng. Nền trang trí ph- ợng bao giờ

cũng có mây cụm xoắn đầu, đầu và mỏ đội vân xoắn, hình thức đó tạo cho phượng một sức mạnh có tính chất “Vũ trụ” gắn với tầng trời nhằm đề cao thánh nhân.

Hổ phù là một trong số các đề tài hiện diện ở nhiều nơi trong trang trí kiến trúc. Hổ phù là hình ảnh một con quỷ bị chặt làm đôi chỉ còn lại phần đầu. Miệng hổ phù há rộng đang nhả ra một hạt tròn có thể là hạt ngọc t- ợng tr- ng cho lòng dũng cảm và có thể là mặt trăng hay chữ thọ biểu t- ợng phần thực đ- ợc mùa và thái bình.

Ngoài ra di tích còn chạm khắc hình ảnh một số cây cỏ hoa lá nh- đào, mai, lan, huệ...đ- ợc tạo dáng khúc khuỷu thành các hoá thân của rồng, lân, ph- ợng, rùa...

Tóm lại nghệ thuật trang trí đình làng Chung Mỹ xã Trung Hà huyện Thủy Nguyên mang đậm tâm hồn và phong cách Việt Nam. D- ới mái đình cổ kính, rêu phong là nơi tàng trữ nhiều di vật, đồ thờ tự là những tác phẩm nghệ thuật đã từng góp phần làm vẻ vang cho nền nghệ thuật dân tộc một thời.

** Một số hiện vật lịch sử*

Số l- ợng hiện vật có giá trị cổ vật và văn hoá của đình Chung Mỹ còn lại không nhiều lắm, chủ yếu do chiến tranh tàn phá, sự huỷ hoại của tự nhiên và sự lãng quên của con ng- ời. Qua khảo sát thực tế ng- ời viết đã thu thập đ- ợc những thông tin nh- sau:

+ Long đình: Long đình trông giống nh- một ngôi lầu 2 tầng 8 mái, thân vuông, bốn chân thẳng. Tầng trên chỉ là khối hộp nhỏ mang tính chất trang trí và tạo dáng, bốn mái khum hình chậu, góc mái cong tạo hình ph- ợng múa rồng bay.

Thân long đình hình hộp chữ nhật nối bộ mái với chân tạo thành kiến trúc hoàn hảo. Các cửa tạo vách y môn, thân trang trí đề tài tứ quý, tứ linh và hoa lá cách điệu. Niên đại thế kỉ XIX, kích th- ớc cao 2,6m, rộng 0,82m.

+ Nhang án gỗ: 2 chiếc

Chiếc thứ nhất có hình dáng tự nh- chiếc bàn gỗ 4 chân, mặt phẳng, các góc lắp tại vuông hình th- ớc thợ, mặt ngoài chạm nổi rồng đơn. Thân nhang án đ- ợc tạo bởi các thanh giằng hình chữ nhật, khớp nối các cột lại với nhau tạo thành khung chịu lực chính.

Mặt tr- ớc và sau chia làm 30 ô, mặt bên 14 ô trang trí to nhỏ khác nhau. Trong các ô sử dụng các hình thức chạm nổi, chạm thuy để thể hiện đề tài hoa

lá hoá long, hổ phù long mã, rồng mây hội tụ, ph- ợng múa, đồ bát bảo... Niên đại thế kỷ XIX. Kích th- ớc cao 1,48m dài 1.75m, rộng 0.9m.

Nhang án th- 2 có hình dáng t- ơng tự hình dáng nhang án đầu gồm có 9 ô chạm tứ quý, 2 ô chạm ph- ợng, 2 ô chạm rồng, 1 ô chạm hổ phù. Niên đại thế kỷ XIX: kích th- ớc cao 1.28m, dài 1.65m, rộng 0.9m.

+ Kiểu bát cống: 1 chiếc

Kiểu bát cống đ- ợc làm bằng gỗ vàng tâm, là nghi tr- ợng r- ớc thần long trọng trong ngày lễ hội. Cổ kiểu bát cống với màu sắc rực rỡ của sơn son thiếp vàng, là một tác phẩm nghệ thuật điêu khắc đạt giá trị cao. Kiểu gồm 8 tay đòn hình rồng liên kết với nhau qua những trụ xoay(Có thể dễ dàng tháo lắp). Còn gọi là khối bánh chè. Nhìn chính diện ta thấy những con rồng nh- ư đang bay về phía tr- ớc với bộ tóc rồng uốn l- ượn bay ng- ợc và sau, đang l- ọt trong gió, niên đại thế kỷ XIX.

+ Khám thờ.

Khám đ- ợc đặt trong khung cấm ở vị trí cao và sâu nhất. Trông nh- ư một kiến trúc lầu thu nhỏ, mái gỗ hình mũi luyến. Mặt sau và hai bên b- ng kín bằng ván gỗ phẳng. Phía tr- ớc dựng trác môn, điềm ngoài cong vênh do ghép các ván hình bụng lợn ngựa, phía trong nắp hệ thống y môn kép. Mặt tr- ớc khám cũng đ- ợc sơn son thiếp vàng và chạm khắc các đề tài l- ỡng long châu nguyệt, long mã hổ phù, mây cụm ph- ợng múa. Những nét chạm khắc đ- ợc thể hiện trau chuốt, tỷ lệ các con vật rất cân đối, tạo nên vẻ đẹp khoẻ khoắn và khá sinh động, niên đại thế kỷ XIX.

+ T- ợng Đức Thánh Trần H- ng Trí

T- ợng Đức Thánh Trần H- ng Trí đặt trang nghiêm, tôn kính trong khám rồng. T- ợng thể hiện trong t- thế ngồi thiết triều trên long ngai.

Đầu đội mũ quận công thêu l- ỡng long châu nguyệt, mặt vuông chữ điền, tai to nh- tai phật, hai tay đặt tr- ớc đầu gối khoan thai tĩnh tại. Mắt mở to nhìn thẳng c- ơng nghị. Vẻ đẹp mang nét phong s- ơng của ng- ời chiến binh dạn dày trận mạc, mũi dọc dừa thẳng, cánh mũi dày cổ cao 3 ngón, cằm thu nhân chung đầy đặn.

T- ợng mặc áo long bào trùm kín thân thêu rồng ph- ợng hổ phù và vân âm, chân đi hài mũi cong.

Ng- ời nghệ sỹ dân gian khéo léo đặt tại các t- ợng sang quý nh- ng lại giàu t- ợng tả chân. Khuôn mặt có nét hiền từ chứ không dữ tợn và đầy vẻ áp

chế nh- nhiều pho t- ợng thánh thân khác. Mặc dù là t- ợng thờ nh- ng không hoàn toàn bị chi phối bởi các quy chuẩn giáo điều mà thực sự là một tác phẩm điêu khắc chan chứa cảm hứng nghệ thuật sáng tạo. Pho t- ợng vừa đạt trình độ điển hình hoá và khái quát hoá cao độ lại vừa mang nét đặc tả chân đây khả ái.

T- ợng ngồi trên ngai rồng, ngai rồng gồm 2 phần rõ rệt là thân và chân. Thân ngai đ- ợc tạo bởi 2 con rồng lớn đầu đuôi vào nhau, thân rồng tròn lẳn, vẩy cá chép uốn hình vòng cung thành tay ngai. Đầu rồng ngẩng cao nhìn ra chính diện, đuôi rồng bện xoắn vào nhau tạo thành vách l- ng ngai. Lông đuôi kết hợp lại trông nh- một cánh sen ngửa đang chum chim mở, chân rồng cao và to nh- chân thú tạo thành vách ngai. Đế ngai hình bậc 2 cấp hình chữ nhật.

Đây là một trong số các long ngai đẹp may mắn còn lại đến nay phản ánh tài nghệ chạm khắc điêu luyện của ng- ời x- a, niên đại thế kỷ XIX.

+ Câu đối hình lòng máng: một đôi

Câu đối đ- ợc làm khá đẹp, sơn thiếp công phu, ôm khít thân cột cái toà hậu cung. Nền câu đối trang trí chìm hoa văn liếp đan. Hai đầu tạo ô trang trí, đầu trên một chiếc tạo hình rồng, chiếc kia hình ph- ợng. Đầu d- ới một bên chạm long mã, một bên chạm rùa đội lá sen. Đôi câu đối hợp thành “ Tứ linh ” gồm đủ long, ni, quy, ph- ợng. Bản thân mỗi câu đối là một sự hợp nhất âm d- ơng tạo nên sự tr- ờng tồn cho công đức của thành hoàng đối với quê h- ơng đất n- ớc. Niên đại thế kỷ XX, kích th- ớc dài 2.4m, rộng 40cm.

+ Bát bửu: Một bộ, niên đại Nguyễn

+ Quán tẩy: Một đôi, tạo dáng độc long nhả ngọc cao 1.27m.

+ Bát h- ơng đá: Một đôi cao 32cm, niên đại Nguyễn

+ Bia đá: Một chiếc cao 76cm, rộng 57cm, dày 9,8cm. Bia đá hình chữ nhật dẹt, trán bia hình cánh cung. Nội dung khắc ghi lại nội dung của bản sắc phong của triều đình tặng Đức Thánh Trần H- ng Trí nh- sau:

- Minh Mạng năm 1840

- Thiệu Trị năm 1846

- Tự Đức năm 1850

- Khải Định năm 1924

+ Chiêng đồng: một chiếc

2.2.6. Di tích lịch sử đền Thụ Khê: xã Liên Khê, huyện Thuỷ Nguyên

* Đ- ờng đến di tích

Từ trung tâm thành phố Hải Phòng qua cầu Bính tới thị trấn Núi Đèo, theo đường quốc lộ số 10 đi vào xã Liên Khê chừng 1km, rẽ tay trái hỏi thăm sẽ được chỉ dẫn tới đền Thụ Khê.

** Tên gọi*

Là một di tích tưởng niệm của nhân dân địa phương đối với vị anh hùng dân tộc Trần Hưng Đạo. Trên chặng đường đánh giặc Nguyên và đoàn tuỳ tùng đã phóng ngựa lên dãy núi đồi làng Thụ Khê để quan sát địa hình, bố trí trận địa mai phục trên sông Giá. Sau thắng lợi phá tan giặc trên cửa sông Bạch Đằng, dân làng đã lập đền thờ ông. Do vậy di tích được mang chính tên địa phương đã sản sinh ra công trình và là nơi hàm chứa sự kiện lịch sử ấy. Thụ Khê là một trong 9 xã cũ của tổng Trúc Động nên người dân vẫn gọi đền hoặc Từ Thụ đều được cả, nơi đặt bản doanh tại các thôn: Thiểm Khê, Mai Động cùng xã Liên Khê hiện nay có các dấu tích chân cần lợng thảo của đội quân nhà Trần, người ta cũng lập những ban thờ Hưng Đạo Đại Nguyên bên cạnh ngôi chùa mỗi làng.

** Lịch sử di tích*

Từ đỉnh cao trên dãy núi hình cánh cung ôm lấy đền Thụ Khê nhìn tay ngai, nhìn về phía Đông Nam nơi dòng sông Giá trong xanh uốn lượn quanh làng xóm, nơi dòng đồi. Trước đây đền Thụ Khê là một công trình lớn kiến trúc theo kiểu nội công ngoại quốc gồm toà bái đường, cung chữ đình và 2 dãy dải vũ, cách ngôi đền tọa lạc 50m đã có 2 bia nhắc người ta cẩn trọng trước anh linh của các vị anh hùng được cả làng tôn làm thành hoàng. Sau vị trí bia hạ mã khoảng 200m là bến Sỏi nơi nhánh sông chảy ra sông Giá có miếu Đức Thánh. Ngày sáng (20/8) dân làng rước tượng Đức Thánh Trần ra đây tổ chức bơi chải trên sông. Ngoài các di tích là từ miếu, dân làng Thụ Khê còn xây dựng ngôi đình ở địa điểm chợ Thụ Khê bấy giờ. Đây là những công trình kiến trúc nhân dân thể hiện bản sắc văn hoá của địa phương “ Uống nước nhớ nguồn”. Thật đáng tiếc trải qua biến cố lịch sử và sự nghiệt ngã của thiên nhiên, xã Liên Khê ngày nay không còn đình, miếu, chùa nguyên vẹn. Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp đã đốt phá cả đình chùa. Để ghi lại chiến thắng Trúc Động đêm trước của trận đại chiến Bạch Đằng năm 1288, nhớ ơn người trực tiếp chỉ huy chiến trận lịch sử. Dân làng tiếp tục xây dựng ngôi đền tại quê hương tôn thờ Trần Hưng Đạo làm thành hoàng, lấy ngày

20/8 âm lịch hàng năm là ngày lễ lớn r- ớc Đức Thánh Trần từ đền ra miếu mở lễ hội. Dấu tích ngôi đền ấy chính là Từ Thụ hay đền Thụ Khê bây giờ.

** Kiến trúc:*

Toàn bộ khu vực đền Thụ Khê bao gồm: Một nơi thờ tự chính kiểu chữ Đình, 3 gian tiền đ- ờng và 2 gian hậu cung, 1 toà giải vũ 5 gian.

Bên cạnh ngôi đền là ngôi chùa mang tên Ngọc Thanh Từ tồn tại từ tr- ớc khi có ngôi đền thờ H- ng Đạo V- ơng. Toàn bộ những công trình kiến trúc kể trên đều đ- ợc dân làng từng b- ớc tôn tạo trên nền đất cũ nên giá trị đích thực của nó chỉ là một di tích lịch sử ghi nhận một lịch sử vĩ đại trong thế kỷ XIII gắn với hoạt động của vị anh hùng dân tộc Trần H- ng Đạo rõ nét. Từ tr- ớc đến nay Hải Phòng duy nhất có khu di tích danh thắng Tràng Kênh- Minh Đức Bạch Đằng đ- ợc biết đến và còn đ- ợc bảo vật.

Nói đến truyền thống Bạch Đằng năm 1288, từ x- a đến nay sử sách viết nhiều đến vai trò lịch sử, tài năng kiệt xuất của H- ng Đạo V- ơng Trần Quốc Tuấn. Nh- ng Liên Khê là nơi ghi dấu chiến công đồn trại, quân doanh của v- ơng trong những ngày đánh giặc trên sông Bạch Đằng. Hình ảnh của V- ơng, tấm lòng kính trọng của nhân dân Trúc Động- Thụ Khê còn được l- u truyền qua các truyền thuyết lịch sử “ Bữa cơm quá lộ”...

Đ- ợc sự quan tâm của các cấp chính quyền và sự đồng tâm hiệp lực của nhân dân, trong t- ơng lai không xa di tích sẽ đ- ợc trở lại dáng vẻ x- a để xứng đáng với tầm vóc lớn lao của chính bản thân mảnh đất Liên Khê- nơi tôn thờ vị anh hùng dân tộc vĩ đại trong thế kỷ XIII đã đặt chân lên sông núi, làng xóm nơi đây.

** Các hiện vật lịch sử:*

Là một di tích lịch sử do dân làng tạo dựng sau khi Trần H- ng Đạo qua đời (20/8/1300), bản thân di tích bị tàn phá bởi chiến tranh, di tích nhiều lần đ- ợc tu tạo, hiện vật còn lại trong ngôi đền gồm:

- Một cổ ngai và bài vị thờ
- Một pho t- ợng nhỏ(Cao 28cm) đặt trên ngai diễn tả Đức Thánh Trần H- ng Đạo trong t- thế thiết triều.
- Ngai thờ bài vị cùng duệ hiệu t- ợng diễn tả quân Phạm Ngũ Lão con rể ngài.

Một số hiện vật khác còn lại trong di tích mang niên đại nghệ thuật Nguyễn đầu thế kỷ XX gồm:

- Một h- ơng án tiên
- Bộ bát biểu: 8 thanh đặt trên giá
- Một bát h- ơng đại đ- ờng kính 32cm
- Một mâm bông đá cao 45cm

Trang trí trên án thờ phật Ngọc Thanh Tự. Mặc dù số l- ợng các di vật còn lại không nhiều nh- ng cũng đủ bài trí tráng khuôn viên hiện tại của di tích hiện nay.

2.3. Một số lễ hội tiêu biểu t- ớng nhớ t- ớng quân nhà Trần ở Thuỷ Nguyên.

2.3.1. Lễ hội đền Thụ Khê xã Liên Khê

Là một vùng quê có địa hình núi non hiểm trở lại có dải đồng bằng xen quanh đồi, xóm làng tồn tại giữa 2 địa điểm khảo cổ học nổi tiếng là Tràng Kênh và Việt Khê có niên đại lịch sử trên d- ới 2500 năm. Tổng Trú Động x- a Liên Khê ngày nay còn bảo l- u truyền thống văn hoá rất phong phú đậm đà bản sắc dân gian.

Lịch trình lễ hội đ- ợc chia làm kì vụ: Xuân-Thu nhị kì, dàn trải đều trong cả tổng xã, hội làng đ- ợc tổ chức khoảng sau tết.

- Ngày 9/1 có hội vật của tổng, tổ chức tại miếu vật thôn Mai Động.

Ngoài ra nhân dân địa ph- ơng tổ chức nhiều trò vui chơi mang tính th- ơng võ nh- : chơi đu, chọi gà, đua thuyền, bơi chải trên sông Giá...

- Ngày 15/3 tại khu vực Thiểm Khê có lễ kỉ niệm 3 anh em họ Tr- ơng theo giúp Hai Bà Tr- ng đánh giặc. Tr- ớc đây tại cánh đồng Thiểm Khê có an táng phần mộ Ninh V- ơng Mạc Phúc T- và hai thân v- ơng khác, ở khu đồng d- ới, dân làng lập nghề thờ 3 vị. Sau đó phần mộ, hài cốt đ- ợc chuyển về Đồng áng ph- ờng Câu Tử huyện Thuỷ Đ- ờng. Do vậy ngày 8/4 có lễ tiễn thuyền tại tả Ba V- ơng.

- Ngày hội 20/8 âm lịch có lễ r- ớc đức thánh Trần từ đền Thụ Khê ra miếu Đức Thánh ở khu vực bến Sỏi.

Sau đó dân làng tổ chức thi bơi chải trên sông. ở Thụ Khê có lệ 15/2 có lễ giao hiếu với làng Phú Xá (An Hải) do cùng thờ Trần H- ng Đạo. Từ lâu hai làng vẫn đi lại thăm hỏi giúp đỡ nhau trong cuộc sống th- ờng ngày.

Ngoài môn võ vật, hội đua thuyền, đánh đu cũng là môn thể thao đ- ợc - a chuộng mang tính quần chúng đối với nhân dân địa ph- ơng làm phong phú nội dung của lễ hội.

Một đặc trưng trong lễ hội đền Thụ Khê. Từ lâu vẫn giữ được trong lễ kỷ niệm ngày kỷ 20/8 âm lịch bao giờ trên mâm cỗ cũng dâng trầu-óc ban thờ đức H-ông Đạo Đại V-ong cũng có cỗ quá lộ bày một mâm trầu-ợu, ít đĩa cá mời ng-ời qua đường ăn uống nh- thể diễn lại lễ đón chào Trần Quốc Tuấn và đoàn quân chiến thắng trở về...

Liên Khê ngày nay là vùng di tích và lễ hội chứa đựng nhiều nội dung lịch sử liên quan trực tiếp đến Trần H-ông Đạo và chiến thắng Bạch Đằng năm 1288. Do vậy bên cạnh việc củng cố tạo các di tích, lễ hội truyền thống cần được củng cố và nhấn mạnh nội dung hành động của lễ hội cho thật chặt, xúc tích gây nhiều ấn tượng với nhân dân sở tại và quý khách thập phương.

2.3.2. Lễ hội đình Chung Mỹ xã Trung Hà huyện Thủy nguyên

Đình Chung Mỹ nơi diễn ra nhiều lễ hội cổ truyền đậm đà bản sắc văn hoá dân tộc tiêu biểu như sau:

- Ngày mùng 1 tháng Chạp âm lịch: Lễ tất niên
- Ngày mùng 9 tháng Giêng: ngày thánh hoá
- Ngày 20/8: lễ cơm mới, đồng thời là ngày giỗ thánh phụ - đức Trần

H-ông Đạo.

Hội làng được tổ chức kéo dài từ ngày mùng 9 đến hết ngày 12 tháng Giêng âm lịch hàng năm.

Làng có lệ chọn bầu tể đám trầu ởng chuẩn bị cho ngày hội mở. Khác với nhiều làng khác, tể đám trầu ởng của đình Chung Mỹ là một chàng trai khoẻ mạnh, đẹp ng-ời đẹp nét, tuổi 18 đôi mươi của một gia đình đa đình. Bố mẹ tể đám trầu ởng phải song toàn, có chức sắc, địa vị và uy tín trong làng. Điều bắt buộc là tể đám trầu ởng phải ch- a xây dựng gia đình, không có tang trở.

Hàng năm vào ngày mùng 1 tháng Chạp làng họp bầu ng-ời tể đám trầu ởng mới. Ngày mùng 4 tháng Giêng tể đám trầu ởng và đình nhận đồ tế tự từ tể đám trầu ởng cũ bàn giao, làm lễ r-óc về nhà mình.

Vào ngày hội: ngày mùng 8 tháng Giêng, dân làng tổ chức lễ r-óc nghi trầu ởng, đồ tế khí từ nhà tể đám trầu ởng gia đình tế yên vị, sau lễ tắm mục dục thân vi Thành Hoàng.

Sáng mùng 9 tiến hành lễ r-óc thân vi thánh ra miếu Chung Mỹ ở đầu làng (nay là trường học phổ thông của xã) làm lễ tế yên. Đám r-óc bao giờ cũng thu hút sự tham gia đông đảo của dân làng và du khách thập phương.

Miếu Chung Mỹ x- a kia là một kiến trúc to lớn không thua kém đình làng với nhiều toà ngang dọc, tr- ớc cổng miếu có bia “Hạ Mã”. Miếu là một linh từ có tiếng là linh thiêng, vào những năm hạn hán kéo dài nơi đây th- ờng tổ chức cầu đảo t- ơng truyền rất linh ứng.

Trong suốt các ngày mồng 9, 10, 11, 12 đều tổ chức tế thánh một lần. Đồ cúng tế th- ờng chỉ là lợn ông bồ, bánh lòng, bánh giày, gà, r- ọu do các giáp đồng góp hay là lễ dâng của các gia đình.

Ngày hội, ngoài các hoạt động tế thần, cúng thánh diễn ra trang nghiêm trong đình, khối h- ơng nghi ngút. ở ngoài sân lá cờ thần, cờ hội phần phật bay là các trò chơi dân gian đồng đảo các trai thanh gái tú tham gia nh- ều tiên, cờ ng- ời, hát chèo, trầu văn, đấu vật...

Ngày 12 tháng Giêng cuốn cờ kết thúc hội.

Lễ hội truyền thống của Chung Mỹ-Trung Hà đã bị mai một nhiều vì sự ngắt quãng mấy chục năm do hoàn cảnh chiến tranh, giặc giã. Chúng ta cần phải đẩy mạnh công tác nghiên cứu, khôi phục những giá trị tốt đẹp của lễ hội cùng với việc bảo tồn di tích góp phần vào sự nghiệp chấn h- ng văn hoá dân tộc, phục vụ tham quan du lịch trong chiến l- ợc phát triển kinh tế mở cửa thành phố Cảng ở vùng đất Thuỷ Nguyên.

2.3.3. Lễ hội Trần Quốc Bảo-Tràng Kênh-Minh Đức-Thuỷ Nguyên.

Lễ hội Trần Quốc bảo hay còn gọi là Lễ hội Tràng Kênh. Hàng năm lễ hội đ- ợc tổ chức bắt đầu từ ngày mồng 5 đến mồng 8 tháng Giêng âm lịch. Đây là lễ hội có quy mô lớn.

Tr- ớc tiên là việc chuẩn bị cho đêm giao thừa.

Đền do bác Nguyễn Văn Mãi trông nom, hàng ngày đền đ- ợc quét dọn sạch sẽ, dâng h- ơng, dâng n- ớc đều đặn. Đến chiều ngày 30 tháng Chạp thì khắp ng- ời dân trong làng sắm lễ, hoa quả...ra đền làm lễ tế sang canh.

Từ ngày mồng 1 đến mồng 5 nhân dân địa ph- ơng đến đây dâng lễ.

Chiều mồng 5 là lễ tế để mở hội.

Sáng mồng 6 khai mạc hội, các đồng chí lãnh đạo địa ph- ơng đến dự phát biểu khai mạc lễ hội cùng với sự tham gia của nhân dân địa ph- ơng.

Sáng mồng 7 là lễ tế, sau đó đến lễ dâng h- ơng tiếp theo là diễn ra các ch- ơng trình văn nghệ, các trò chơi dân gian nh- hát sân đền, đánh đu, đánh vật, kéo co...đặc biệt là tục hát đúm có các liền anh liền chị thôn bên sang hát cùng nhân dân địa ph- ơng.

Chiều mồng 8 kết thúc lễ hội, lễ hội Trần Quốc Bảo là lễ hội có quy mô lớn đ- ợc tổ chức đều đặn hàng năm. Lễ hội thu hút đ- ợc sự tham gia đông đảo của ng- ời dân địa ph- ơng và khách thập ph- ơng đến từ nhiều nơi trong cả n- ớc.

2.4. Giá trị của các di tích và lễ hội truyền thống

2.4.1. Giá trị lịch sử

Thủy Nguyên là một huyện có bề dày truyền thống lịch sử văn hoá vào bậc nhất của Hải Phòng. Thủy Nguyên cũng là nơi diễn ra những chiến công lẫy lừng trong lịch sử dân tộc: Ngô Quyền đại phá quân Nam Hán năm 938, Lê Đại Hành đại phá quân Tống năm 981, Trần H- ơng Đạo đại thắng quân Nguyên Mông năm 1288. Thủy Nguyên là cửa ngõ ra vào của vùng biển Đông Bắc nên nhiều cuộc khởi nghĩa chống triều đình và nội chiến thời phong kiến còn ghi dấu ở đây. Có thể nói lịch sử Thủy Nguyên là lịch sử khai hoang lấn biển và lịch sử chiến đấu để giữ gìn, xây dựng mảnh đất thiêng liêng của mình.

Chính vì thế khi đến tham quan các di tích, lễ hội ở đây giúp cho du khách hiểu và cảm nhận đ- ợc quá trình c- ộng dân khai phá mở rộng đất đai lập làng, lập ấp, giữ gìn bờ cõi đất n- ớc. Đây là một quá trình lâu dài đòi hỏi các thế hệ c- ộng dân phải chung l- ực đấu cật để chống chọi với sự khắc nghiệt của thời tiết. Đồng thời phải chịu tác động của các yếu tố xã hội nh- các cuộc xâm lấn của giặc biển, của phong kiến Ph- ơng Bắc hình thành trên vùng đất tiền tiêu của tổ quốc những xóm làng đông đúc trù phú. Mảnh đất Thủy Nguyên với một nền kinh tế biển với nét đặc tr- ơng kết hợp khai thác các nguồn lợi kinh tế đó, c- ộng dân ở đây đã tạo lên một hệ thống các di tích làm nơi sinh hoạt cộng đồng, sinh hoạt tâm linh và nơi tổ chức ngày lễ hội gắn với chiến công của vị t- ướng Trần H- ơng Đạo, Trần Quốc Bảo và các bậc tiền công.

Trong suốt tiến trình lịch sử các thế hệ c- ộng dân Thủy Nguyên đã có những đóng góp lớn trong việc trấn ải vùng đất Đông Bắc của tổ quốc, Vùng đất luôn phải đối mặt với kẻ thù xâm lăng. Trong lịch sử, con ng- ời Thủy Nguyên đã thể hiện ý chí kiên c- ờng, lòng dũng cảm làm lên những chiến thắng vang dội trong kịch sử dân tộc. Tiêu biểu nh- chiến thắng Bạch Đằng năm 1288 của vua tôi nhà Trần đã để lại những bài học lịch sử góp phần giáo dục lòng yêu quê h- ơng đất n- ớc cho các thế hệ ng- ời Việt Nam nói chung, Thủy Nguyên nói riêng

Qua các di tích vật thể còn lại đến ngày nay, qua dấu tích lịch sử vùng đất Thuỷ Nguyên, chúng ta thấy đ-ợc chứng tích của một nền kinh tế phát triển, một vùng đất trù phú, đồng thời thấy đ-ợc thời kì đất n-ớc bình yên, ng-ời dân nơi đây đã tạo ra và tu bổ đình chùa, từ đ-ờng, miếu mạo làm nơi hội họp và để t-ởng nhớ các anh hùng dân tộc, các vị khai canh, khai cơ đã lập lên vùng đất này.

2.4.2. Giá trị cộng đồng

Qua nghiên cứu lịch sử của Thuỷ Nguyên, có thể nói vùng đất Thuỷ Nguyên có hoạt động quần c- từ rất sớm, tr-ớc một môi tr-ờng khí hậu khắc nghiệt những c- dân ở đây phải có sự đoàn kết, cố kết cộng đồng rất cao để chống chọi lại sự khắc nghiệt của thiên nhiên và giặc ngoại xâm để cùng nhau tồn tại. Tính cộng đồng của c- dân thể hiện rất rõ nét qua các di tích và lễ hội. Các di tích lễ hội luôn coi là biểu hiện cho khát vọng chung của cộng đồng về một cuộc sống ổn định trù phú.

Ng-ời dân nơi đây coi di tích là biểu t-ợng cao nhất linh thiêng nhất của cộng đồng. Việc xây dựng các di tích đòi hỏi phải có sức ng-ời sức của rất lớn. Nếu không có ý thức cộng đồng thì không thể xây dựng đ-ợc các di tích đó. Do đó việc xây dựng đ-ợc các di tích đã khó việc bảo quản di tích, tu bổ và giữ gìn nó còn khó hơn nhiều lần, ná đòi hỏi ý thức cộng đồng rất cao, nó đòi hỏi mọi ng-ời cùng chung sức đóng góp.

Với cộng đồng làng xã, các di tích lễ hội không chỉ là môi tr-ờng cộng cảm văn hoá mà còn là môi tr-ờng để giáo dục cho các thế hệ con cháu, trao truyền lại những giá trị văn hoá từ ngàn x- a để lại. Hoạt động lễ hội gắn kết các thành viên trong cộng đồng trên cơ sở sự thống nhất về văn hoá giữa thế hệ này với thế hệ khác.

Để tổ chức lễ hội, Thuỷ Nguyên có những thuận lợi mà không phải nơi nào cũng có đ-ợc, đó là yếu tố con ng-ời. Có thể nói mỗi ng-ời dân Thuỷ Nguyên dường như từ nhỏ đã được “Tắm mình” trong những lễ hội của dòng họ, làng xã nên ý thức sinh hoạt cộng đồng nhất là tham gia vào các lễ hội rất tự nhiên, tự nguyện. Các nghi thức tế lễ rất thuần thực. Do vậy việc huy động lực l-ợng tham gia vào lễ hội là điều mà ban tổ chức không phải lo nghĩ. Điều đó thể hiện tinh thần cộng đồng của ng-ời dân thuỷ Nguyên là rất cao.

Lễ hội mang tính cộng đồng rất cao, đặc biệt là các lễ hội dân gian truyền thống thì tính cộng đồng càng thể hiện sâu sắc. Trong ngày lễ tất cả mọi ng-ời

dân trong làng đều tập trung chuẩn bị cùng hoà mình tham gia lễ hội. Đây chính là biểu hiện cao nhất của ý thức cộng đồng.

Lễ hội còn đem lại cho con ng-ời sự bình đẳng trong lễ hội không có sự phân biệt đẳng cấp, sang hèn. Mọi ng-ời đều tham gia và h-ởng thụ nh- nhau từ vua quan đến ng-ời dân đều bình đẳng tr-ớc cộng đồng và tr-ớc thần linh. Lễ hội góp phần làm con ng-ời đoàn kết gắn gũi với nhau hơn từ đó làm lên một cộng đồng lớn, một quần thể gắn bó tràn đầy sức mạnh. Có thể nói “ Lễ hội chính là cuộc đời thứ hai bên cạnh cuộc đời thật”.

2.4.3. Giá trị tâm linh.

Cùng với sự phồn thịnh và giàu có của đời sống vật chất thì yếu tố tâm linh trong đời sống con ng-ời cũng ngày càng đ-ợc đề cao và linh thiêng hoá.

Cũng giống nh- các nơi khác, đời sống tâm linh của c- dân ở Thuỷ Nguyên cũng dựa trên nền chủ đạo là tín ng-ỡng phật giáo và nho giáo, đặc biệt là tín ng-ỡng thờ thành hoàng làng. Vốn là những ng-ời c- dân nông nghiệp bản thân ng-ời dân mang đậm dấu ấn của tín ng-ỡng đa thần. Tr-ớc điều kiện thiên nhiên khắc nghiệt nh- vậy, con ng-ời càng cần hơn tới sự che chở của các vị thần. Sự đa dạng phong phú của các vị thần thể hiện sự giao l- u, du nhập văn hoá của ng-ời dân Thuỷ Nguyên với các địa ph-ơng trong quá trình làm ăn và phát triển của họ. Từ thần bản địa đến tôn giáo ngoại lai, từ các vị khai hoang phát trạch, những vị anh hùng dân tộc đến những vị thần từ xứ ng-ời đều đ-ợc họ tôn kính.

Các di tích lễ hội nhất là di tích thờ các t-ống quân nhà Trần ở Thuỷ Nguyên đ-ợc giữ gìn qua nhiều thế hệ cho tới ngày nay là một minh chứng hùng hồn cho sức sống mãnh liệt của dân tộc trong cuộc sống hàng ngày của ng-ời dân bản địa. Nó thể hiện việc giáo dục ý thức cộng đồng của các thế hệ c- dân Thuỷ Nguyên vô cùng sâu sắc. Ng-ời dân nơi đây ngay từ thừa l-ot lòng, cho đến khi qua đời luôn mang trong mình ý thức quý trọng thần linh, tôn thờ các vị anh hùng dân tộc. Đây là một nét đẹp trong văn hoá tâm linh của ng-ời dân Thuỷ Nguyên.

Di tích lễ hội là sản phẩm của lịch sử đ-ợc trao truyền qua nhiều thế hệ, phản ánh một cách sinh động các sự kiện lịch sử hào hùng. Thời gian qua đi cuộc sống của con ng-ời thay đổi, nh- ng các di tích lễ hội vẫn giữ đ-ợc nguyên vẹn giá trị tâm linh, giá trị văn hoá của nó. Giá trị của các di tích, lễ hội đ-ợc coi là lý t-ởng cuộc sống mà các thế hệ đều noi theo và h-ớng tới,

những giá trị đó qua các thế hệ lại được gìn giữ và phát huy trong để trở thành phong tục truyền thống, thể hiện bản sắc văn hoá của cộng đồng. Đây là chiếc cầu nối để có thể giao lưu văn hoá giữa các vùng miền, các dân tộc trong cả nước.

2.5. Thực trạng hoạt động du lịch tại các di tích.

2.5.1. Thực trạng hoạt động du lịch.

Du khách đến tham quan các di tích thờ cúng quân nhà Trần ngoài sự cảm nhận về giá trị kiến trúc lịch sử của các đình, đền, miếu còn hiểu những giá trị tinh thần qua các lễ hội, các trò chơi dân gian gắn liền với các di tích. Hàng năm vào những dịp đầu xuân từ mùng 6 tháng 1 đến mùng 9 tháng 3 âm lịch tại các di tích luôn diễn ra lễ hội với các quy mô khác nhau, và lễ hội lớn phải nói đến là lễ hội đền Trần Quốc Bảo ở Trảng Kênh Minh Đức.

Trung tâm của lễ hội là đền Trần Quốc Bảo, đền Trần Hưng Đạo, ngoài ra không gian của lễ hội còn mở rộng ra các đình Chung Mỹ, miếu Phả Lễ, đền Vũ Nguyên... năm 2009 lễ hội này có nhiều nét mới so với những năm trước đây đó là quy mô rộng lớn hơn, các nghi lễ trọng đại, lễ khai mạc diễn ra ngày một trang trọng hơn. Tất cả nhằm tái hiện không khí “Sát thát” vang dậy núi sông khiến kẻ thù khiếp sợ. Bên cạnh đó là các hoạt động thể thao, văn hoá nghệ thuật, triển lãm tranh, vật, kéo co, chơi đu, chơi gà... với mục đích ôn lại chiến công của cha ông xưa, làm sống dậy âm hưởng của trận chiến thắng Bạch Đằng của quân nhà Trần ở thế kỷ XIII. Hàng năm các lễ hội đã thu hút rất nhiều du khách thập phương tới tham gia và cổ vũ.

Mặc dù có nhiều tiềm năng như vậy, nhưng hiện tại ngành du lịch của huyện Thuỷ Nguyên đang còn rất hạn chế khai thác được nhiều giá trị, chưa thực sự đi sâu nghiên cứu cụ thể chi tiết. Bên cạnh đó thì hoạt động du lịch tác động không nhỏ đến đời sống của người dân trong vùng, tạo thêm nguồn thu nhập để cải thiện đời sống, song mặt trái của nó cũng bắt đầu tác động đến đời sống của dân làng đó là tình trạng giá cả đất đai, nạn buôn bán cổ vật và các tệ nạn xã hội cũng bắt đầu nảy sinh.

Thực trạng đó đòi hỏi các cấp chính quyền và ngành du lịch nơi đây phải có định hướng đúng đắn đối với việc phát triển du lịch, tìm ra phương hướng để phát triển du lịch ổn định, bền vững và có biện pháp để ngăn chặn kịp thời những tệ nạn xã hội để giữ gìn bản sắc văn hoá nơi đây.

2.5.2. Cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ du lịch.

Hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật trong kinh doanh du lịch bao gồm: Cơ sở l- u trú, ăn uống, ph- ơng tiện vận chuyển, các ph- ơng tiện vui chơi giải trí là một trong những yếu tố quan trọng ảnh h- ưởng trực tiếp tới hoạt động kinh doanh du lịch. Do vậy phải đánh giá khả năng cung ứng sản phẩm du lịch trong khu l- u trú, nhà hàng, khách sạn để xem chất l- ượng sản phẩm du lịch đã đáp ứng đ- ợc nhu cầu của khách du lịch.

Các phòng nghỉ hiện nay ở Thuỷ Nguyên phần lớn đã đ- ợc trang bị t- ơng đối đồng bộ, các cơ sở l- u trú đều có khả năng đáp ứng nhu cầu phục vụ ăn uống tại chỗ cho khách du lịch. Ngoài ra còn hơn 20 nhà hàng phục vụ ăn uống tập trung trong khu vực Thị trấn Núi Đèo, Thị trấn Minh Đức và một số khu vực khác. Hiện nay huyện đã đầu t- xây dựng trung tâm th- ơng mại, siêu thị, khách sạn tại thị trấn Núi Đèo.

Về ph- ơng tiện vận chuyển, kinh doanh hiện nay Huyện đã đáp ứng đ- ợc t- ơng đối nhiều xe ô tô từ 4 đến 45 chỗ ngồi, hoạt động vận chuyển khách du lịch, trong đó có nhiều xe có chất l- ượng cao.

Có thể nói cơ sở hạ tầng phục vụ du lịch ở Thuỷ Nguyên là điều kiện tiên quyết để các doanh nghiệp kinh doanh trong lĩnh vực du lịch đầu t- nh- ng điều kiện này còn ch- a đáp ứng đ- ợc nhu cầu, hệ thống giao thông đến một số điểm du lịch nhiều nơi còn khó khăn, cơ sở l- u trú, nhà hàng phục vụ ăn uống nhỏ lẻ mới chỉ đáp ứng phần lớn nhu cầu thông th- ờng.

2.5.3. Công tác quản lý và tổ chức khai thác

Thuỷ Nguyên là huyện có tài nguyên du lịch khá phong phú và đặc sắc. Tuy nhiên việc nhận thức của cơ quan chính quyền và ng- ời dân địa ph- ơng về việc khai thác các giá trị tài nguyên du lịch còn rất hạn chế, tuy tiện ch- a có quy hoạch tổng thể để định h- ướng khai thác các di tích một cách hợp lý và có hiệu quả.

Tại các di tích ng- ời dân địa ph- ơng tự huy động kinh phí sửa chữa, tu bổ không làm đúng văn bản h- ướng dẫn, việc tu bổ còn mang tính tự phát, thiếu sự giám sát của cơ quan quản lý chuyên ngành. Chính sự tự giác đó dẫn đến làm phá vỡ nguyên gốc di tích. Hơn nữa việc tu bổ lại các di tích lịch sử văn hoá do một số nhà s- chủ trì mời một số cá nhân đứng ra tu tạo nên phần nhiều mang tính chủ quan và phá vỡ một số kiến trúc có giá trị do họ không hiểu hết đ- ợc giá trị đích thực của chúng.

Việc khai thác các di tích lịch sử văn hoá vào hoạt động du lịch còn mang tính tự phát quy mô nhỏ, hiệu quả ch- a cao nên gây nhiều lãng phí tài nguyên. Hơn nữa các doanh nghiệp của tỉnh ch- a đ- a các di tích lịch sử đó vào tham quan. Trong khi đó việc khai thác các tiềm năng này thiếu một sự gắn kết chặt chẽ với các hoạt động khác của tỉnh, do đó huyện Thuỷ Nguyên ch- a có một trung tâm lõi hành cho nên các ch- ơng trình du lịch đ- ợc thiết kế chào bán và tổ chức từ các doanh nghiệp của tỉnh chỉ tập trung vào khai thác hiệu quả hơn tiềm năng du lịch của huyện làm tăng số l- ợng khách đến các di tích lịch sử văn hoá trên địa bàn huyện.

Mặc dù Thuỷ Nguyên có nhiều tiềm năng và điều kiện để phát triển du lịch nh- ng công tác quản lí, bảo vệ, tôn tạo các di tích lịch sử văn hoá cũng nh- các điểm du lịch khác ch- a đ- ợc chú trọng dẫn đến một số di tích lịch sử văn hoá cũng nh- các điểm du lịch khác đã bị xuống cấp hoặc bị phá hủy, bỏ hoang. Việc quản lí nhà n- ớc về du lịch trên địa bàn huyện còn hạn chế và có nhiều vấn đề bất cập, ch- a có cán bộ chuyên ngành hiểu biết và có kiến thức sâu về vấn đề này.

Các lễ hội ở Thuỷ Nguyên đều mang nhiều nét dân gian truyền thống của một vùng quê Bắc Bộ. Cả phần nghi lễ và phần hội đều mang đậm bản sắc văn hoá có tính biểu cảm và tính nhân văn sâu sắc. Tuy nhiên những năm gần đây do sự phát triển của kinh tế nền kinh tế thị tr- ờng giao l- u với văn hoá n- ớc ngoài, nhiều lễ hội đã có phần bị biến dạng lai căng, một số nghi thức ở phần hội bị mai một làm mất giá trị nhân văn vốn có của chúng,

2.5.4. Môi tr- ờng tự nhiên và môi tr- ờng xã hội của các điểm di tích.

Các điểm di tích thờ t- ổng quân nhà Trần trải qua thời gian do sự tác động của môi tr- ờng, thiên nhiên nên đã có một số di tích bị xuống cấp. Mặt khác hoạt động du lịch vào mùa cao điểm diễn ra ồ ạt làm cho môi tr- ờng ngày càng bị suy thoái. Tại các điểm di tích vào những điểm diễn ra lễ hội, l- ợng khách đến rất đông, hiện t- ợng xả rác bừa bãi gây ô nhiễm môi tr- ờng làm mất đi cảnh quan thoáng mát, trong lành làm cho môi tr- ờng ở những điểm di tích bị ảnh h- ưởng. Hơn nữa khi du khách đến tham quan còn có hiện tượng viết vẽ lên t- ờng của một số di tích làm giảm đi giá trị thẩm mỹ của di tích.

Mặc dù chính quyền địa ph- ơng và ng- ời dân địa ph- ơng đã có những nhận thức hơn về hoạt động du lịch trong chiến dịch phát triển kinh tế, xã hội

của địa phương. Nhìn thực tế cho thấy nhận thức này còn rất hạn chế và có nhiều bất cập, nhận thức của người dân trong vùng trọng điểm du lịch và lợi ích trực tiếp mà ý thức bảo vệ tài nguyên còn ít quan tâm chưa đáp ứng được nhu cầu phát triển du lịch tương xứng với giá trị vốn có của nó.

Một hiện tượng phổ biến trong các lễ hội đó là hiện tượng người ăn xin, trẻ em lang thang, gây ra nhiều cảnh tượng không đẹp mắt. Trong khu vực di tích, đội ngũ bán hàng, chụp ảnh chèo kéo khách rất phổ biến gây cảm giác khó chịu cho du khách để lại ấn tượng không tốt.

2.6. Định hướng và mục tiêu phát triển du lịch của huyện Thủy Nguyên.

Thủy Nguyên là huyện có tiềm năng phát triển du lịch rất lớn với các danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử văn hóa và lễ hội được phân bố rộng khắp trên địa bàn huyện. Đây là điều kiện lý tưởng cho phép Thủy Nguyên phát triển một cách nhanh chóng và bền vững với nhiều loại hình du lịch khác nhau như: du lịch sinh thái, du lịch văn hóa, ẩm thực, du lịch thể thao lễ hội.

Phương hướng phát triển du lịch Thủy Nguyên trong những năm tới là không ngừng nâng cao chất lượng và đa dạng hóa sản phẩm du lịch, tạo ra sức hấp dẫn du khách đẩy nhanh tốc độ phát triển ngành du lịch ở Thủy Nguyên, từng bước đưa du lịch Thủy Nguyên trở thành ngành kinh tế quan trọng của huyện. Việc phát triển mạnh du lịch sẽ có tác dụng thúc đẩy nhiều ngành cùng phát triển như: Việc khôi phục và phát triển các nghề truyền thống, thủ công mỹ nghệ, dịch vụ thương mại, nông nghiệp... trước mắt cần triển khai thực hiện một số dự án như: Dự án du lịch hồ sông Giá, dự án du lịch sinh thái Tân Quang Minh, dự án Đồi Chồi, dự án khu du lịch đảo Vũ Yên...

Trong giai đoạn 2008 -2010 để phát triển cần phải đầu tư xây dựng, tu bổ tôn tạo các điểm tham quan di tích, mở các tuyến du lịch mới, tạo lên sức hấp dẫn, sự phong phú về sản phẩm du lịch, trực tiếp hoàn thiện hệ thống giao thông đường bộ, đường thủy phục vụ các tour du lịch theo tuyến. Mở rộng việc xây dựng các nhà nghỉ du lịch kết hợp hiện đại và dân dã. Mở rộng nhiều loại hình vui chơi giải trí mang bản sắc khu vực. Đào tạo nguồn nhân lực cả về trình độ nghiệp vụ và phong cách giao tiếp đối với những người tham gia trong lĩnh vực du lịch là hướng dẫn viên, lễ tân, tiếp thị...nâng cao chất lượng thực hiện quy chế chống ô nhiễm môi trường bảo vệ cảnh quan sinh thái và các di sản tự nhiên. Mở rộng du lịch đồng quê với làng ven, làng nghề

truyền thống trong bối cảnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn. Tiến hành hợp tác chặt chẽ với các vùng phụ cận để tạo nhiều hơn nữa các sản phẩm du lịch có chất lượng cao.

Trong giai đoạn từ nay đến năm 2020 tiếp tục đầu tư để phát triển mạnh ngành du lịch với các loại hình: Nghỉ dưỡng cuối tuần, tham quan di tích lịch sử, lễ hội, làng nghề, du lịch thể thao, tham quan nông nghiệp. Đầu tư mở rộng các dự án du lịch đã được xây dựng trong giai đoạn 2006 -2010 theo hướng đồng bộ hiện đại, bên cạnh đó cần đầu tư mạnh để tạo ra nhiều loại hình du lịch và nhiều sản phẩm du lịch hơn nữa thu hút khách quốc tế và khách nội địa, từng bước thể hiện vai trò là một trong những điểm du lịch sinh thái lớn của thành phố.

CHƯƠNG 3

ĐỀ XUẤT MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM KHAI THÁC VÀ PHÁT TRIỂN DU LỊCH VĂN HÓA Ở HUYỆN THỦY NGUYÊN

Ngành du lịch Hải Phòng đã và đang tiến hành thực hiện các định hướng khai thác mới về du lịch, trong đó phát triển du lịch bền vững được coi là mục tiêu sống còn của ngành du lịch. Một trong những định hướng đó là đẩy mạnh hơn nữa du lịch văn hoá. Chính vì vậy, nếu khai thác tốt các di tích lịch sử, văn hoá, lễ hội ở huyện Thủy Nguyên trong đó có các di tích thờ cúng quân

nhà Trần thì trong tương lai gần đây chắc chắn Thủy Nguyên sẽ trở thành điểm du lịch hấp dẫn ở Hải Phòng.

3.1. Giải pháp tăng cường thu hút đầu tư về du lịch

Để phát triển du lịch Thủy Nguyên trước hết cần phải thu hút được các nguồn đầu tư. Trong những năm qua vốn đầu tư phát triển du lịch rất thiếu trong khi đó đầu tư lại chưa đồng bộ, kém hiệu quả đang là một thách thức không nhỏ đối với sự phát triển ngành du lịch. Vấn đề có tính quyết định trong việc nghiên cứu quy hoạch và khai thác nguồn tài nguyên để phục vụ cho phát triển du lịch. Theo dự báo nhu cầu về vốn trong phát triển du lịch ở Thủy Nguyên trong những năm 2008 - 2020 là rất lớn khoảng 1000 tỷ đồng. Để có thể đẩy mạnh việc huy động các nguồn đầu tư từ bên ngoài trực tiếp vào du lịch huyện cần đưa ra những chủ trương phù hợp.

Trong thời gian tới huyện cần phải có các cơ chế, chính sách hợp lý, thông thoáng để thu hút các nhà doanh nghiệp vào đầu tư, cần hoàn thiện hệ thống văn bản pháp luật để tạo hành lang pháp lý thuận lợi cho các nhà đầu tư hoạt động. Để khuyến khích đầu tư vào du lịch huyện cũng cần có những chính sách ưu đãi như miễn giảm thuế, hỗ trợ các nhà đầu tư trong việc nắm quyền sử dụng đất, đa dạng hoá các hình thức đầu tư (tập thể, đơn vị, cá nhân). Đồng thời cũng cần đầu tư cho du lịch từ ngân sách nhà nước, Thành phố và của huyện.

Bên cạnh đó huyện cũng cần xác định đúng mục tiêu về đầu tư phát triển du lịch để tạo ra những chuyển biến tích cực trong công tác đầu tư với những chính sách ưu đãi, hướng đầu tư vào những điểm còn hạn chế của du lịch huyện và hỗ trợ các hướng phát triển ưu tiên như trong việc xây dựng các khu, tuyến, điểm du lịch, trong việc tôn tạo cảnh quan môi trường, di tích lịch sử văn hoá, lễ hội, các làng nghề truyền thống. Tập trung đầu tư du lịch vào các địa bàn trọng điểm như hồ sông Giá, cụm di tích Tràng Kênh, danh thắng Trại Sơn... song song với việc nâng cấp các khu, điểm du lịch ở trong huyện. Để thực hiện được mục tiêu đề ra trước hết cần đánh giá thực trạng công tác đầu tư du lịch, các dự án đã và đang triển khai. Trên cơ sở đó chú trọng ưu tiên xúc tiến đầu tư phát triển các khu du lịch tổng hợp có ý nghĩa vùng, quốc gia, các khu điểm du lịch sinh thái, du lịch văn hoá.

Đầu tư hợp lý năng cấp và phát triển các điểm tham quan du lịch, cơ sở vật chất kỹ thuật của ngành, nâng cao chất lượng và tạo sản phẩm mới, đầu tư

cho công tác xúc tiến quảng bá du lịch, xây dựng hệ thống các tr-ờng đào tạo nghề du lịch.

Cần căn cứ thực tế hoạt động du lịch và nhu cầu ngày càng tăng của du khách để xem xét bổ xung đầu t- các khu du lịch chuyên đề. Ưu tiên đầu t- nâng cấp cho các điểm, tuyến du lịch có ý nghĩa liên kết vùng (Hà Nội - Hải Phòng -Quảng Ninh), Các dự án đầu t- xây dựng các cơ sở vui chơi giải trí.

Trong giai đoạn hội nhập hiện nay, Thủy Nguyên cũng cần củng cố mở rộng hợp tác về du lịch với các quận huyện khác trong thành phố, các vùng lãnh thổ du lịch trong n-ớc mà tr-ớc hết là vùng duyên hải Bắc Bộ tiến tới hợp tác quốc tế về du lịch nhằm quảng bá hình ảnh du lịch của huyện.

Cần đa dạng hoá, đa ph-ơng hoá hợp tác phát triển du lịch với các tỉnh lân cận, các tổ chức doanh nghiệp cá nhân n-ớc ngoài nhằm tranh thủ nguồn lực bên ngoài, tăng c-ờng nguồn khách, vốn đầu t- và kinh nghiệm cho sự phát triển du lịch của huyện.

3.2. Giải pháp tăng c-ờng công tác quảng bá, xúc tiến về du lịch.

Quảng cáo là một hoạt động quan trọng đối với sự phát triển du lịch, là một công cụ hữu hiệu của Marketing du lịch giúp khách du lịch biết tới sản phẩm du lịch của địa ph-ơng đảm bảo sự thu hút khách và tăng c-ờng khả năng cạnh tranh của sản phẩm du lịch. Việc cung cấp thông tin cho khách du lịch vùng nội thành về các ch-ơng trình du lịch, các tour du lịch mới là một việc quan trọng vì nó khơi dậy nhu cầu đi du lịch của khách. Trên thực tế l-ợng thông tin mà khách du lịch biết về Thủy Nguyên rất ít thậm chí nhiều ng-ời dân nội thành còn ch-a biết đến Thủy Nguyên, Do vậy để tạo lập và nâng cao hình ảnh du lịch của Thủy Nguyên, nâng cao nhận thức mọi mặt về du lịch trong các cấp, các ngành và nhân dân, tạo ra cầu du lịch thì công tác tuyên truyền quảng bá du lịch hơn bao giờ hết cần đ-ợc đặt lên hàng đầu. Cần áp dụng tổng hợp các hình thức tiếp thị du lịch để nâng cao hiệu quả nh-quảng cáo trên các ph-ơng tiện thông tin đại chúng: Đài phát thanh và truyền hình Hải Phòng, trang Website của thành phố và Sở du lịch hải Phòng, báo, tạp chí du lịch... dưới hình thức các phóng sự, phim tài liệu, trang du lịch địa ph-ơng. Hình thức này tỏ ra có hiệu quả vì nó giúp cho ng-ời dân có cảm nhận trực tiếp đ-ợc màu sắc, hình ảnh, âm thanh và có thể phổ biến rộng rãi. Đồng thời tiến hành biên soạn và phát hành những ấn phẩm có chất l-ợng và thông tin chính xác về du lịch để giới thiệu với khách du lịch về con ng-ời và

cảnh quan, tài nguyên du lịch, những thông tin về điểm l- u trú tham quan du lịch, các nhà hàng, khách sạn, các điểm vui chơi giải trí, giá cả, các địa chỉ cung cấp thông tin về du lịch... bằng các sách hướng dẫn du lịch, tập gấp, tờ rơi đến các cơ quan công sở, tr- ờng học, các khu dân c- , các cụm công nghiệp trên địa bàn thành phố. Đây là hình thức đơn giản mà t- ơng đối hiệu quả vì nó có khả năng l- u giữ thông tin tốt có thể nhằm đúng tới thị tr- ờng khách có nhu cầu mà du lịch đang muốn tiếp thị.

Thủy Nguyên cũng cần đ- a ra những câu chiêu hiệu, một slogan cho sản phẩm du lịch của mình để tăng tính hấp dẫn đối với du khách, giúp cho họ cảm nhận đ- ợc sự độc đáo riêng có của du lịch huyện. Có thể áp dụng chính sách quảng cáo giống nh- Đồ Sơn 2 năm qua đó là gắn slogan lớn trên các tuyến xe bus chạy trong thành phố, hoặc treo những tấm palô, áp phích, khẩu hiệu trên trục đ- ờng giao thông.

Để tăng c- ờng tuyên truyền, quảng bá cho du lịch đòi hỏi phải có sự hỗ trợ của nhà n- ớc và địa ph- ơng về cơ chế chính sách cũng nh- ngân sách để thành lập vận hành các văn phòng xúc tiến, phát triển du lịch. Sau đó đ- a các tour, các ch- ơng trình du lịch tới các đại lý lữ hành, các kênh phân phối để họ tự chào bán, giới thiệu. Đây là hình thức quảng cáo rất hiệu quả đỡ tốn kém thu hút đ- ợc nguồn khách lớn mà lại giảm đ- ợc chi phí xúc tiến.

Ngoài ra cần tận dụng cơ hội để tổ chức hoặc tham gia các sự kiện văn hoá, thể thao, các hội chợ ẩm thực, hội chợ hàng thủ công mỹ nghệ, các buổi triển lãm, các buổi biểu diễn liên hoan văn nghệ, các lễ kỉ niệm trọng đại cũng nh- cần tranh thủ các hội nghị hội thảo, diễn đàn về du lịch để quảng bá hình ảnh du lịch huyện.

Lập Website, phát hành các ấn phẩm văn hoá nh- đĩa CD, giới thiệu về danh lam thắng cảnh, con ng- ời, về các khu du lịch, điểm du lịch của huyện với du khách. Khuyến khích các tổ chức cá nhân lập các công ty, đại lý lữ hành trên địa bàn huyện để nghiên cứu về thị tr- ờng du lịch, tìm nguồn khách và thiết lập các tour du lịch độc đáo dựa trên nguồn tài nguyên sẵn có của huyện.

3.3. Giải pháp duy trì và tổ chức các lễ hội truyền thống

Lễ hội nh- là cuộc đời thứ hai của con ng- ời bởi nó không chỉ mang yếu tố tâm linh mà còn là sinh hoạt của cuộc sống cộng đồng với ý nghĩa nhân văn sâu sắc. Tuy nhiên tham gia tổ chức nh- thế nào để vừa bảo tồn và vừa phát

huy những giá trị ý nghĩa tích cực của lễ hội nhất là lễ hội truyền thống bởi vì các lễ hội chính là bộ phận quan trọng của di sản văn hoá.

Cần phải duy trì các lễ hội truyền thống hàng năm của địa phương : Lễ hội Hang Lơng, lễ hội đình Chung Mỹ, đặc biệt là lễ hội Trần Quốc Bảo diễn ra trong hai ngày mồng 6 và mồng 7 tháng giêng âm lịch hàng năm, để tưởng nhớ công lao của vị anh hùng dân tộc Trần Quốc Bảo trong trận chiến đấu chống quân xâm lược Nguyên Mông thế kỷ 13, đây là một lễ hội độc đáo thu hút được sự tham gia đông đảo của quần chúng nhân dân.

Tổ chức lễ hội phải nêu được mục đích, yêu cầu, nội dung, diễn trình của lễ hội, các nghi thức truyền thống nếu có kết hợp với các cuộc thi, các trò chơi được tổ chức một cách quy củ để cho du khách có thể tham gia. Sưu tầm và nghiên cứu nét độc đáo của các lễ hội khác để vừa tạo nên tính mới mẻ mà vẫn giữ được tính truyền thống của lễ hội để thu hút khách.

Tuy nhiên trong việc duy trì lễ hội phục vụ du lịch, cần có sự phối hợp chặt chẽ của các cấp các ngành, các nhà nghiên cứu, tránh tình trạng xô bồ, pha tạp hỗn loạn để có thể định hướng và kiểm soát được.

Lễ hội của Thủy Nguyên là một nét đẹp văn hoá độc đáo nếu được quan tâm tổ chức với quy mô lớn và được quảng bá rộng rãi thì chắc chắn sẽ thu hút được đông đảo khách du lịch.

3.4. Giải pháp đào tạo nguồn nhân lực.

Hiện nay, nguồn lao động trong lĩnh vực du lịch ở Thủy Nguyên tương đối đông tuy nhiên chủ yếu là lao động phổ thông, tỉ lệ lao động qua đào tạo còn thấp, nghiệp vụ du lịch còn yếu. Do đó để phát triển nguồn nhân lực du lịch trong những năm tới huyện cần thường xuyên tiến hành điều tra đánh giá, phân loại trình độ nghiệp vụ của toàn bộ cán bộ nhân viên làm trong ngành của địa phương. Dựa trên kết quả điều tra tiến hành xây dựng kế hoạch đào tạo cụ thể các cấp độ, trình độ khác nhau, theo các chuyên ngành khác nhau cho phù hợp.

Tổ chức đào tạo và đào tạo lại cán bộ công nhân viên ngành du lịch dưới nhiều hình thức tại chỗ, gửi đến các trường dạy nghề du lịch, các khóa học tại chức ngắn hạn, dài hạn hoặc thường xuyên tổ chức các hội thảo về du lịch, các cuộc thi chuyên môn tay nghề để trao đổi kinh nghiệm, chuyên môn nghiệp vụ giữa các nhân viên. Đồng thời cần đưa các chương trình đào tạo du lịch vào trường dạy nghề của huyện. Trong kế hoạch đào tạo nguồn nhân lực du lịch

cần nêu rõ những yêu cầu giáo dục đào tạo về chuyên môn nghiệp vụ nh- kỹ năng giao tiếp, kỹ năng phục vụ, trình độ ngoại ngữ, thái độ văn minh lịch sự, thân thiện cởi mở, nhiệt tình trong công việc, yêu nghề biết trân trọng những giá trị truyền thống dân tộc, bảo vệ môi tr- ờng. Bên cạnh đó huyện cần thực hiện đầy đủ, nghiêm túc chính sách tuyển dụng, sắp xếp, sử dụng, đãi ngộ lao động, từng b- ớc trẻ hoá đội ngũ lao động, - u tiên sử dụng trí thức, những ng- ời đã qua đào tạo, thực hiện chế độ - u đãi khen th- ưởng đối với những nhân viên và cán bộ nhiệt tình, hoàn thành tốt công việc.

Thu hút công đồng địa ph- ơng tham gia vào hoạt động du lịch nh- kinh doanh ăn uống, lưu trú, hàng lưu niệm...có các cơ chế chính sách ưu tiên, tuyển mộ và đào tạo lao động vào các hoạt động du lịch là ng- ời địa ph- ơng là một nguyên tắc để phát triển du lịch bền vững.

3.5. Bảo vệ tài nguyên môi tr- ờng tự nhiên, bảo tồn tôn tạo các di tích lịch sử văn hoá, lễ hội.

Việc bảo tồn và sử dụng bền vững nguồn tài nguyên thiên nhiên văn hoá xã hội sẽ đảm bảo cho việc phát triển lâu dài của hoạt động du lịch. Để làm đ- ợc điều này trong thời gian tới, du lịch Thuỷ Nguyên cần thực hiện những biện pháp sau:

Phát triển các loại hình du lịch thân thiện với môi tr- ờng: du lịch sinh thái, du lịch tham quan, các tour du lịch du khảo đồng quê. Các điểm du lịch cần tích cực tham gia công tác diễn giải môi tr- ờng với du khách, làm cho họ nhận thức đ- ợc vai trò và trách nhiệm giữ gìn môi tr- ờng trong lành bằng các biện pháp cung cấp các tờ rơi, các tập gấp, đặt thùng rác ở những nơi khách nghỉ chân hoặc thông qua sự nhắc nhở của h- ớng dẫn viên, nhân viên ở các điểm du lịch. Chính quyền địa ph- ơng cần có chính sách quản lí chặt chẽ những dự án đang đ- ợc triển khai, yêu cầu ban quản lí dự án phải có cam kết đánh giá tác động đến môi tr- ờng và có những biện pháp bảo vệ môi tr- ờng.

Th- ờng xuyên tiến hành điều tra nghiên cứu về tài nguyên môi tr- ờng và đánh giá những tác động từ việc thực hiện dự án cũng nh- các hoạt động du lịch tới tài nguyên môi tr- ờng để phát hiện và xử lí kịp thời các sự cố về môi tr- ờng. Đồng thời cần áp dụng chặt chẽ luật môi tr- ờng, thu phí môi tr- ờng, sử dụng công cụ tài chính nh- th- ưởng phạt để tái đầu t- cho bảo vệ môi tr- ờng: trồng các dải cây xanh để giảm bụi, tiếng ồn tại các tuyến đ- ờng giao thông lớn, nhất là các khu công nghiệp.

Nghiêm cấm việc khai thác bừa bãi hệ thống các núi đá vôi ở Tràng Kênh, Lại Xuân gây ảnh hưởng đến các điểm thắng cảnh, các hang động và gây ô nhiễm môi trường không khí do bụi và tiếng ồn.

Khuyến khích sự tham gia của cộng đồng địa phương vào các hoạt động du lịch: kinh doanh khách sạn, hướng dẫn khách du lịch, quản lý kinh doanh dịch vụ du lịch, sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ làm đồ lưu niệm giúp người dân địa phương tăng thêm thu nhập, cải thiện đời sống nâng cao trách nhiệm với tài nguyên, môi trường du lịch vì họ chính là chủ nhân của tài nguyên và môi trường khu vực. Người dân địa phương sẽ cùng ngành du lịch chăm lo đến việc nâng cao chất lượng sản phẩm du lịch, góp phần quan trọng vào sự phát triển bền vững của du lịch.

Bảo đảm sự đa dạng sinh học của các loài động thực vật, bảo vệ tài nguyên rừng và phủ xanh đất trống đồi trọc tạo ra không gian cho việc phát triển các loại hình du lịch cắm trại, dã ngoại, nghỉ ngơi, đồng thời có các biện pháp giữ gìn nét tự nhiên, hoang sơ của các danh thắng hang động.

Đối với công tác bảo tồn tôn tạo các di tích lịch sử văn hoá: Thủy Nguyên có hệ thống các di tích lịch sử văn hoá rất phong phú và đa dạng tuy nhiên việc quản lý, khai thác vẫn chưa hợp lý vì các điểm di tích phần lớn giao cho xã, thôn quản lý nên thiếu kinh phí cho việc tu bổ tôn tạo. Một số điểm di tích bị xuống cấp, một số khác được trùng tu, xây dựng mới thì lại không bảo lưu được những giá trị kiến trúc truyền thống, thay vào đó là những mảng bê tông cốt thép làm mất đi giá trị thẩm mỹ, những nét riêng biệt độc đáo của di tích mà chính nó mới là yếu tố hấp dẫn du khách. Do đó địa phương cần có kế hoạch quản lý, tu bổ, đầu tư kinh phí hợp lý để thành lập các ban quản lý tại các điểm di tích. Cần có sự tham khảo ý kiến của những người có kinh nghiệm trong lĩnh vực kiến trúc, điêu khắc, những nhà nghiên cứu lịch sử trong quá trình sửa chữa tôn tạo. Hạn chế tới mức thấp nhất việc bê tông hoá, nên giữ nguyên nền cũ của các di tích, sử dụng vật liệu truyền thống như nền gạch Bát Tràng, đá ong, cột gỗ và giữ lại các mảng điêu khắc chạm trổ.

Bên cạnh đó cần có biện pháp khai thác hợp lý các khu di tích, khai thác đi đôi với bảo tồn, nghiêm cấm những hành vi xâm hại đến di tích, danh thắng. Hạn chế việc thấp hèn, nghiêm cấm sờ tay vào hiện vật, viết vẽ lên di tích.

Việc bảo vệ các tài nguyên nhân văn phi vật thể như lễ hội và các sinh hoạt văn hoá cần được chọn lọc, tránh ngộ nhận những gì sai trái cũng cho là

bản sắc dân tộc, cần loại bỏ những hoạt động đồng bóng mê tín dị đoan bói toán, yểm bùa. Bảo tồn và giữ gìn những sinh hoạt văn hoá, những trò chơi trong phần hội vì đây chính là linh hồn của các lễ hội truyền thống mà nếu mất đi chúng thì lễ hội sẽ thì lễ hội sẽ trở lên đơn điệu tẻ nhạt, kém sức hấp dẫn. Phòng văn hoá huyện cần có sự phối kết hợp với các ban ngành có liên quan của địa phương, thành phố và trung ương trong việc khôi phục hội mở mắt ở Phục Lễ bằng cách tái hiện lại trong những lễ hội dân gian trong vùng.

Đối với các hình thức biểu diễn nghệ thuật dân gian như hát đúm, ca trù cần có các biện pháp bảo tồn bằng cách truyền dạy lại cho thế hệ trẻ kế cận để hình thức các câu lạc bộ. Ngoài ra để khai thác tốt hơn cho hoạt động du lịch có thể sân khấu hoá bằng cách xây dựng những chương trình biểu diễn phục vụ du khách tại các điểm du lịch.

Các làng nghề truyền thống ở Thuỷ Nguyên hiện nay đang có nguy cơ bị thất truyền. Do đó việc khôi phục và phát triển các làng nghề nên hướng nó phù hợp với tình hình thị trường, ngành vẫn phải giữ gìn những nét đặc sắc riêng biệt của địa phương, tránh tình trạng sản xuất hàng loạt mất đi những nét tinh túy trong sản phẩm làm sai lệch những giá trị truyền thống.

Để làm được điều đó cần có sự quan tâm của chính quyền địa phương như hỗ trợ về vốn, nghiên cứu sâu tìm các tài liệu về làng nghề của huyện từ đó đưa ra hướng khôi phục và hướng nghiệp cho người dân địa phương, thường xuyên tổ chức các cuộc thi tay nghề cho các nghệ nhân, tổ chức các lớp dạy và truyền nghề cho các đối tượng. Giúp người dân giới thiệu và bán các sản phẩm du lịch bằng cách tổ chức các hội chợ làng thủ công mỹ nghệ có sự tham gia làm trực tiếp của các nghệ nhân, tổ chức các gian trưng bày sản phẩm tại các điểm du lịch.

3.6. Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ du lịch

Cơ sở lưu trú

Các cơ sở lưu trú hiện nay của huyện còn đơn điệu về loại hình chủ yếu là khách sạn và nhà nghỉ, chủ yếu tập trung ở khu vực thị trấn trung tâm còn tại các điểm thắng cảnh, các khu du lịch hầu như còn thiếu. Vì vậy cần đa dạng hoá các loại hình lưu trú để thoả mãn nhu cầu đa dạng của du khách như: Làng du lịch, biệt thự du lịch, bungalow, nhà vườn, phòng trọ, lều trại...

Khi xây dựng các cơ sở lưu trú cần lưu ý kết hợp yếu tố truyền thống và hiện đại, giữ gìn phần hồn của bản sắc văn hoá nông thôn vùng đồng bằng Bắc

Bộ. Khuyến khích xây dựng bằng các vật liệu truyền thống nh- gỗ, tre, mái lá, đồng thời phải đảm bảo sự đồng bộ với nội thất bên trong. Nh- vậy sẽ tạo đ- ợc sự khác biệt với các khách sạn tiện nghi hiện đại ở thành phố, giúp du khách cảm nhận đ- ợc sự khác biệt của du lịch Thuỷ Nguyên.

Có thể xây dựng những biệt thự nhỏ đầy đủ tiện nghi ẩn mình trong cây xanh, trong những v- ườn cây trái ven sông, ven đồi đáp ứng nhu cầu của những du khách có khả năng chi trả cao. Bên cạnh đó Thuỷ Nguyên có diện tích vùng đồi khá lớn, bề mặt t- ơng đối bằng phẳng là điều kiện thuận lợi để phổ biến hình thức l- u trú lều trại, cho khách thuê các trang thiết bị và vật dụng cần thiết để dựng trại qua đêm còn các cơ sở l- u trú chỉ cần chuẩn bị một mặt bằng giữa khung cảnh thiên nhiên đẹp, trong lành. Đây là hình thức kinh doanh đơn giản, vốn đầu t- ít, lại khá thân thiện với môi tr- ờng vì nó không làm phá vỡ cảnh quan.

Cơ sở ăn uống

Ngày nay nhu cầu ăn uống của du khách đã đ- ợc nâng lên một b- ớc trở thành nghệ thuật ẩm thực. Do đó th- ờng thức các món ăn đặc sản của địa ph- ơng cũng là một động lực thúc đẩy ng- ời dân đi du lịch nhiều hơn. Các cơ sở ăn uống cần phát huy thế mạnh về những món ăn ngon, hấp dẫn và rất đặc tr- ơng đ- ợc chế biến từ nguyên liệu của huyện nh- : cá bóng kho, còng ngan nấu canh chua, các món hải sản nh- cua bể, tôm mực, ghẹ, chả cá thu đến các món ăn mang phong vị núi đồi như dê nướng, lẩu dê..., các món ăn tráng miệng, hoa quả, n- ớc uống từ trái cây của địa ph- ơng. Các nhà hàng quán ăn nên tổ chức đa dạng từ cao cấp đến bình dân để phục vụ nhiều đối t- ơng khách khác nhau.

Xây dựng các nhà hàng chuyên phục vụ những món ăn đặc sản địa ph- ơng, nhà hàng theo phong cách dân tộc đậm nét thôn quê dân dã từ kiến trúc, cách bài trí đến h- ơng vị các món ăn. Đồng thời các nhà hàng nên đ- ợc xây dựng ở những nơi thoáng mát ven sông hồ, các dòng kênh để tạo cảm giác thú vị thoải mái cho khách khi th- ờng thức các món ăn.

Cơ sở vui chơi giải trí

Nhu cầu vui chơi giải trí của khách du lịch là rất lớn và nó có sức hút nhất với du khách. Hiện nay các loại hình vui chơi giải trí của Thuỷ Nguyên còn hết sức đơn điệu. Do đó cần xây dựng các cơ sở vui chơi giải trí với đa dạng các loại hình nh- xây dựng công viên n- ớc, trung tâm bơi lội hồ sông

Giá, xây dựng sân golf xã L- u Kiếm, các sân thể thao bóng chuyên, tennis, cầu lông, các công viên giải trí gồm các loại thiết bị trò chơi điện tử...Các khu vui chơi giải trí xây dựng cần đảm bảo các yếu tố an toàn, bền vững về kỹ thuật, đẹp về mỹ thuật, tạo được giá trị độc đáo và hấp dẫn du khách. Ban ngày tổ chức các hoạt động tham quan, leo núi, bơi lội, các hoạt động câu cá, bơi thuyền, thả diều...để tăng thời gian lưu lại của khách du lịch tại các điểm tham quan cần đa dạng hoá các loại hình hoạt động vào ban đêm như các buổi biểu diễn nghệ thuật dân gian (ca trù, hát đúm), tổ chức các trò chơi dân gian, tuy nhiên cần tránh thương mại hoá làm mất đi vẻ đẹp của các giá trị truyền thống, các hình thức giao lưu lửa trại, hội chợ...xây dựng thêm các vũ trường, quán bar để đáp ứng nhu cầu giải trí của giới trẻ.

Các cửa hàng và các cơ sở cung cấp các dịch vụ bổ sung

Do nhu cầu mua sắm của khách du lịch là rất lớn, do đó cần tổ chức các cửa hàng thương nghiệp đáp ứng các nhu cầu của khách: cửa hàng bán rau quả, thực phẩm, hàng tiêu dùng, hàng chuyên dùng cho du lịch, đặc biệt các cửa hàng bán đồ lưu niệm tại các điểm du lịch, đầu mối giao thông, cơ sở lưu trú: đồ thủ công mỹ nghệ, gốm sứ, mây tre đan...Đối với mặt hàng lưu niệm cần chú ý tới kỹ thuật gia công, tới tính độc đáo của sản phẩm. Khôi phục và bảo tồn hệ thống các chợ phiên truyền thống ở Thủy Nguyên và tổ chức các tour du lịch thăm quan mua sắm cho khách du lịch tại các chợ này.

3.7. Giải pháp về phát triển cơ sở hạ tầng

** Giao thông vận tải*

Hiện nay mạng l-ới đ-ờng bộ, đ-ờng thủy trên địa bàn huyện đã hình thành t-ơng đối hợp lí, tuy nhiên trong những năm tới để có thể khai thác tốt hơn hệ thống giao thông phục vụ phát triển du lịch thì Thủy Nguyên cần:

Nâng cấp mở rộng một số tuyến đ-ờng tỉnh lộ, huyện lộ và đ-ờng liên xã do bề mặt các tuyến đ-ờng này rất hẹp, các xe du lịch lớn đi lại khó khăn. Cụ thể là: nâng cấp tuyến đ-ờng 352, 351 đạt tiêu chuẩn đ-ờng cấp III rộng trên 12mét, mở rộng các tuyến đ-ờng cấp huyện đạt tiêu chuẩn bề mặt rộng từ 6- 9 mét, nâng cấp tuyến đ-ờng Lại Xuân – L- u Kiếm, Minh Đức – Gia Minh hiện nay đang xuống cấp.

Nhanh chóng triển khai và hoàn thiện các dự án đ-a vào hoạt động để góp phần phát triển mạng l-ới giao thông của huyện: xây dựng cầu Dinh đi Kinh Môn (Hải D-ơng), xây dựng đ-ờng bao phía Bắc sông Cấm, tuyến đ-ờng từ cảng cá Mát Rông đi đ-ờng 10 cũ vào khu công nghiệp Minh Đức, xây dựng cầu thay cho phà Đụn hiện nay.

Mở rộng bến xe ở thị trấn Minh Đức, thị trấn Núi Đèo, Kênh Giang, Bến Bính, Phà Rừng, khu vực Quảng Thanh là ngưỡng đầu mối trung chuyển khách quan trọng giải quyết vấn đề về bến đỗ cho các ph-ơng tiện vận chuyển.

Lập các dự án xây dựng tuyến đ-ờng bờ Bắc sông, bờ nam hồ sông Giá, tuyến đ-ờng lên núi Sơn Đào là những khu danh thắng nổi tiếng của huyện.

Song song với việc phát triển giao thông đ-ờng bộ Thủy Nguyên cần chú trọng hơn nữa tới giao thông đ-ờng thủy. Cần tiến hành nạo vét đ-ờng sông nội bộ, các luồng lạch bảo đảm tàu thuyền đi lại đ-ợc dễ dàng. Hiện nay ở huyện các bến bãi, cầu cảng vừa chở nguyên vật liệu vừa chở khách du lịch đã làm giảm chất l-ợng phục vụ du lịch. Do vậy việc xây dựng mới các bến tàu thuyền, các cảng chuyên phục vụ khách du lịch tham gia các tour du lịch đ-ờng sông là rất cần thiết.

Trong t-ơng lai khi tuyến đ-ờng sắt đi Hải Phòng - Minh Đức - Bến Rừng đ-ợc hoàn thành sẽ giúp cho khách du lịch nội thành có thể đến Thủy Nguyên bằng loại hình ph-ơng tiện vận chuyển mới.

Bên cạnh cải tiến chất l-ợng hạ tầng giao thông huyện cũng cần phải chú trọng hơn tới tăng c-ờng số l-ợng và chất l-ợng các ph-ơng tiện vận chuyển.

Các ph-ơng tiện giao thông thuỷ phục vụ du lịch còn khá ít, chất l-ợng dịch vụ và độ an toàn ch- a cao trong khi tiềm năng phát triển du lịch đ- ồng sông của Thuỷ Nguyên rất lớn. Đây là một hạn chế đối với ngành du lịch của huyện. Vì vậy cần đóng mới các ph-ơng tiện chuyên chở khách du lịch, trang bị thiết bị tiện nghi đầy đủ, chú ý tới các điều kiện đảm bảo an toàn cho khách như phao cứu hộ, trọng tải của tàu...

** Mạng l-ới cung cấp điện, n-ớc*

Mạng l-ới cung cấp điện n-ớc của huyện đã khá phát triển, nh-ng để phục vụ cho nhu cầu rất lớn của khách du lịch và các khu vui chơi giải trí trong thời gian tới thì vẫn còn thiếu, nhất là vào những ngày hè nóng nực. Hiện nay tình trạng thiếu điện, thiếu n-ớc sạch vào mùa hè vẫn còn xảy ra trong khi nhu cầu của khách rất lớn làm ảnh h-ởng tới chất l-ợng dịch vụ du lịch. Do đó huyện cần phải xây dựng quy hoạch tổng thể mạng l-ới cung cấp điện n-ớc trong toàn huyện theo quy hoạch chung.

Đối với mạng l-ới điện: cần xây dựng hệ thống l-ới điện hạ thế để từ đó có kế hoạch đầu t- , nâng cấp cải tạo xây dựng mới đ- ồng dây hạ thế và các trạm biến áp (dự kiến đến năm 2020 trên toàn huyện sẽ có khoảng 60 trạm biến áp). Nâng cấp trạm 110 KV tại Ngũ Lão, nâng cấp trạm trung chuyển tại Mỹ Đồng – Kiên Bái để tăng thêm nguồn điện cho huyện. Đồng thời cần nhanh chóng xây dựng nhà máy nhiệt điện 600 MV tại Tam H- ng.

Hệ thống cấp n-ớc sạch: Thuỷ Nguyên cần đánh giá hiện trạng nguồn n-ớc mặt, n-ớc ngầm, tiếp tục đầu t- xây dựng hệ thống cấp n-ớc sạch tại các điểm du lịch để cung ứng đủ n-ớc sạch cho du khách và các hoạt động vui chơi giải trí. Tại các điểm du lịch, các vùng cảnh quan sinh thái danh thắng có thể xây dựng các nhà máy n-ớc vừa và nhỏ, trạm xử lí n-ớc sạch hoặc các giếng khoan lấy n-ớc sạch tại chỗ. Cần sớm hoàn thành nhà máy n-ớc 60.000m³ tại khu vực thị trấn Minh Đức để phục vụ khu đô thị Bắc sông Cấm và các khu vực phụ cận.

** Hệ thống b- u chính viễn thông*

Để phục vụ cho nhu cầu liên lạc, trao đổi thông tin của khách du lịch, Thuỷ Nguyên cần tổ chức nâng cao năng lực cho b- u điện trung tâm, các b- u cục khu vực, phát triển mạnh mạng l-ới b- u cục, các kiôt điện thoại, điểm bán sim thẻ điện thoại, các điểm truy cập Internet. Thực hiện xây dựng quy hoạch hạ tầng viễn thông và truyền hình, trong đó cần chú trọng đầu t- mạng l-ới

viễn thông hiện đại, đồng bộ và rộng khắp nhằm cung cấp các dịch vụ đa dạng chất lượng cao

*** Xây dựng tour du lịch văn hoá ở Thuỷ Nguyên. (4 ngày 3 đêm).**

_ Ngày 1: Núi Đèo – Minh Đức.

+ Sáng: 7 giờ đón khách, xuất phát từ thị trấn Núi Đèo, đưa khách tới thăm chùa Hàm Long, đền Phò Mã và đình Thợ tại thị trấn Núi Đèo.

+ Trưa: Ăn trưa, nghỉ ngơi tại thị trấn Núi Đèo.

+ Chiều: Thăm đình Chung Mỹ xã Trung Hà nơi thờ ông Trần Hưng Trí, sau đó du khách đến thăm miếu Phả Lễ nơi thờ Trần Hộ, Trần Độ.

+ Tối: Ăn tối và nghỉ ngơi tại khách sạn My Sơn ở thị trấn Minh Đức.

_ Ngày 2: Minh Đức- Tam Hưng- Minh Đức.

+ Sáng: Ăn sáng tại Minh Đức, sau đó du khách tới thăm đền Vũ Nguyên xã Tam Hưng, thăm bến đò Phà Rừng và bãi cọc Bạch Đằng năm xưa.

+ Trưa: ăn trưa tại thị trấn Minh Đức.

+ Chiều: thăm cụm di tích đền thờ Trần Quốc Bảo, lăng mộ Trần Quốc Bảo, đền Trần Hưng Đạo.

+ Tối: nghe hát Đúm, ăn và nghỉ tại khách sạn Minh Đức.

_ Ngày 3: Minh Đức - Cầu Giá.

+ Sáng: ăn sáng tại Minh Đức, từ Minh Đức rẽ đường mới qua xã Gia Đức đến thăm chùa và động Hang Lợn, tại đây du khách có thể tổ chức leo núi, vào trong hang thăm động, thăm các di vật còn lại trong chiến trận Bạch Đằng năm 1288.

+ Trưa: ăn trưa tại chân cầu Đá Bạc.

+ Chiều: vào thăm đền Thụ Khê, chùa Mai Động ở Liên Khê, tại đây du khách có thể tham quan những vườn đồi, vườn cây ăn quả, thú rừng không của thiên nhiên.

+ Tối: ăn tối và nghỉ tại nhà nghỉ Cầu Giá. Buổi tối du khách có thể thuê thuyền đi trên sông Giá nghe giới thiệu về lịch sử Thuỷ Nguyên.

_ Ngày 4: Cầu Giá - Núi Đèo

+ Sáng: ăn sáng tại Cầu Giá, sau đó du khách ghé thăm một số làng nghề như làng nghề mây tre đan ở Chính Mỹ, nghề đúc đồng ở Mỹ Đồng và thăm miệt vườn cau Cao Nhân.

+ Trưa: ăn trưa tại thị trấn Núi Đèo.

+ Chiều: vào thăm quan trung tâm thương mại huyện Thuỷ Nguyên và mua quà lưu niệm. Sau đó lên xe về Hải Phòng.

Tuy nhiên tour du lịch này chỉ thích hợp với những đoàn khách có số lượng vừa và nhỏ. Bởi hệ thống giao thông đến nhiều điểm tham quan còn đi lại khó khăn. Trong tương lai, khi dự án sông Giá, dự án sân Golf hoàn thành thì sẽ có thêm nhiều tour du lịch văn hoá kết hợp với du lịch sinh thái, du lịch nghỉ dưỡng mới hình thành.

KẾT LUẬN

Hiện nay, du lịch văn hoá với hình thức chủ yếu là tham quan các di tích và lễ hội đang là loại hình đ- ợc phát triển mạnh. Loại hình này lôi cuốn du khách đến tham quan các di tích lịch sử văn hoá nh- đình ,đền, miếu, các lễ hội cùng các tín ng- ỡng phong tục của làng xã.

Các di tích, lễ hội, phong tục tập quán là những yếu tố bảo l- u phong tục truyền thống của làng xã, cấu thành nên yếu tố văn hoá đậm sắc dân tộc cho địa ph- ơng, mang đậm tính cộng đồng của c- dân Việt. Thông qua đó góp phần quan trọng trong việc bảo tồn các giá trị văn hoá. Loại hình du lịch này góp phần giáo dục các tầng lớp nhân dân h- ớng về cội nguồn, giáo dục lòng yêu n- ớc và niềm tự hào dân tộc. Tìm hiểu giá trị các di tích, lễ hội sẽ đáp ứng đ- ợc nhu cầu về tìm hiểu lịch sử các vùng miền cho phát triển văn hoá du lịch, đặc biệt là giáo dục truyền thống cho thế hệ trẻ.

Các di tích lịch sử t- ớng nhớ t- ớng quân nhà trần ở Thuỷ Nguyên đã ghi dấu và chứa đựng nhiều giá trị văn hoá, giá trị lịch sử gắn liền với bao thăng trầm lịch sử của vùng đất. Thuỷ Nguyên là vùng đất tụ c- từ rất sớm, trong quá trình sinh sống làm ăn của mình, những con ng- ời nơi đây đã tạo nên một quần thể các di tích khang trang ,bê thế. Vùng đất này đã gắn liền với những chiến công hiển hách trong chống giặc ngoại xâm, giữ yên bờ cõi vùng biên viễn Đông Bắc tổ quốc. Đến nơi đây, ta sẽ cảm nhận một cách chân thực ,sinh động cuộc sống c- dân Thuỷ Nguyên hôm nay và quá khứ ngàn x- a. Đây là những yếu tố, những điều kiện thuận lợi cho phát triển du lịch văn hoá nhân văn.

Tuy nhiên Thuỷ Nguyên đang trên đà phát triển du lịch nên còn có nhiều khó khăn thiếu thốn về nhiều mặt. Do đó để khai thác tốt các di tích, lễ hội cho phát triển du lịch thì các cấp chính quyền địa ph- ơng và ngành du lịch cần có những biện pháp để bảo tồn, tu bổ, khôi phục các di tích cho xứng đáng với tầm vóc lịch sử của nó.

Chúng ta hãy đến với các di tích thờ t- ớng quân nhà Trần ở Thuỷ Nguyên để chiêm ng- ỡng và th- ờng thức những nét tài hoa của mỗi công trình lịch sử, chúng ta sẽ hình dung thấy đ- ợc tâm hồn và mạch sống của c- dân Thuỷ Nguyên. Sẽ thấy đ- ợc Thuỷ Nguyên có một sức cuốn hút đến vô cùng của một vùng đất mang đậm dấu ấn của những trang sử hào hùng trong chống giặc

ngoại xâm và dựng xây đất nước và sẽ cảm nhận được sự khoáng đạt của con người Thuỷ Nguyên, sự tài hoa, khéo léo, luôn biết trân trọng những quá khứ hào hùng của cha ông để lại.

Trong thời đại ngày nay, khi nền kinh tế phát triển, con người càng có xu hướng đi du lịch, các quốc gia trên thế giới ngày càng xích lại gần nhau thì nền văn hoá đã trở thành một loại hình hấp dẫn và lôi cuốn được đông đảo khách du lịch. Vì vậy, việc khai thác tài nguyên văn hoá để phát triển du lịch cần gắn liền với việc giữ gìn và bảo tồn các giá trị văn hoá dân tộc, đảm bảo cho mục tiêu phát triển bền vững.

Do điều kiện còn hạn chế nên khoá luận của em có điều kiện đánh giá đầy đủ về giá trị cũng như hoạt động của các di tích. Vì thế khoá luận không tránh khỏi những thiếu sót nên em rất mong được sự góp ý, phê bình của các thầy cô giáo và các nhà nghiên cứu để giúp cho đề tài được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn Bảo tàng thành phố Hải Phòng, Phòng văn hoá thông tin huyện Thuỷ Nguyên, ban quản lý di tích các xã đã cung cấp cho em tài liệu để hoàn thành khoá luận. Em xin cảm ơn các thầy cô giáo trong và ngoài khoa Văn hoá Du lịch Trường Đại Học Dân Lập Hải Phòng đã tận tình giảng dạy em trong thời gian em học tại trường. Đặc biệt em xin cảm ơn sâu sắc tới ThS Tạ Ngọc Minh - Người đã giúp em định hướng đề tài, hướng dẫn phương pháp điền dã, thu thập tài liệu và hình thành ý tưởng khoa học được thể hiện trong Khoá luận này./.

PHỤ LỤC

LỜI CẢM ƠN

Trong suốt thời gian 4 năm đ- ọc ngồi trên ghế giảng đ- ờng tr- ờng Đại học Dân lập Hải Phòng đã để lại trong em thật nhiều kỉ niệm. Đối với một sinh viên năm cuối đ- ọc làm khoá luận là một niềm vinh dự rất lớn, có đ- ọc kết quả nh- ngày hôm nay em xin gửi lời cảm ơn chân thành tới các thầy cô giáo trong khoa Văn hóa du lịch tr- ờng ĐHDL Hải Phòng.

Đặc biệt em muốn gửi lời cảm ơn sâu sắc tới ThS Tạ Ngọc Minh - Ng- ời đã trực tiếp h- ớng dẫn chỉ bảo và giúp đỡ tận tình trong suốt thời gian em làm khoá luận này.

Em cũng xin cảm ơn Bảo tàng thành phố Hải Phòng, Sở văn hoá thông tin Hải Phòng, UBND huyện Thuỷ Nguyên, Phòng văn hoá thông tin huyện Thuỷ Nguyên, Ban quản lý các di tích đã cung cấp tài liệu để em hoàn thành khoá luận này.

Do thời gian nghiên cứu, tìm hiểu và kiến thức còn hạn chế nên bài viết không tránh khỏi thiếu sót. Em rất mong đ- ọc sự cảm thông và góp ý của các thầy cô để bài khoá luận đ- ọc hoàn thiện hơn.

Em xin trân trọng cảm ơn!

Hải Phòng, ngày 26 tháng 5 năm 2009

Sinh viên

Bùi Thị Hoa

MỤC LỤC

Phần mở đầu

1. Tính cấp thiết của đề tài khoá luận.....	1
2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu của khoá luận.....	2
3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của khoá luận.....	2
4. Phương pháp nghiên cứu của khoá luận.....	2
5. Lịch sử nghiên cứu.....	3
6. Đóng góp của khóa luận.....	3
7. Bố cục của khoá luận.....	4

Chương 1: Tổng quan về du lịch văn hóa, di tích lịch sử văn hóa

1.1. Tài nguyên du lịch.....	5
1.1.1. Khái niệm về du lịch.....	5
1.1.2. Tài nguyên du lịch.....	5
1.1.3. Đặc điểm.....	6
1.2. Tài nguyên du lịch nhân văn.....	7
1.2.1. Khái niệm.....	7
1.2.2. Đặc điểm.....	7
1.2.3. Phân loại.....	8
1.2.3.1. Tài nguyên du lịch nhân văn phi vật thể.....	8
1.2.3.2. Tài nguyên du lịch nhân văn vật thể.....	8
1.3. Du lịch văn hoá.....	12
1.3.1. Khái niệm.....	12
1.3.2. Nội dung của sản phẩm du lịch văn hoá.....	13
1.3.3. Vai trò của các sản phẩm du lịch văn hóa.....	15

Chương 2: Khai thác giá trị lịch sử văn hóa các di tích thờ cúng quân nhà Trần ở huyện Thủy Nguyên – Hải Phòng

2.1. Giới thiệu khái quát về huyện Thủy Nguyên.....	17
2.1.1. Điều kiện tự nhiên và tài nguyên du lịch tự nhiên.....	17
2.1.2. Tài nguyên du lịch nhân văn huyện Thủy Nguyên.....	23
2.2. Một số di tích thờ cúng quân nhà Trần ở Thủy Nguyên.....	26

2.2.1. Di tích t- ởng nhớ t- ớng quân Trần H- ng Đạo.....	26
2.2.2. Di tích t- ởng nhớ t- ớng quân Trần Quốc Bảo.....	29
2.2.3. Di tích lịch sử văn hóa đền Vũ Nguyên.....	33
2.2.4. Miếu Phả Lễ.....	38
2.2.5. Di tích lịch sử đình Chung Mỹ.....	42
2.2.6. Di tích lịch sử đền Thụ Khê.....	50
2.3. Một số lễ hội tiêu biểu t- ởng nhớ t- ớng quân nhà Trần ở Thủy Nguyên.....	52
2.3.1. Lễ hội đền Thụ Khê.....	52
2.3.2. Lễ hội đình Chung Mỹ.....	53
2.3.3. Lễ hội Trần Quốc Bảo.....	54
2.4. Giá trị của các di tích và lễ hội.....	55
2.4.1. Giá trị lịch sử.....	55
2.4.2. Giá trị cộng đồng.....	56
2.4.3. Giá trị tâm linh.....	57
2.5. Thực trạng hoạt động du lịch tại các di tích.....	58
2.5.1. Thực trạng hoạt động du lịch.....	58
2.5.2. Cơ sở vật chất kĩ thuật.....	59
2.5.3. Công tác quản lí và tổ chức khai thác.....	59
2.5.4. Môi tr- ờng tài nguyên và môi tr- ờng xã hội của các điểm di tích....	61
2.6. Định h- ớng và mục tiêu phát triển du lịch của huyện Thủy Nguyên	61
Ch- ơng 3: Đề xuất một số giải pháp nhằm khai thác và phát triển du lịch văn hóa ở huyện Thủy Nguyên	
3.1. Giải pháp tăng c- ờng thu hút đầu t- về du lịch.....	63
3.2. Giải pháp tăng c- ờng công tác quảng bá, xúc tiến về du lịch.....	64
3.3. Giải pháp duy trì và tổ chức các lễ hội truyền thống.....	66
3.4. Giải pháp đào tạo nguồn nhân lực.....	66
3.5. Giải pháp bảo vệ tài nguyên du lịch tự nhiên, bảo tồn tôn tạo các di tích lịch sử văn hóa, lễ hội.....	67
3.6. Xây dựng cơ sở vật chất kĩ thuật phục vụ du lịch.....	70
3.7. Giải pháp về phát triển cơ sở hạ tầng.....	72
Kết luận.....	76

**Danh sách các di tích lịch sử văn hóa đ- ợc xếp hạng cấp thành
phố trên địa bàn huyện Thủy Nguyên**

STT	Tên di tích	Số, ngày, tháng, năm QĐ	Địa bàn của di tích
1	Chùa Ph- ợng Mỹ	52/QĐ - UB 15/01/2001	Thôn Ph- ợng Mỹ, xã Mỹ Đồng
2	Đền Mẫu	53/QĐ - UB 15/01/2001	Thôn Kiền Bái, xã Kiền Bái
3	Nghè - chùa Hà Phú	3029/QĐ - UB 30/10/2001	Thôn hà Phú, xã Hòa Bình
4	Đền - chùa L- ợng Kệ	85/QĐ - UB 16/01/2002	Thôn L- ợng Kệ, xã Hòa Bình
5	Đình Hàn Cầu	3037/QĐ - UB 30/10/2001	Thôn Hàn Cầu, xã Chính Mỹ
6	Đền chùa Du Lễ	83/QĐ - UB 16/01/2002	Thôn Du Lễ, xã Tam H- ng
7	Đình Đoan Lễ	84/QĐ - UB 16/01/2002	Thôn Đoan Lễ, xã Tam H- ng
8	Đình - chùa Dực Liên	2848/QĐ - UB 21/11/2002	Thôn Dực Liên, xã Thủy Sơn
9	Đình Trung	2848/QĐ - UB 21/11/2002	Thôn Th- ờng Sơn, xã Thủy Sơn
10	Chùa Phù L- u	2848/QĐ - UB 21/11/2002	Thôn Phù L- u, xã Phù Ninh
11	Đình Chiếm Ph- ợng	355/QĐ - UB 11/02/2003	Thôn Chiếm Ph- ợng, xã Hòa Bình
12	Đình - chùa Thái Lai	355/QĐ - UB 11/02/2003	Thôn Thái Lai, xã Cao Nhân
13	Đình - chùa Phù Liên	179/QĐ - UB 16/01/2004	Thôn Phù Liên, xã Thủy Sơn
14	Chùa Phục Lễ	2264/QĐ - UB 19/09/2003	Xã Phục Lễ
15	Chùa Cao Kênh	2266/QĐ - UB 19/09/2003	Thôn Cao Kênh, xã Hợp Thành
16	Chùa My Sơn	2263/QĐ - UB 19/09/2003	Xã Ngũ Lão
17	Miếu Phả Lễ	178/QĐ - UB 28/01/2005	Xã Phả Lễ

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

18	Từ đ- ờng họ Bùi	734/QĐ -UB 11/05/2005	Thôn Thiên Đông, xã Đông Sơn
19	Cụm di tích Trại Sơn	734/QĐ - UB 11/05/2005	An Sơn
20	Đình - đền Tuy Lạc	178/QĐ -UB 28/01/2005	Xã Thủy Triều
21	Chùa Tả Quan	1899/QĐ - UB	Xã D- ơng Quan
22	Phủ Đ- ờng Thủy Nguyên	244/QĐ -UB 09/02/2007	Xã Thiên H- ơng
23	Đền Nghè - Đền Chợ Giá	2177/QĐ -UB 07/11/2007	Xã kênh Giang
24	Đình Th- ơng, chùa Hàm Long	2175/QĐ -UB 07/11/2007	Thị trấn Núi Đèo
25	Đình chùa Trại Kênh	2174/QĐ - UB 07/11/2007	Xã Kênh Giang
26	Đình - Phủ từ Đông Môn	164/QĐ - UB 21/10/2009	Xã Hòa Bình
27	Đền Phò Mã		Thị trấn Núi Đèo
28	Đình Hạ Côi	162/QĐ - UB 21/01/2009	Xã Kỳ Sơn

Danh sách các di tích lịch sử văn hóa đ- ợc xếp hạng cấp quốc gia trên địa bàn huyện Thủy Nguyên

STT	Tên di tích	Số, ngày, tháng, năm QĐ	Địa bàn của di tích
1	Cụm di tích Trầg Kênh - Bạch Đằg	313 VH/QĐ 28/04/1962	Xã Minh Đứg
2	Đình - chùa Tây	310 QĐ/VH 13/02/1996	Xã Minh tân
3	Chùa Dằg Trung; hang Vua; hang áng Vải	310 QĐ/VH 13/02/1996	Xã Minh Tân
4	Đình Tả Quan	3951 QĐ/BVHTT 20/12/1997	Xã D- ợg Quan
5	Miếu Thủy Tú	2307 VH/QĐ 30/12/1991	Thôn Thủy Tú, xã Thủy Đ- ợg
6	Đình - chùa Lôi Động	310 QĐ/VH 13/02/1996	Xã Hoàng Động
7	Đền - chùa Hoàng Pha	983 VH/QĐ 04/08/1992	Thôn Hoàng Pha, xã Hoàng Động
8	Đền Trình H- ợg	2307 VH/QĐ 30/12/1991	Thôn Trình H- ợg, xã Thiên H- ợg
9	Đền - chùa Trình Xá	97 VH/QĐ 21/01/1992	Thôn Trình Xá, xã thiên H- ợg
10	Đền Thụ Khê	310 QĐ/VH 13/02/1996	Thôn Thụ Khê, xã Liên Khê
11	Chùa Thiểm khê	310 QĐ/VH 13/02/1996	Thôn Thiểm Khê, xã Liên Khê
12	Chùa Mai Động	310 QĐ/VH 13/02/1996	Thôn Mai Động, xã Liên Khê
13	Cụm di tích t- ợg niệm trạng nguyên Lê ích Mộc	57 VH/QĐ 18/01/1993	Thanh Lằg, xã Quảng Thanh
14	Đền Quảng C-	2307 VH/QĐ 30/12/1991	Thôn Quảng C- , xã Quảng Thanh
15	Đình Thanh Lằg	57 VH/QĐ 18/10/1993	Thôn Thanh Lằg, xã Quảng Thanh
16	Miếu Ph- ợg Mỹ	97 VH/QĐ 21/01/1992	Thôn Ph- ợg Mỹ, xã Mỹ Đằg
17	Đình Đằg Lý	57 VH/QĐ 18/01/1993	Thôn Đằg Lý, xã Mỹ Đằg

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

18	Chùa Câu Tử Ngoại	57 VH/QĐ 18/01/1993	Thôn Câu Tử Ngoại xã Hợp Thành
19	Chùa Nhân Lý	983 VH/QĐ 04/08/1992	Thôn Nhân Lý,xã Cao Nhân
20	Đình Tân D- ơng	152 VH/QĐ 25/01/1994	Xã Tân D- ơng
21	Đình Kiên Bái	235 VH/QĐ 12/12/1986	Xã Đình Kiên Bái
22	Đền An L-	1539 VH/QĐ 27/12/1990	Đền An L-
23	Đình Chung Mỹ	2754 VH/QĐ 15/10/1994	Thôn Chung Mỹ,xã Trung Hà

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. *Anh hùng dân tộc thiên tài quân sự Trần Quốc Tuấn và quê hương Nam Định*- NXB Quân đội nhân dân.
2. Bùi Thị Hải Yến, *Tuyến điểm du lịch Việt Nam*- NXB Giáo dục.
3. Hà Văn Tấn - Phạm Thị Tâm, *Cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Nguyên Mông thế kỷ 13*.
4. *Hồ sơ di tích* - ban quản lý di tích Hải Phòng.
5. Huyện ủy, UBND huyện Thủy Nguyên - *Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội huyện Thủy Nguyên đến năm 2020*.
6. Huyện ủy, UBND, phòng giáo dục huyện Thủy Nguyên - *Thủy Nguyên quê hương em*- NXB Hải Phòng, 1998.
7. HĐND thành phố Hải Phòng- *Kỷ yếu kỳ họp thứ VI hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng khóa VIII nhiệm kỳ 2004 – 2009, năm 2006*.
8. Nguyễn Văn Đỉnh cùng nhóm tác giả- *Kinh tế du lịch*, NXB lao động và xã hội Hà Nội, 2004.
9. Ngô Sĩ Liên- *Đại Việt sử ký toàn thư- II*.
10. Nguyễn Minh Tuệ(chủ biên)- *Địa lý du lịch*, NXB thành phố Hồ Chí Minh.
11. *Luật du lịch Việt Nam*, năm 2006.
12. Phạm Trung Lương cùng nhóm tác giả- *Tài nguyên và môi trường du lịch Việt Nam*, NXB Giáo dục 2000.
13. Trần Phương- *Du lịch văn hóa Hải Phòng*, NXB Hải Phòng, Sở du lịch Hải Phòng, 2006.
14. Tổng cục thống kê- *Niên giám thống kê Hải Phòng năm 2006*.
15. Trần Đức Thanh- *Nhập môn khoa học du lịch*, NXB Đại học QGHN, 1999.
16. Website: www.Haiphonggov.vn
17. Website: www.goole.com.vn
18. Website: www.sodulichgov.vn



Khu vực cổng Ôn Trộn Quốc Bào



Kh«ng khÝ t«i «Òn v«o nguy m«ng mét, h«m r»m



Ban thê TrÇn Quèc B¶o



L'ng mé TrÇn Quèc B¶o



Cổng @Ồn TrÇn H-ng §'o





Ban thê chÝnh



Sơ bản di sản văn hóa trên địa bàn tỉnh Quảng Nam năm 1288



Đền Võ Nguyên



Ban thê mi Ờu Ph Ờ LỜ



Khu di tỹch lỖch sỖ Ỗ×nh Chung Mũ



Ban thờ chính của đình Chung Mỹ



Ban Sóc Thành Trại tại Sơn Thôn Khê



